

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

CAO THÀNH TUÂN

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH
ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

CAO THÀNH TUÂN

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH
ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ
Mã số: 9229002

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. TS. PHAN MẠNH TOÀN



2. TS. HOÀNG THU TRANG



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và kết quả nêu trong luận án là trung thực; có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Cao Thành Tuấn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	7
1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh	7
1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay	15
1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay	20
1.4. Giá trị của các công trình được tổng quan và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu	29
Chương 2: VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	34
2.1. Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh	34
2.2. Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay - Thực chất và những nhân tố ảnh hưởng	62
Chương 3: VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN	98
3.1. Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay - Thành tựu và nguyên nhân	98
3.2. Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay - Hạn chế và nguyên nhân	128

Chương 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	151
4.1. Tiếp tục phát huy vai trò tích cực, sáng tạo của các chủ thể trong vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay	151
4.2. Đa dạng hóa các phương thức vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh gắn với từng điều kiện thực tiễn cụ thể	163
4.3. Tăng cường thực hành dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	174
KẾT LUẬN	184
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	186
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	187

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, quần chúng nhân dân luôn đóng vai trò là lực lượng trung tâm, là cội nguồn tạo nên sức mạnh dân tộc. Từ thời dựng nước cho đến các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc, rồi đến công cuộc đổi mới đất nước, sức mạnh nhân dân luôn là yếu tố then chốt tạo nên mọi thắng lợi lịch sử. Những chiến thắng vang dội như chiến thắng Bạch Đằng, chiến thắng Chi Lăng, hay cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám và chiến thắng Điện Biên Phủ đều là minh chứng sống động cho vai trò quyết định của Nhân dân. Trong thời đại ngày nay, khi đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ trước làn sóng toàn cầu hóa, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và các biến động địa chính trị thế giới, thì việc tiếp tục phát huy sức mạnh của Nhân dân càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa sâu sắc tinh thần yêu nước, trọng dân, “lấy dân làm gốc” của cha ông, đồng thời tiếp thu và phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn thể hiện một tư tưởng nhất quán và sâu sắc về vai trò trung tâm của nhân dân, không chỉ trên phương diện chính trị, mà còn ở phương diện đạo đức và nhân sinh. Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là một trong những tư tưởng nền tảng, thể hiện mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, là biểu hiện tập trung của triết lý “vì dân, do dân”.

Tư tưởng này không chỉ thể hiện trong lý luận mà còn thể hiện rất thiết thực trong hoạt động thực tiễn cách mạng của Người. Trong phần mở đầu của *Di chúc*, Người khẳng định: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa” [94, tr.615]. Người cũng chỉ rõ tầm quan trọng của việc phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân trong tiến trình cách mạng dân tộc: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và

phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân” [91, tr.672]. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn chú ý khơi dậy vai trò, sức mạnh của Nhân dân. Chính nhờ tư tưởng đó mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã tập hợp và phát huy được sức mạnh to lớn của toàn dân trong các cuộc kháng chiến và xây dựng đất nước.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng “thân dân”, lấy Nhân dân làm trung tâm của sự nghiệp phát triển. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “Phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”... Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [32, tr.27-28]. Quan điểm này không chỉ mang tính kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn là kết tinh từ chính những bài học lịch sử quý báu được đúc kết qua gần 40 năm đổi mới đất nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, việc phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân đang đứng trước nhiều thách thức cả về khách quan lẫn chủ quan. Một mặt, những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế, xã hội đã nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, mở rộng dân chủ và khơi dậy được khát vọng phát triển đất nước. Mặt khác, vẫn còn tồn tại những biểu hiện quan liêu, xa dân, áp đặt mệnh lệnh hành chính, làm giảm hiệu quả trong việc huy động sức dân. Một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái đạo đức,..., trong khi đó các thế lực thù địch lại triệt để khai thác những yếu kém này để kích động, chia rẽ mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân. Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam đang phải đối mặt với những vấn đề mang tính toàn cầu như biến đổi khí hậu, khủng hoảng kinh tế, bất bình đẳng xã hội, an ninh phi truyền thống... Tất cả đòi hỏi sự tham gia ngày càng sâu rộng và chủ động của Nhân dân vào các tiến trình phát triển và quản trị quốc gia. Điều này không thể đạt được nếu tư tưởng “thân dân” không được thấm nhuần trong hoạt động của các cấp chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và từng cán bộ, đảng viên.

Về phương diện lý luận triết học, việc nghiên cứu tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là một hướng đi quan trọng để làm sâu sắc hơn nhận thức về chủ thể lịch sử, về mối quan hệ giữa cá nhân - xã hội - nhà nước, cũng như về

bản chất dân chủ và nhân văn của tiến trình phát triển xã hội. Tư tưởng này là sự kết nối giữa triết học phương Đông và phương Tây, giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và tinh thần dân tộc Việt Nam, giữa lý luận và thực tiễn, mang tính toàn diện và bền vững. Về phương diện thực tiễn, yêu cầu phát triển bền vững đất nước đòi hỏi phải huy động tối đa các nguồn lực, trong đó sức mạnh nội sinh của Nhân dân đóng vai trò then chốt. Phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân không chỉ là phát huy sức lao động, sáng tạo, mà còn là phát huy trí tuệ, tinh thần yêu nước, đoàn kết và ý chí vươn lên. Thực tế cũng cho thấy, nơi nào chính quyền gần dân, lắng nghe dân, tôn trọng dân thì nơi đó có sự đồng thuận cao, sự phát triển ổn định và bền vững.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn nêu trên, có thể khẳng định rằng việc nghiên cứu, vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong giai đoạn hiện nay là một vấn đề cấp thiết, vừa mang ý nghĩa lý luận sâu sắc, vừa có giá trị thực tiễn to lớn. Đây không chỉ là yêu cầu của sự phát triển đất nước, mà còn là phương thức bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành CNDVBC và DVLS.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích

Trên cơ sở nghiên cứu tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh và phân tích thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay, luận án đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án sẽ giải quyết những nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, tổng quan những vấn đề liên quan đến đề tài luận án; chỉ rõ những kết quả chính mà các tác giả đi trước đã thực hiện, xác định những nội dung luận án tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, hệ thống hóa, làm rõ tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh; thực chất của việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay và những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình này.

Ba là, phân tích, đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay và nguyên nhân của thực trạng đó.

Bốn là, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống phong phú, bao quát nhiều lĩnh vực. Luận án tập trung nghiên cứu những nội dung chủ yếu trong tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh trên một số phương diện cơ bản: (1) Lấy dân làm gốc, tôn trọng dân ý, hiểu thấu dân tâm; (2) Đảm bảo dân sinh; (3) Chú trọng nâng cao dân trí; (4) Thực hiện “dân quyền”, đảm bảo mọi quyền lực thuộc về Nhân dân. Trên cơ sở đó, luận án đi sâu phân tích, đánh giá các nội dung lý luận, thực trạng và giải pháp liên quan đến vấn đề vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam trong giai đoạn từ đổi mới (1986) đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; các quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh và của Đảng, Nhà nước ta về vai trò của Nhân dân, về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; kết hợp với các phương pháp nghiên cứu cụ thể như:

Luận án sử dụng phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu và đánh giá số liệu có liên quan của các tài liệu, công trình được công bố của các học giả ở trong và ngoài nước; dùng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic để đánh giá tổng quan tình hình liên quan đến đề tài luận án.

Phương pháp khái quát hoá, hệ thống hoá, so sánh, trừu tượng hoá được sử dụng để làm rõ một số khái niệm liên quan đến đề tài; đồng thời sử dụng khái quát hoá, so sánh, phân tích văn bản và nghiên cứu giá trị để luận giải, nhận định làm rõ nội dung cơ bản về vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

Luận án sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, tổng kết thực tiễn, so sánh, thống kê để nhận định, đánh giá thực trạng và chỉ rõ nguyên nhân thực trạng liên quan đến vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp như: tổng kết thực tiễn, phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, so sánh để luận giải các nhân tố ảnh hưởng, đề ra giải pháp vận dụng hiệu quả tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

5. Những đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án đã góp phần hệ thống hóa một cách khoa học tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh, làm rõ nội hàm, giá trị cốt lõi và bản chất của tư tưởng này trong tổng thể hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, luận án

cũng chỉ ra các nhân tố có ảnh hưởng đến quá trình vận dụng tư tưởng “thân dân” trong thực tiễn Việt Nam hiện nay, bao gồm điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường chính trị, văn hóa truyền thống dân tộc và sự tác động của bối cảnh toàn cầu hóa.

Thứ hai, luận án tiến hành khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của Nhân dân ở Việt Nam trên ba phương diện: phát huy nguồn lực vật chất, phát huy sức mạnh tinh thần và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Qua đó, luận án chỉ ra những thành tựu đạt được, những mặt còn hạn chế và phân tích rõ nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trong quá trình vận dụng, từ cả góc độ chủ quan và khách quan.

Thứ ba, trên cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu, luận án đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu của luận án góp phần hệ thống hóa, làm sâu sắc thêm tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay dưới góc độ chuyên ngành Triết học. Luận án góp phần cung cấp những căn cứ lý luận cho việc nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay; qua đó, góp phần hiện thực hóa tư tưởng của Người trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH

Tư tưởng Hồ Chí Minh từ lâu đã là đề tài nghiên cứu thu hút sự quan tâm của không ít cá nhân, tổ chức. Các nghiên cứu của những học giả nước ngoài về Hồ Chí Minh là khá đa diện và đạt được nhiều thành tựu. Tuy nhiên, tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh chưa được nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên biệt; phần lớn được thể hiện qua các nhận định trong những công trình nghiên cứu về tiểu sử, sự nghiệp hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh. Một số công trình tiêu biểu như:

David Halberstam (1971) trong cuốn sách “*Ho*” [152] đã nhìn nhận Hồ Chí Minh như là hiện thân sống động của một cuộc cách mạng xã hội sâu sắc, đồng thời là biểu tượng kết tinh của đời sống, hy vọng, khát vọng giải phóng, sự đấu tranh không ngừng, những hy sinh lớn lao và chiến thắng cuối cùng của tầng lớp nông dân - lực lượng đông đảo và cơ bản trong cấu trúc xã hội Việt Nam. Halberstam không chỉ dừng lại ở việc khắc họa vai trò lịch sử của Hồ Chí Minh, mà còn tìm kiếm căn nguyên của sự gắn bó bền chặt giữa ông và quần chúng nhân dân trong chính những phẩm chất đạo đức và chính trị đặc biệt của vị lãnh tụ này. Theo đó, Hồ Chí Minh không màng đến quyền lực như một mục đích tự thân; ông không tìm kiếm sự tô điểm hình thức cho vị thế lãnh đạo của mình, bởi lẽ ông đặt niềm tin vững chắc vào bản thân, và quan trọng hơn, vào mối quan hệ gắn bó, đồng cảm và tương hỗ giữa mình với Nhân dân. Đây chính là biểu hiện nhất quán và sâu sắc của tư tưởng “thân dân” - một trụ cột trong thế giới quan chính trị của Hồ Chí Minh, thể hiện ở việc ông luôn coi Nhân dân là chủ thể của lịch sử, là nguồn sức mạnh chân chính của cách mạng, và là điểm tựa đạo lý trong mọi hành động chính trị.

Nhà nghiên cứu người Nga A.X. Varônhin (2010) trong cuốn sách *Chính sách xã hội và tinh thần thời đại của Hồ Chí Minh* [5], cho rằng tầm vóc nhân vật Hồ Chí Minh như một chính trị gia đòi hỏi chúng ta nghiên cứu những quan điểm và chính sách chính trị - xã hội của Người trong bối cảnh lịch sử rộng hơn nữa. Phẩm chất vĩ đại của Hồ Chí Minh như một chính trị gia là ở chỗ Người hiểu rất rõ và đặt niềm tin sâu sắc vào năng lực, sự nhiệt huyết và sự nhận thức đang trỗi dậy trong Nhân dân. Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ Nhân dân, chưa bao giờ đi chệch khỏi con đường phục vụ Nhân dân, bảo vệ lợi ích của Nhân dân, dù chỉ một bước, dù phải chịu bao nhiêu gian khổ. Trong mọi vấn đề, trong mọi việc, từ nhỏ đến lớn, thước đo chân lý của Người là một đất nước Việt Nam độc lập tự do và tiến bộ xã hội. Lợi ích của Nhân dân là khởi điểm và cũng là cái đích đến cuối cùng, là hòn đá tảng của triết lý và hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh. Không hiểu được điều này có nghĩa là không hiểu được điều quan trọng nhất tạo nên sự khác biệt của Hồ Chí Minh với các chính trị gia vĩ đại khác của thế kỷ XX.

Khẳng định giá trị và sức sống của giá trị tinh thần Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới nói chung, cụ thể là Nhân dân Mỹ Latinh, nhà báo, nhà hoạt động chính trị người Mêhicô Igonaxiô Gônxalet Hanxen trong cuốn sách *Tinh thần Hồ Chí Minh ở Mỹ Latinh* [42] đã phân tích tầm nhìn xa và thiên bẩm chính trị của Hồ Chí Minh trong mối tương tác với nhân dân. Theo tác giả, đối với những người cách mạng và những nhà đấu tranh xã hội trên toàn thế giới, tấm gương đấu tranh của nhân dân Việt Nam luôn gắn liền với tầm nhìn xa của Hồ Chí Minh - tầm nhìn mang tính giác ngộ, đoàn kết và tập hợp lực lượng, với một niềm tin vào chủ nghĩa yêu nước lịch sử của quần chúng. Tầm nhìn xa và thiên bẩm chính trị Hồ Chí Minh được nảy sinh từ mối quan hệ gắn bó với người dân và nhận thức nhạy bén trước những nguyện vọng của Nhân dân. Hồ Chí Minh đã dạy “làm chính trị” với sự tham gia tích cực và có tổ chức của toàn dân. Tình yêu Tổ quốc và đồng bào luôn hiện hữu trong từng cư xử và từng nỗi trăn trở của Người - mang lại hạnh phúc cho Nhân dân.

Liên quan đến tư tưởng và thực tiễn hoạt động chính trị vì Nhân dân của Hồ Chí Minh, một số bài viết trên tạp chí ở nước ngoài cũng có nhiều nhận định sâu sắc. Xã luận trên tuần báo *Băng chứng Thiên Chúa giáo* viết: “Cụ Hồ Chí Minh là một trong những chiến sĩ đầu tiên của thế giới thứ ba, của các dân tộc nghèo đói và khát khao cuộc sống cho ra con người”. Tờ *Manila Times* thì viết: “Cụ Hồ là một biểu tượng của châu Á. Không những cụ đã thành công trong sự lãnh đạo một cách mẫu mực, toàn tâm, toàn ý phục vụ quyền lợi của Nhân dân mà còn nêu một chân lý chưa từng thấy: Một dân tộc dù nhỏ bé nếu có quyết tâm thì có thể chống lại cả những cường quốc quân sự mạnh nhất” [147].

Ở các bài viết nêu trên, những nội dung “thân dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã được phản ánh một cách gián tiếp qua chủ đề khác. Ngay ở phần nội dung của các bài viết đề cập những khía cạnh khác nhau liên quan đến tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về Nhân dân cũng thiên về nêu lên luận điểm hơn là luận giải. Bản chất, vị trí, vai trò của Nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh và nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về “thân dân” chưa thực sự hệ thống và rõ nét trong các nghiên cứu trên.

Ở Việt Nam, từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới đến nay, mặc dù chưa có các nghiên cứu thực sự quy mô về tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh, song những nội dung có liên quan cũng đã được bàn đến trong một số công trình. Cụ thể như:

Phạm Hồng Chương (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ* [12]. Trong cuốn sách, tác giả đã khái quát bản chất dân chủ trong quan niệm của Hồ Chí Minh là một phạm trù chính trị trung tâm, có liên hệ mật thiết với quan niệm về nhà nước, về quyền lực và về vai trò của Nhân dân trong đời sống chính trị - xã hội. Theo tác giả, dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là một giá trị phổ quát về quyền lực thuộc về Nhân dân, mà còn là một mô hình tổ chức thực tiễn nhằm thiết lập một trật tự chính trị trong đó Đảng Cộng sản giữ vai trò lãnh đạo, Nhân dân lao động là chủ thể quyền lực, và Nhà nước là công cụ dân chủ hóa gắn bó với Nhân dân nhưng kiên quyết đối kháng với

những thế lực phản động, chống lại lợi ích của dân tộc. Khái niệm dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh không tách rời mà gắn bó hữu cơ với tinh thần “thân dân” - một nguyên lý đạo đức-chính trị xuyên suốt trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người. Quan niệm về nhà nước dân chủ - với đặc trưng “Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý” - thể hiện rõ định hướng phát huy tối đa sức mạnh nội sinh của Nhân dân. Bằng việc tổ chức các đoàn thể quần chúng, huy động sự tham gia tích cực của Nhân dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách, Hồ Chí Minh không chỉ tái khẳng định vai trò trung tâm của Nhân dân trong cơ cấu quyền lực, mà còn nâng cao năng lực tự quản và tính chủ động của Nhân dân trong việc xây dựng xã hội mới. Nói cách khác, dân chủ đối với Hồ Chí Minh không phải là một mục tiêu viễn tưởng, mà là hiện thực sống động được hình thành qua sự “thân dân” của lãnh đạo và sự thức tỉnh chính trị của quần chúng. Có thể thấy, tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh, như được tác giả phân tích, không thể tách rời khỏi cốt lõi “thân dân” và lý tưởng phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Đây chính là nền tảng triết học - chính trị sâu xa cho việc xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân trong điều kiện lịch sử của Việt Nam hiện đại.

Đỗ Thị Hồng Thu (2008), *Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đến tư tưởng lấy dân làm gốc của Hồ Chí Minh* [122]. Tác giả khẳng định, tư tưởng trọng dân là tư tưởng chính trị xuyên suốt trong lịch sử dân tộc Việt Nam đã được lịch sử dân tộc kiểm chứng: Chỉ khi nào chính quyền an dân, vì dân, trọng dân thì nước thịnh, khi nào chính quyền xa dân, xem thường dân thì nước suy. *Dân là gốc* trở thành một *triết lý chính trị* song hành, định hướng, quyết định sự thịnh hưng hay suy vong của quốc gia. Tư tưởng chính trị này được nhiều bậc trí thức cùng các vương triều phong kiến Việt Nam coi trọng và vận dụng thành công trong việc củng cố quyền lực, việc tập hợp sức mạnh của dân vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, kiến thiết quốc gia. Cùng với quá trình phát triển của xã hội, tư tưởng chính trị lấy dân làm gốc được bổ sung thêm những giá trị mới tiến bộ, nhằm đáp ứng đòi hỏi mới. Đến thời đại Hồ Chí Minh, tư tưởng đó đã được phát triển lên một trình độ mới, đáp ứng được những đòi hỏi

lịch sử của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giai cấp, mang lại hạnh phúc cho đại đa số Nhân dân.

Bùi Đình Phong (2015), *Hồ Chí Minh lấy dân làm gốc* [106]. Cuốn sách khẳng định “Lấy dân làm gốc” là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Quan điểm cơ bản trong tư tưởng của Người về vai trò quần chúng nhân dân là: “Dân là gốc của một nước, nước lấy dân làm gốc”. Đây chính là chân lý mà Người đúc kết được sau bao năm bôn ba hoạt động ở nước ngoài và tổng kết từ thực tiễn cách mạng trong nước. Hồ Chí Minh khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của Nhân dân”; “Trong cuộc kháng chiến kiến quốc lực lượng chính là ở dân”; “Cách làm là dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân, để gây hạnh phúc cho dân”; “Gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”. Cuốn sách tập hợp các bài nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh như: chính phủ là công bộc của dân, lấy dân làm gốc, dân ủy quyền cho Quốc hội bầu Chính phủ để phục vụ nhân dân; Tổ chức dân và học cách làm dân; Mọi quan hệ giữa cán bộ với dân.

Tác giả Phan Mạnh Toàn trong bài viết “Từ “Dân bản” của Nho giáo đến “Dân chủ” trong tư tưởng Hồ Chí Minh” [129] đã khẳng định, trong quá trình tiếp thu tinh hoa của kho tàng tư tưởng nhân loại, Hồ Chí Minh đã gạt bỏ những yếu tố tích cực, có giá trị của Nho giáo để phục vụ sự nghiệp cách mạng. Những khái niệm, mệnh đề của Nho giáo mà Người sử dụng đã có sự khác biệt về chất. Nho giáo từng coi “dân là gốc nước”, nhưng mới chỉ dừng lại ở quan niệm “dân bản” mà chưa phải là “dân chủ”. Với Hồ Chí Minh, vấn đề dân chủ không chỉ nằm trong quan niệm, trong nhận thức mà điều quan trọng cốt yếu là phải hiện thực hóa nó, nghĩa là phải thực hành dân chủ. Thực hành dân chủ trong cách hiểu của Người cũng mang một nội dung toàn diện, sâu sắc; ở đó có sự thống nhất biện chứng giữa dân tâm, dân ý với dân sinh, dân trí, dân quyền. Thực hành dân chủ tức là phải hiện thực hóa toàn bộ các vấn đề đó trong thực tế đời sống xã hội.

Nguyễn Phương An (2017), *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về nhân dân và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay* [1]. Trong luận án, tác giả đã phân tích làm rõ tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về vị trí và vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, phân tích làm rõ việc đảm bảo thực hiện vị trí, vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam theo tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, giải phóng Nhân dân, đưa Nhân dân lên địa vị làm chủ, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Trên cơ sở đó luận án đưa ra ý nghĩa của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về Nhân dân đối với công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay thể hiện ở hai nội dung cơ bản: (1) Công cuộc đổi mới phải đạt được mục tiêu và lý tưởng của nhân dân Việt Nam: Công cuộc đổi mới phải đạt tới “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; Công cuộc đổi mới phải đạt tới Nhân dân “ấm no, tự do, hạnh phúc”, con người phát triển toàn diện; (2) Công cuộc đổi mới chỉ thành công khi phát huy được toàn bộ sức mạnh của Nhân dân: Nhân dân thực sự là chủ và làm chủ quá trình đổi mới; Phát huy được mọi tiềm năng trong Nhân dân, nguồn lực vĩ đại của Nhân dân.

Thân dân, dân chủ, dân quyền, dân vận trong tư tưởng, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh cũng là nội dung của nhiều bài viết trên các tạp chí khoa học, cụ thể như:

Nguyễn Đình Hòa (2011) trong bài viết *Độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân - cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh* [44] đã luận giải để khẳng định, đối với Hồ Chí Minh, độc lập cho dân tộc luôn gắn liền với hạnh phúc cho Nhân dân. Độc lập dân tộc là mục tiêu hàng đầu của cách mạng Việt Nam, là tiền đề quan trọng để đưa đất nước tiến tới chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội không gì khác hơn là giải phóng và phát triển con người, là hạnh phúc của Nhân dân. Đó không chỉ là giá trị cốt lõi, hạt nhân xuyên suốt tư tưởng cách mạng và nhân văn của Hồ Chí Minh, mà còn là định hướng chủ đạo mang tầm chiến lược, soi đường cho Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo Nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phạm Văn Bình (2013), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề dân quyền* [9]. Tác giả đã khẳng định, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, thực hành dân chủ là mục tiêu và động lực của công tác quần chúng; quyền dân chủ chính là quyền chính trị tất yếu của Nhân dân, phải phát triển quyền dân chủ cho Nhân dân, giáo dục ý thức dân chủ cho dân bằng cách nâng cao dân trí và hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng một thiết chế chính trị hoàn chỉnh, tích cực, đưa Nhân dân tham gia vào sinh hoạt chính trị trong xã hội; dân quyền là quyền công dân do luật pháp quy định và đảm bảo, trong đó, quyền dân sự và quyền chính trị là hai quyền cơ bản.

Nghiên cứu tác phẩm *Di chúc* của Hồ Chí Minh, tác giả Nguyễn Tất Giáp (2014) trong bài viết *Trọng dân, thân dân - Tư tưởng nổi bật trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* [37], đã trình bày những bổ sung, phát triển tư tưởng trọng dân, “thân dân” trong triết lý truyền thống của dân tộc và văn hóa nhân loại của Hồ Chí Minh để làm nên diện mạo mới, bản chất mới của quan niệm này trên ba khía cạnh: (1) Khái niệm về “Dân” trong quan niệm của Hồ Chí Minh có sự khác biệt với khái niệm “Dân” trong quan niệm của các nhà tư tưởng phong kiến và tư sản ở phương Đông và phương Tây; (2) Chỉ rõ vai trò tích cực, chủ động của người dân trong những hoạt động thực tiễn nhằm mang lại ấm no, hạnh phúc cho chính họ; (3) Dựa vào dân, coi dân là gốc và lấy dân làm gốc hoàn toàn không phải là một khẩu hiệu, một “nghệ thuật” chính trị, mà đó là một chiến lược cách mạng xuyên suốt trong các thời kỳ, các giai đoạn lịch sử. Từ đó, tác giả chứng minh: Trọng dân, “thân dân” là tư tưởng nổi bật trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở mọi thời đại cách mạng, Hồ Chí Minh luôn khẳng định, đánh giá cao vai trò, sức mạnh của Nhân dân. Nhân dân chính là một trong những động lực chủ yếu, là lực lượng có sức mạnh vô địch và là lực lượng quyết định sự thành bại của cách mạng trong cả giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà và giai đoạn xây dựng xã hội mới văn minh, tốt đẹp. Hồ Chí Minh luôn quán triệt sâu sắc trong tư duy và hành động bài học dân là gốc và lấy dân làm gốc.

Lâm Quốc Tuấn (2016), *Tinh thần thân dân trong văn hóa chính trị phương Đông và Việt Nam truyền thống* [130]. Bài viết khẳng định, trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, phạm trù “dân” có một ý nghĩa đặc biệt. Tư tưởng “thân dân”, khoan dân, yêu dân, dựa vào dân được xem là điều kiện sống còn của Nhà nước. Thực tiễn chứng minh, những cuộc chiến tranh giành độc lập hay bảo vệ đất nước chỉ khi nào huy động được sức mạnh của cả dân tộc mới làm nên chiến thắng. Tác giả phân tích tinh thần “thân dân” - nét đặc trưng văn hóa chính trị truyền thống phương Đông; làm rõ tư tưởng “thân dân” trong văn hóa chính trị Việt Nam truyền thống, tư tưởng “thân dân” trong văn hoá chính trị Hồ Chí Minh.

Phạm Thị Vui (2019), *Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về tăng cường gắn bó mật thiết giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân trong giai đoạn hiện nay* [138]. Bài viết phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa cán bộ, đảng viên với Nhân dân: *Thứ nhất*, cán bộ, đảng viên từ Nhân dân mà ra; *Thứ hai*, cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần gương mẫu, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; *Thứ ba*, cán bộ, đảng viên chịu sự giám sát, phê bình của Nhân dân; *Thứ tư*, Nhân dân có nghĩa vụ và trách nhiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định tầm quan trọng của việc tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa cán bộ, đảng viên với Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta. Vì vậy, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ, đảng viên với Nhân dân luôn là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng hiện nay, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cần nhận thức rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình trước Nhân dân; không ngừng học tập nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực công tác; thường xuyên tự tu dưỡng, rèn luyện, là tấm gương sáng về phẩm chất đạo đức cách mạng.

Các nghiên cứu trên đều khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn to lớn của quan điểm “thân dân” trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Những nghiên cứu này cung cấp tư liệu cần thiết mà nghiên cứu sinh có thể tham khảo để thực hiện những nhiệm vụ trong chương 2 của luận án, nhằm làm rõ những vấn đề

lý luận về tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh và vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh trong phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tô Lâm (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giữ gìn trật tự, an ninh* [54]. Nội dung cuốn sách trình bày cơ sở, quá trình hình thành, phát triển và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Nhân dân và thực trạng vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp giữ gìn trật tự, an ninh và giá trị tư tưởng của Người trong sự nghiệp giữ gìn trật tự, an ninh ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng “trọng dân”, “thân dân”, “nước lấy dân làm gốc” trong lịch sử dân tộc và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”. “Giữ gìn trật tự, an ninh trước hết là việc của công an, bộ đội, cảnh sát”, nhưng để đạt hiệu quả cao thì “việc giữ gìn trật tự, an ninh càng phải dựa vào sáng kiến và lực lượng của nhân dân”. Thấm nhuần lời dạy sâu sắc của Người, lực lượng vũ trang nhân dân đã luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, dựa vào nhân dân, khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, tiềm năng và sáng kiến của nhân dân, vận động Nhân dân tham gia tích cực, có hiệu quả vào sự nghiệp bảo vệ trật tự, an ninh.

Đàm Văn Thọ (1996), *Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh* [119]. Luận án đã phân tích tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh, sự vận dụng tư tưởng “thân dân” thể hiện cụ thể trong mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, chỉ ra những ưu điểm và truyền thống gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân trong các giai đoạn cách mạng của nước ta, đồng thời chỉ ra thực trạng mối quan hệ đó hiện nay: Đó là sự thiếu gắn bó chặt chẽ giữa Đảng Nhà nước và Nhân dân; tình trạng quan liêu hóa trong các cơ quan lãnh

đạo, quản lý và các tổ chức chuyên trách về công tác quần chúng. Hậu quả và làm giảm lòng tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và khả năng điều hành của Nhà nước, dẫn đến quan hệ giữa Đảng và nhân dân bị giảm sút, có nơi khá nghiêm trọng.

Lê Hữu Nghĩa (2016), *Thực hành và phát huy dân chủ qua 30 năm đổi mới* [99]. Bài viết khẳng định, nhìn lại 30 năm đổi mới, chúng ta rút ra bài học: Đổi mới luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của Nhân dân, dựa vào Nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần sáng tạo và mọi nguồn lực của Nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Tác giả phân tích thực trạng dân chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và nguyên nhân của thực trạng đó. Căn cứ vào thực trạng, tác giả phân tích những vấn đề đặt ra bao gồm: (1) Tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ về lý luận và thực tiễn mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, cơ chế thực hiện dân chủ trong mô hình đó; (2) Tiếp tục nghiên cứu về lý luận và thực tiễn; (3) Nghiên cứu để tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng; (4) Nghiên cứu để phát huy vai trò của thiết chế xã hội dân sự định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng xã hội thực sự dân chủ.

Phan Mạnh Toàn (2017), *Vấn đề phát huy nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay* [128]. Bài viết khẳng định thực tế hơn 30 năm đổi mới chứng minh, với việc khai thác, sử dụng, phát huy các nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân dựa trên nền tảng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh đã tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, song vẫn tồn tại không ít hạn chế, bất cập do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Để khắc phục những hạn chế, bất cập, trên cơ sở đó có thể huy động, phát huy các nguồn lực và sức sáng tạo của Nhân dân trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp thiết thực.

Nguyễn Thế Trung (2017), *Phát huy nguồn lực trong Nhân dân cho phát triển đất nước ở Việt Nam hiện nay* [127]. Trên cơ sở khái quát lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Nhân dân, bài viết

phân tích thực trạng phát huy nguồn lực trong Nhân dân cho phát triển đất nước. Tác giả khẳng định, trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân đạt được nhiều thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, nguồn lực cho phát triển đất nước nhìn chung chưa được phát huy tốt. Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân, bài viết đề xuất một số giải pháp quan trọng góp phần ổn định chính trị, hạn chế các “điểm nóng”, đặc biệt là góp phần khuyến khích, khơi dậy, phát huy mọi nguồn lực trong Nhân dân cho phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Bùi Trường Giang (2020), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và yêu cầu củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân trong giai đoạn hiện nay* [37]. Bài viết đã nhấn mạnh rằng thực hành dân chủ và tăng cường quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong tiến trình đổi mới đất nước. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra ba vấn đề cấp thiết còn tồn tại, cho thấy khoảng cách giữa lý tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh với thực tiễn xã hội đương đại. Thứ nhất, nhận thức về vai trò và địa vị trung tâm của Nhân dân - như một chủ thể chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - vẫn còn phiến diện và thiếu chiều sâu. Thứ hai, tồn tại sự chênh lệch đáng kể giữa việc ban hành pháp luật và thực thi pháp luật, khiến niềm tin của Nhân dân vào công lý và năng lực quản trị nhà nước bị ảnh hưởng. Thứ ba, việc kết hợp giữa thực hành dân chủ và giữ gìn kỷ cương, kỷ luật còn thiếu nhất quán, làm nảy sinh những bất cập trong quản lý xã hội. Những vấn đề này phản ánh thực trạng về khoảng cách giữa tư tưởng “thân dân” - vốn nhấn mạnh đến mối quan hệ mật thiết, dựa trên niềm tin và sự đồng hành giữa Nhà nước và Nhân dân - với thực tế hành chính còn nặng tính hình thức, thiếu chiều sâu tương tác. Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh không dừng ở việc thể hiện tình cảm gần gũi với quần chúng, mà là sự khẳng định nguyên lý chính trị: Nhân dân là cội nguồn của mọi quyền lực nhà nước, và chỉ khi sức mạnh này được phát huy đúng nghĩa, thể chế dân chủ mới thực sự có nội dung. Việc củng cố mối quan hệ Nhà nước - Nhân dân, vì vậy, không chỉ là

một yêu cầu chính trị, mà còn là điều kiện triết học để hiện thực hóa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mang bản sắc Hồ Chí Minh.

Nguyễn Văn Dương (2020), *Chăm lo đời sống nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay* [16]. Bài viết khẳng định, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống Nhân dân đã được Đảng và Nhà nước ta vận dụng, cụ thể hóa trong Hiến pháp, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, 5 năm và kế hoạch hằng năm; thể hiện trong từng chế độ, chính sách phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, xã hội của đất nước, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Nguyễn Thị Thu Cúc (2021), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong xây dựng chính quyền* [14]. Bài viết khẳng định, trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Nhân dân trong xây dựng chính quyền các cấp vẫn còn nguyên giá trị và là nguyên tắc chỉ đạo cho mọi hoạt động của cơ quan nhà nước. Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng chính quyền, xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân là những nhiệm vụ quan trọng đặt ra cho mỗi cơ quan nhà nước. Tác giả cho rằng, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lấy dân làm gốc là nguyên tắc chỉ đạo trong mọi hoạt động của cơ quan nhà nước: Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng chính quyền; Lôi cuốn Nhân dân tham gia vào quá trình ban hành và thực thi quyết định, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp thúc đẩy sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng chính quyền hiện nay.

Nguyễn Hồng Lĩnh (2021), *Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới* [58]. Bài viết khẳng định, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và hình thành nên tư tưởng độc đáo về dân vận, phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Qua 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự

lãnh đạo của Đảng, đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử,... Có được kết quả này chính là nhờ Đảng đã biết kế thừa, phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân được Đảng và Nhà nước hoàn thiện, cụ thể hóa thông qua các cương lĩnh chính trị, nghị quyết đại hội, chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp, pháp luật, chính sách của Nhà nước.

Nguyễn Ngọc Hà (2022), Vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước và quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng [41]. Trên cơ sở khái quát tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Nhân dân, bài viết khẳng định, trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, quan điểm về “dân là gốc”, “dân là chủ” - vị trí nền tảng và vai trò làm chủ - đã được vận dụng và nâng tầm với nhiều nội dung mới, thể hiện một tinh thần, tư tưởng mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhân dân, mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và Nhân dân. Nhân dân được đặt ở vị trí trung tâm, đóng vai trò chủ thể, là bước phát triển mới cả về tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn; được thể hiện đậm nét trong mọi chiến lược phát triển đất nước và yêu cầu về xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Tác giả phân tích nội dung “Dân là gốc”, là trung tâm, chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong suốt quá trình xây dựng, trưởng thành và lãnh đạo cách mạng, luôn quán triệt quan điểm quần chúng nhân dân là người làm nên lịch sử; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; dân là gốc của nước, là cơ sở của mọi thắng lợi, là lực lượng tạo ra mọi của cải vật chất, tinh thần. Do vậy, trong công cuộc đổi mới đất nước cần phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân, cần tiến hành đồng thời bồi đắp sức dân cả về vật chất và tinh thần, mà hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tiếp tục tăng cường, đổi mới thực hiện “quốc sách hàng đầu” về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là những nội dung trụ cột.

1.3. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN GIẢI PHÁP VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Cuốn sách *Mối quan hệ giữa Đảng và dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh* của tác giả Đàm Quang Thọ, Vũ Hùng [120], trình bày thực trạng và giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân trong thời kỳ mới trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh: *Thứ nhất*, Đảng phải sáng suốt định ra được đường lối chính trị đúng đắn khoa học phù hợp với tình hình phát triển của trong nước và của thế giới, đáp ứng được lợi ích nguyện vọng xứng đáng của mọi tầng lớp Nhân dân; *Thứ hai*, công cuộc đổi mới càng phát triển theo chiều rộng, càng đi vào chiều sâu, càng đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới công tác quần chúng của Đảng; *Thứ ba*, để phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân cần xây dựng cơ chế đảm bảo quyền dân chủ của Nhân dân; *Thứ tư*, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, tham ô, lãng phí của công; *Thứ năm*, đổi mới chính đốn Đảng, làm cho đội ngũ đảng viên thực sự gương mẫu, xứng đáng với lòng tin của Nhân dân.

Nguyễn Văn Hùng (2005), *Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác dân vận trong thời kỳ mới* [47]. Cuốn sách đưa ra các giải pháp cơ bản để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác dân vận nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong thời kỳ mới: Tăng cường quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị, nhất là người đứng đầu, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng về vai trò của Nhân dân, dân vận và công tác dân vận; Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, vận động và phương thức nắm tình hình Nhân dân theo hướng chủ động, thiết thực, hiệu quả; Tăng cường công tác dân vận của các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và hội quần chúng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Đảng theo

hướng sát cơ sở, thực chất, hiệu quả; Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong toàn hệ thống chính trị, gắn với động viên các tầng lớp Nhân dân tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; hưởng ứng và thực hiện hiệu quả ba chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ban Dân vận Trung ương và Ban Dân vận cấp ủy các cấp nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, tham mưu về các chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp. Cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, với bản lĩnh, quyết tâm, niềm tự hào và khí thế mới, công tác dân vận sẽ tiếp tục có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng; củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, phát huy mạnh mẽ sức mạnh của Nhân dân để xây dựng, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong thời kỳ mới.

Phạm Ngọc Anh (2012), *“Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [1]. Trong cuốn sách, tác giả đã đưa ra một luận điểm có giá trị lý luận sâu sắc: tư tưởng “dân là gốc của nước” là nền tảng triết học - chính trị mang tính phổ quát của phương Đông, đồng thời là hằng số văn hóa - tư tưởng trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tư cách là người kế thừa tinh hoa truyền thống dân tộc và người vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, đã nâng tầm tư tưởng “lấy dân làm gốc” lên thành một hệ giá trị triết học - chính trị mang tính chiến lược và thực tiễn cao. Tư tưởng này không chỉ thể hiện trong quan điểm, mà còn in đậm trong thực hành lãnh đạo, quản lý và xây dựng nhà nước của Người. Theo tác giả, trong bối cảnh đổi mới đất nước, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy các nguồn lực của dân để làm lợi cho dân đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, dựa trên bốn nhóm giải pháp cơ bản: (1) Nhóm giải pháp về nhận thức nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức trách nhiệm của các chủ thể lãnh đạo và quản lý; (2) Nhóm giải pháp về chính sách để cụ thể hóa các nguyên lý “vì

dân” trong thực tiễn phát triển; (3) Nhóm giải pháp thể chế - pháp chế nhằm đảm bảo hành lang pháp lý cho sự tham gia của nhân dân vào đời sống chính trị - xã hội; (4) Nhóm giải pháp về giáo dục - đào tạo nhằm xây dựng nền tảng tư tưởng, đạo đức và năng lực cho người dân - chủ thể trung tâm của công cuộc phát triển.

Cuốn sách Hồ Chí Minh về suốt đời phấn đấu cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân, đời tư trong sáng, cuộc sống riêng giản dị (2015) [6] của Ban Tuyên giáo Trung ương cho rằng, tổ chức học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo các chủ đề là một nội dung quan trọng trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, góp phần giúp cho việc học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành nếp sinh hoạt hằng ngày của mỗi cán bộ, đảng viên và mọi người dân trong toàn xã hội. Các tác giả đề xuất một số giải pháp đối với việc rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên hiện nay: (1) Đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền tư tưởng “tận trung với nước, tận hiếu với dân”, nâng cao nhận thức về trách nhiệm đối với Tổ quốc, với Nhân dân; (2) Hiện thực hóa và quyết tâm tổ chức thực hiện là “người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân” trong tất cả cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương; (3) Kết hợp chặt chẽ giữa tổ chức, hướng dẫn với động viên, kiểm tra, giám sát việc làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; (4) Phát huy vai trò nêu gương trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Bùi Văn Nam (2018), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh nhân dân trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc* [96]. Cuốn sách phân tích một cách sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh Nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự; khẳng định nhân dân là nguồn gốc sức mạnh, là nhân tố quyết định thành công của cách mạng Việt Nam; phân tích lịch sử hình thành và những vấn đề đặt ra đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới; đề ra các giải pháp nhằm vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh Nhân dân

trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hiện nay, cụ thể: Nâng cao nhận thức của Nhân dân về phát huy sức mạnh nhân dân trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Tăng cường, củng cố quốc phòng phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước; Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ an ninh Tổ quốc, đồng thời, đấu tranh chống lại những luận điệu phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Nguyễn Văn Nguyên (2018), *Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh* [100]. Cuốn sách trình bày mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của Nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, gắn với từng giai đoạn cách mạng của dân tộc ta, qua đó làm nổi bật giá trị thời đại trong tư tưởng chính trị của Người, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số điều kiện cơ bản đảm bảo giải quyết thành công mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và hạnh phúc của Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cụ thể: Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong sạch, vững mạnh; xây dựng và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; Mở rộng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong quá trình giải quyết mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của Nhân dân.

Ban Tuyên giáo Trung ương (2019), *Xây dựng ý thức tôn trọng Nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống Nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* (Tài liệu sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị năm 2019) [7]. Cuốn sách khẳng định việc quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chăm lo cho đời sống của Nhân dân là

một trong những nội dung trọng yếu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Cuốn sách trình bày những nội dung cơ bản về ý thức tôn trọng Nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống Nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và những nhiệm vụ, giải pháp nhằm học tập, làm theo tư tưởng đó của Người trong giai đoạn hiện nay. Nhóm giải pháp tập trung vào 3 nội dung cơ bản: Nhóm giải pháp đối với tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Nhóm giải pháp đối với cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu; Nhóm giải pháp đối với cán bộ, đảng viên, công chức trong hệ thống chính trị.

Nguyễn Bá Quang (2020), *Học tập và làm theo phong cách “Dân vận khéo” Hồ Chí Minh* [111]. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống, theo tác giả cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau: *Thứ nhất*, tiếp tục nâng cao nhận thức về công tác dân vận, về phong trào thi đua “Dân vận khéo”, tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng phong trào gắn với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; *Thứ hai*, xác định nội dung trọng tâm phong trào thi đua “Dân vận khéo” phù hợp với điều kiện từng địa bàn, từng đối tượng; *Thứ ba*, chú trọng xây dựng, phát triển mô hình, điển hình ở những nơi khó khăn, phức tạp, ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có tôn giáo, công nhân ở các khu công nghiệp, trong giải quyết các điểm nóng phức tạp, bức xúc, nổi cộm trong cải cách hành chính, xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân; *Thứ tư*, hệ thống dân vận tăng cường tham mưu cho cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả hơn phong trào thi đua “Dân vận khéo”. Trong tình hình mới hiện nay, việc học tập và làm theo phong cách “Dân vận khéo” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện hiệu quả chủ trương, giải pháp về công tác dân vận, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự

nghiệp đổi mới đất nước. Những giải pháp này thể hiện rõ định hướng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh mà tác giả luận án có thể tham khảo, trong đó dân vận không chỉ là công cụ tổ chức quần chúng, mà là phương thức để Nhà nước tiếp cận, lắng nghe, và hành động vì lợi ích thiết thực của Nhân dân. Tư tưởng “thân dân” ở đây không dừng lại ở sự gần gũi về mặt hình thức, mà là sự xác lập mối quan hệ chính trị mang tính bản thể giữa Nhà nước và Nhân dân - nơi quyền lực nhà nước chỉ có tính chính danh khi xuất phát từ và phục vụ cho Nhân dân. Việc vận dụng đúng đắn và hiệu quả tư tưởng này là điều kiện triết học - chính trị căn bản để phát huy sức mạnh đại đoàn kết, xây dựng một nhà nước thật sự “của dân, do dân, vì dân”.

Lê Đình Năm (2021), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và ý nghĩa đối với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay* [97]. Bài viết khẳng định, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, từ những chỉ dẫn của Người để tìm ra những giải pháp trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Bài viết đưa ra một số giải pháp cơ bản: *Thứ nhất*, giáo dục đạo đức, phẩm chất, lối sống cho mỗi cán bộ, đảng viên, để làm sao cho mỗi người trong bất kỳ hoàn cảnh nào đều phải xác định là người lãnh đạo, người phục vụ, người đầy tớ của Nhân dân; *Thứ hai*, trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; *Thứ ba*, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng ngày càng vững mạnh; *Thứ năm*, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; *Thứ sáu*, tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Trần Thị Mai (2022), *Vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Dân là chủ và dân làm chủ” trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân* [73]. Trên cơ sở phân tích quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về

“Dân là chủ và dân làm chủ”, Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “dân là chủ và dân làm chủ” trong thời kỳ đổi mới, bài viết đưa ra một số giải pháp phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong giai đoạn hiện nay: *Một là*, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước và quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; *Hai là*, tăng cường rà soát, thể chế hóa các chủ trương của Đảng, bổ sung, sửa đổi, ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; *Ba là*, các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp cần tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo chính sách, pháp luật được thực hiện hiệu quả; tập trung chỉ đạo, điều hành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; *Bốn là*, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc theo hướng đi vào thực chất, tăng cường giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp để hoạt động của Mặt trận thực sự là phương thức tốt nhất trong việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Lưu Duy Toàn (2016), *Sự vận dụng của Đảng ta về dân chủ xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng Hồ Chí Minh* [114]. Bài viết khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ là kết quả của sự nhận thức sâu sắc về vai trò của Nhân dân trong lịch sử, của sự kết hợp giữa tư tưởng “thân dân” truyền thống ở phương Đông và những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ. Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa lý luận và thực tiễn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nâng tư tưởng dân chủ lên một tầm cao mới vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nhân văn sâu sắc. Trọng dân, tin dân, học dân, tổ chức và giáo dục để phát huy sức mạnh của dân là điều nhất quán trong toàn bộ sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong giai đoạn hiện nay cần nắm vững các định hướng cơ bản: Một là, phát huy dân chủ trong xã hội là một nội dung lớn của đường lối cách mạng nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, phát huy dân chủ trong quá trình đổi

mới ở nước ta là đòi hỏi tất yếu của sự phát triển; Hai là, giữ vững tập trung dân chủ tạo nên sức mạnh của tính tổ chức, tính kỷ luật; Ba là, dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng Hồ Chí Minh vừa là vấn đề cơ bản, lâu dài, vừa là nhu cầu cần thiết và cấp bách của sự nghiệp cách mạng, đặc biệt trong công cuộc đổi mới của đất nước nhằm phát huy sức mạnh của Nhân dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Lâm Quốc Tuấn (2022), *Phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng* [131]. Bài viết nhận định, quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Nhân dân, Đảng ta khẳng định sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Chính Nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Bài viết phân tích thực trạng phát huy vai trò của Nhân dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy tốt hơn vai trò của Nhân dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng: (1) Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải làm tốt công tác tư tưởng để nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay; (2) Thực hành dân chủ rộng rãi, bảo đảm dân chủ từ trong Đảng đến dân chủ xã hội được thực hiện tốt ở các cấp, các địa bàn, các lĩnh vực; (3) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân phát huy vai trò giám sát các tổ chức đảng, cơ quan chính quyền, cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cấp; (4) Tập trung “xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự “tôn trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân”; (5) Cụ thể hóa cơ chế “Đảng vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

Lê Thị Hằng (2023), *Phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng và phát triển đất nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh* [43]. Bài viết khẳng định, trong công cuộc đổi mới đất nước, kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của Nhân dân để xây dựng đất nước độc lập, tự cường, phồn vinh, hạnh phúc có ý nghĩa cấp thiết. Để phát huy vai trò Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, cần làm rõ và cụ thể vai trò làm chủ của Nhân dân; Trong mối quan hệ với Nhân dân, cán bộ, công chức là người được “ủy quyền”, thực hiện các nhiệm vụ do Nhân dân giao phó, chịu sự kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Nhân dân về kết quả công việc của mình; Để nhân dân thực sự là người làm chủ, cần xây dựng, bồi đắp và thực hành năng lực làm chủ của Nhân dân; Chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần của Nhân dân; lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu trong mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước; Tiếp tục củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, với Nhà nước, với con đường phát triển của dân tộc; Từ niềm tin đó vun đắp, củng cố sự đoàn kết, nhất trí, tạo được sự đồng thuận trong xã hội; khơi nguồn sáng tạo, hứng khởi và phát huy trách nhiệm xã hội, khát vọng chấn hưng đất nước của mỗi người dân với đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Lê Doãn Sơn (2023), *Từ tư tưởng “lấy dân làm gốc” đến quan điểm “nhân dân là trung tâm” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng* [113]. Bài viết khái quát những nội dung tư tưởng “lấy dân làm gốc” trong tư tưởng Hồ Chí Minh đến quan điểm “Nhân dân là trung tâm” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, qua đó đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy sức mạnh của Nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay: (1) Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; (2) Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh cải cách tư pháp nhằm bảo đảm quyền làm chủ, quyền giám sát của Nhân dân; (3) Chú trọng công tác giáo dục - đào tạo, tăng cường niềm tin, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong mọi người dân; (4) Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã

hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; (5) Tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, chính xác về các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, đặc biệt là những quan điểm, nội dung được Đại hội XIII của Đảng đề ra.

1.4. GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giá trị của các công trình đã được tổng quan

Trong quá trình nghiên cứu, hệ thống hóa các công trình khoa học liên quan, có thể nhận thấy rằng các tài liệu hiện có đã đề cập khá phong phú đến tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng “thân dân” nói riêng, từ đó cung cấp những nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc tiếp cận, phân tích và phát triển luận đề của luận án. Với các góc nhìn khác nhau, các công trình đã tiếp cận vấn đề từ nhiều khía cạnh, tập trung chủ yếu vào những nội dung như: Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân, về vai trò và sức mạnh của quần chúng nhân dân, về mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân, về thực hành dân chủ và phát huy nguồn lực trong Nhân dân. Những đóng góp này không chỉ có giá trị tham khảo mà còn gợi mở những vấn đề khoa học cần tiếp tục luận giải, đặc biệt dưới góc nhìn triết học.

Thứ nhất, một số công trình khoa học đã tiếp cận trực tiếp hoặc gián tiếp đến tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh thông qua việc phân tích các khái niệm như “lấy dân làm gốc”, “tin dân, trọng dân, vì dân”, “dân chủ”, hay “đạo đức cách mạng”. Các công trình này phần nào làm sáng tỏ nội dung cốt lõi trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân - một yếu tố nền tảng trong hệ thống triết lý chính trị - đạo đức của Người. Qua đó, các tác giả khẳng định, Hồ Chí Minh không chỉ kế thừa tinh thần “thân dân” từ truyền thống tư tưởng phương Đông, đặc biệt là Nho giáo và Phật giáo, mà còn vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng tư tưởng đó lên thành một hệ giá trị triết học chính trị hiện đại, gắn bó hữu cơ giữa lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, nhiều công trình nghiên cứu đã tập trung phân tích việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng và công cuộc đổi mới đất nước. Các nội dung như phát huy dân chủ ở cơ sở, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong dân... đã được đề cập ở các cấp độ khác nhau. Đáng chú ý là một số công trình đã đi sâu phản ánh cả những mặt tích cực và hạn chế trong thực tiễn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng “thân dân”. Một số bất cập nổi bật được chỉ ra bao gồm: Hiệu quả quản lý và huy động nguồn lực xã hội chưa tương xứng với tiềm năng trong dân; việc thể chế hóa quyền làm chủ của Nhân dân còn mang tính hình thức ở một số địa phương; cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa thật sự phát huy hiệu quả; hiện tượng xa dân, quan liêu, đặc quyền, đặc lợi ở một bộ phận cán bộ, đảng viên làm suy giảm niềm tin của Nhân dân vào hệ thống chính trị.

Thứ ba, không ít công trình đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại và phát huy tốt hơn tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay. Các nhóm giải pháp này thường tập trung vào các phương diện: Nâng cao nhận thức tư tưởng và trách nhiệm chính trị của cán bộ, đảng viên về vai trò của nhân dân; đổi mới thể chế để mở rộng quyền làm chủ thực chất của Nhân dân; tăng cường cải cách hành chính và tư pháp nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện để người dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và gắn bó với nhân dân; tăng cường công tác truyền thông, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong quần chúng, nhất là thế hệ trẻ, để tạo dựng niềm tin và khơi dậy ý thức trách nhiệm công dân.

Qua quá trình tổng quan, có thể thấy rằng đa số các công trình nghiên cứu hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc phân tích một số khía cạnh cụ thể của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân và mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân, hoặc tập trung vào việc vận dụng vào thực tiễn quản lý nhà nước, phát triển

kinh tế - xã hội. Các công trình này chủ yếu mang tính chính trị học, quản lý công, xã hội học hoặc nghiên cứu lịch sử tư tưởng. Việc tiếp cận tư tưởng “thân dân” như một phạm trù triết học - chính trị mang tính hệ thống, gắn với bản thể luận về chủ thể xã hội, giá trị luận về con người, hay nhân sinh quan cách mạng, vẫn chưa được khai thác một cách chuyên sâu và độc lập.

Đặc biệt, từ góc nhìn triết học, tư tưởng “thân dân” không chỉ là một chính sách hay quan điểm chính trị - hành chính, mà là biểu hiện tập trung của một thế giới quan nhân văn, dân chủ, phản ánh sự thống nhất giữa nhận thức luận và thực tiễn luận trong hành động cách mạng của Hồ Chí Minh. Tư tưởng này cho thấy sự phát triển mang tính bản chất và sáng tạo của Người khi kết hợp giữa truyền thống tư tưởng phương Đông với học thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử phương Tây, đặc biệt trong việc xác lập vai trò chủ thể của con người - quần chúng nhân dân - trong tiến trình lịch sử. Từ đó, việc vận dụng tư tưởng “thân dân” không chỉ là hành động chính trị, mà còn là yêu cầu đạo đức - triết học nhằm khẳng định giá trị con người, bảo vệ quyền con người, và kiến tạo xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Chính vì thế, có thể khẳng định rằng, mặc dù đã có nhiều công trình đề cập đến tư tưởng Hồ Chí Minh và phát huy sức mạnh Nhân dân, song việc tiếp cận tư tưởng “thân dân” dưới góc độ triết học, đặc biệt là như một phạm trù lý luận mang tính nền tảng trong hệ tư tưởng Hồ Chí Minh, vẫn còn bỏ ngỏ. Đây là khoảng trống khoa học mà luận án hướng tới nghiên cứu. Luận án không chỉ nhằm hệ thống hóa tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh dưới góc nhìn triết học, mà còn phân tích sâu sắc tính biện chứng giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình vận dụng tư tưởng này nhằm phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

Từ những giá trị lý luận và thực tiễn nêu trên, việc tiếp tục nghiên cứu tư tưởng “thân dân” trong tư duy triết học Hồ Chí Minh và vận dụng tư tưởng đó trong điều kiện đổi mới, hội nhập và chuyển đổi xã hội ở Việt Nam hiện nay là yêu cầu khách quan, góp phần làm sâu sắc thêm học thuyết về vai trò của nhân

dân trong triết học chính trị Mác - Lênin, đồng thời đóng góp thiết thực vào việc hoàn thiện lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân.

1.4.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu trước đó, luận án tiếp tục nghiên cứu làm rõ những vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, nghiên cứu làm rõ cơ sở hình thành và nội dung tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh, nội dung phát huy các sức mạnh người dân ở Việt Nam hiện nay, bao gồm: Khai thác, phát huy hiệu quả tất cả các nguồn lực vật chất trong nhân dân; Phát huy các sức mạnh tinh thần của người dân; Phát huy các sức mạnh của khối đại đoàn kết của toàn dân tộc; Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy các sức mạnh người dân ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, phân tích thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy các sức mạnh người dân ở Việt Nam qua gần 40 năm đổi mới, chỉ ra những thành tựu, hạn chế chủ yếu và nguyên nhân của chúng.

Thứ ba, luận án đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy các sức mạnh người dân ở Việt Nam trong thời gian tới.

Như vậy, với định hướng tiếp cận triết học, luận án không chỉ góp phần hệ thống hóa và khái quát hóa tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh như một giá trị triết học - chính trị nền tảng, mà còn chỉ rõ những phương thức vận dụng tư tưởng này trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Qua đó, luận án góp phần khẳng định vai trò trung tâm và chủ thể sáng tạo của quần chúng nhân dân trong tiến trình phát triển bền vững của dân tộc.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 của luận án đã tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài thông qua khảo sát, phân tích, nhận định các công trình nghiên cứu (sách, bài viết trên tạp chí khoa học) trong và ngoài nước theo ba nhóm nghiên cứu: (1) Những công trình nghiên cứu liên quan đến tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh; (2) Những công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay; (3) Những công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu sinh nhận thấy đây là vấn đề vừa có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết, đang tiếp tục nhận được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học. Nội dung của các công trình liên quan đến đề tài luận án là khá toàn diện; một số vấn đề lý luận và thực tiễn đã được đề cập, tuy nhiên, việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh cần được tiếp tục nghiên cứu một cách chuyên biệt hơn, khoa học và làm sâu sắc nội hàm vấn đề để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay. Đó là những đánh giá về thực trạng; một số giải pháp vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay,... Đây là tài liệu hữu ích mà tác giả tham khảo trong quá trình làm luận án trên cả ba phương diện: kế thừa về nội dung, tư liệu tham khảo và tìm ra những khoảng trống khoa học để tiếp tục giải quyết.

Chương 2

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH

2.1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh

2.1.1.1. Kế thừa truyền thống “thân dân” trong lịch sử Việt Nam

“Dân là gốc của nước”, “nước lấy dân làm gốc” là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Trong lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của dân tộc, do yêu cầu dựng nước và giữ nước mà cha ông ta đã sớm ý thức được vị thế và vai trò to lớn của nhân dân, từ đó hình thành tư tưởng “thân dân” trong lịch sử tư tưởng dân tộc qua các thời kỳ.

Lý Công Uẩn đã viết trong *Chiếu dời đô*: Muốn mưu việc lớn, tính kế muôn đời cho con cháu thì trên phải vâng mệnh trời, dưới phải theo dân.... Nguyên vọng đó của nhà vua cũng là nguyện vọng của nhân dân và dân tộc. Điều này đã được các quần thần khẳng định trong khi đáp lại: “Bệ hạ vì thiên hạ mà lập kế lâu dài để trên cho có nghiệp to lớn được thịnh vượng, dưới cho nhân dân được giàu của, nhiều người, việc lợi như thế ai dân không theo” [71, tr.191].

Trần Quốc Tuấn, vị tổng chỉ huy hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông thắng lợi, người có công lớn trong sự nghiệp dựng nước ở đời Trần đã cho rằng: “Khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc, bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước” [72, tr.89]. Chính nhờ tư tưởng trọng dân, tin dân, yêu thương dân, nhà Trần đã động viên, lôi cuốn Nhân dân vào công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Thể hiện rõ nhất và điển hình nhất về tư tưởng “thân dân” là việc tổ chức Hội nghị Diên Hồng để bàn về một quyết sách chống xâm lược, bảo vệ đất nước trước họa xâm lăng của giặc Mông Nguyên đang đe dọa

vận mệnh quốc gia. Hội nghị Diên Hồng ăn sâu và trao truyền trong tâm thức của người dân Việt Nam như một truyền thống. Kể từ đó hai chữ Diên Hồng đã trở thành biểu trưng cho ý chí thống nhất của một dân tộc, thể hiện sự đồng lòng nhất trí giữa Nhà nước với người dân trong mối quan hệ vua - tôi, trên - dưới... Hội nghị Diên Hồng cũng mang ý nghĩa như một nguyên lý tạo nên sức mạnh dân tộc trước những thử thách của lịch sử và trong chừng mực nào đó cũng biểu hiện nhân tố cận dân, thân dân [49].

Trong tác phẩm *“Bình Ngô đại cáo”*, Nguyễn Trãi viết: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”, “Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân” [136, tr.203]. Nguyễn Trãi quan niệm, dân là số đông, là cơ sở xã hội, là lực lượng đóng vai trò quan trọng đến sự tồn vong của một triều đại. Ông nhắc lại câu nói của người xưa: “Mեն người có nhân là dân, mà chở thuyền lật thuyền cũng là dân” (*Chiếu răn bảo Thái tử*), “Thuyền bị lật mới tin rằng dân như nước” (*Quan hải*) [123, tr.287]. Đường lối chính trị của Nguyễn Trãi vì thế được gọi là đường lối chính trị nhân nghĩa. Ông cũng đã góp phần tạo dựng nên chính sách “thân dân” thời kỳ Lê sơ với quan niệm phải “nuôi dân”, “chăn dân”, “huệ dân”, phải lấy việc yên dân làm mục tiêu chiến đấu: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân” (*Bình Ngô đại cáo*), “đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp giặc cốt để yên dân” (*Thư dụ hàng Bình Than*); phải tránh chính sự phiền hà làm hại đến cuộc sống của dân... Mặc dù đề cao vai trò của dân nhưng Nguyễn Trãi cũng không xem nhẹ vai trò của vĩ nhân. Theo ông, vĩ nhân cũng phải được lòng dân mới thành sự nghiệp.

Nguyễn Bình Khiêm - nhà tư tưởng tiêu biểu thời Lê - Mạc ở thế kỷ XVI từng nói với vua: Nếu vua có bó đuốc sáng thì nên soi đến dân ở nhà nát, xóm nghèo và “xưa nay nước phải lấy dân làm gốc, nên biết rằng muốn giữ được nước, cốt phải được lòng dân” (*Cảm hứng*) [123, tr.359]. Đó là đường lối chính trị yêu nước, thương dân.

Thế kỷ XVIII, chiến tranh và loạn lạc là nỗi trăn trở của các nhà tư tưởng yêu nước. Theo họ, trị loạn phải xuất phát từ thái độ của giai cấp thống trị xã hội đối với lòng dân và ý Trời. Lê Quý Đôn nhắc lại lời xưa: “Dân là gốc

nước, gốc vững thì nước mới yên. Cứu dân tức là vì nước” (*Âm chất văn chú*). Nguyễn Thiếp cho rằng: “Dân là gốc, gốc vững nước mới yên” (*Bài biểu dâng Quang Trung bàn về dân tình xứ Nghệ*). Ngô Thì Nhậm quan niệm: Lòng dân quyết định ý Trời “Trời trông, Trời nghe do ở dân. Lòng dân yên định thì ý Trời cũng xoay chuyển” hoặc “Dân hòa cảm ở dưới thì thiên hòa ứng ở trên, hiệu nghiệm được mà không hẹn mà đến” (*Tờ khai trình bày về chính sự đương thời*) [123, tr.418-419].

Đến đầu thế kỷ XX, Phan Chu Trinh đưa ra bảng “Thất điều trần” kết tội vua Khải Định, nêu tư tưởng “trọng dân”, đề cao tư tưởng “dân chủ”. Phan Bội Châu, một chí sĩ yêu nước nhiệt thành, đã từng sang Trung Quốc, sang Nhật tìm đường cứu nước, cứu dân; trong *Hải ngoại huyết thư* đã chỉ ra ba nguyên nhân mất nước:

“Một là vua sự dân chẳng biết,
Hai là quan chẳng thiết gì dân,
Ba là dân chỉ biết dân,
Mặc quân với quốc, mặc thần với ai” [11, tr.98].

“Dân” dưới thời phong kiến tuy là số đông và có sức mạnh nhưng chung quy lại họ vẫn bị xem là những người bị trị, cần phải có người khác dẫn dắt, họ không có khả năng quản lý và điều hành đất nước. Dân tuy được xem là thành phần cơ bản của nước, nhưng nước lại không phải là của dân, mà là của vua, của dòng họ thống trị, cha truyền con nối. Các triều đại đang lên và các nhà tư tưởng của triều đại ấy dù có nêu trách nhiệm “nuôi dân”, “chăn dân” coi “dân là gốc nước”, xem “dân là quý”, song chưa phải là tư tưởng dân chủ, dân quyền theo nghĩa đích thực của nó.

Tư tưởng trọng dân, tin dân, dựa vào dân của ông cha ta là truyền thống quý báu của dân tộc, đã được Hồ Chí Minh tiếp thu, kế thừa, góp phần quan trọng hình thành tư tưởng “thân dân” của Người.

2.1.1.2. Kế thừa có chọn lọc các giá trị trong tư tưởng “thân dân” của nhân loại

Một là, kế thừa các giá trị trong tư tưởng “thân dân” của phương Đông.

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, Người sớm có điều kiện tiếp thu tư tưởng văn hóa phương Đông, đặc biệt là tư tưởng Nho giáo và Phật giáo.

Nhiều đại biểu Nho giáo, đã đề xuất một loạt chính sách Dưỡng dân, giáo dân, lấy dân làm gốc. Theo Khổng Tử, để xây dựng một triều đình vững mạnh thì cần tới ba điều: “Túc thực”, “túc binh” và “dân tín” (Nghĩa là lương thực phải đầy đủ, binh lực phải sung túc và được trăm họ tin cậy). Tuy nhiên, nếu bắt buộc phải bỏ bớt đi các điều thì chỉ có thể bỏ “túc thực” và “túc binh”. Khổng Tử nói rằng: “Bỏ lương thực. Xưa nay ai cũng phải chết, nhưng dân không tin cậy thì không thể đứng vững” [55; tr.478]. Để đạt được “dân tín”, thì phải “sử dân dĩ thời” tức là sai bảo dân cho đúng, cho hợp thời, hợp nghĩa, hợp đạo lý sao cho dân không oán. Trong học thuyết của mình Khổng Tử cũng đề cao tư tưởng giáo dân.

Mạnh Tử cũng rất đề cao vai trò của dân trong mối quan hệ với vua và trong cách đánh giá vai trò của dân với xã tắc, với vua. Ông nói: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” [133, tr.352] có nghĩa là: dân là quý nhất, xã tắc là thứ yếu, vua là nhẹ. Ông cho rằng, vua phải có lòng thương yêu dân, như thế dân mới trung thành với mình. Ông đề cao trách nhiệm của nhà cầm quyền đối với dân, coi việc cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho dân là trách nhiệm của nhà cầm quyền.

Đề cao vai trò của dân, Tuân Tử cho rằng: “Trời sinh dân không phải vì vua, mà trời lập ra vua là để vì dân” [124, tr.267]. Ông ví, dân như nước, vua như thuyền, nước chở thuyền và nước cũng lật thuyền.

Không chỉ kế thừa có chọn lọc những tư tưởng có giá trị của Nho giáo Trung Quốc, Hồ Chí Minh còn nghiên cứu và tiếp thu tư tưởng, quan điểm của Tôn Trung Sơn về Chủ nghĩa Tam dân: "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc". Đó là những tư tưởng tiến bộ, có ý nghĩa lớn trong việc tập hợp lực lượng cho cách mạng. Sự tiếp thu, vận dụng của Người được thể hiện trong quốc hiệu của nước Việt Nam: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Hồ Chí Minh cũng nghiên cứu, tìm hiểu, tiếp thu những tư tưởng tiên bộ của Phật giáo. Người nhận xét, đạo Phật của Thích Ca Mâu Ni có ưu điểm là tinh thần từ bi, cứu khổ, cứu nạn, cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn. Đó là tinh thần lục hòa: Thân hòa đồng trụ, Ngôn hòa đồng hiệp, Ý hòa đồng duyệt, Giới hòa đồng tu, Kiến hòa đồng giác, Lợi hòa đồng quân. Hiểu một cách tổng quát, nghĩa là khuyên mọi người chung sống vui vẻ, nói năng, ý chí thuận hòa, biết cùng nhau chia sẻ vui buồn, thương yêu lẫn nhau, chớ làm những việc mất lòng nhau.

Hai là, kế thừa các giá trị trong tư tưởng “thân dân” của phương Tây.

Với văn hoá phương Tây, Hồ Chí Minh tiếp thu có chọn lọc tư tưởng nhân văn trong hệ tư tưởng tư sản, đó là “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”, tư tưởng mà giai cấp tư sản trong buổi đầu đang lên đã sử dụng để tập hợp lực lượng lật đổ chế độ phong kiến. Vì thế, khi tìm đường cứu nước, Người đã chủ động tìm hiểu những tư tưởng tiên bộ được thể hiện trong *Tuyên ngôn độc lập* (1776) của nước Mỹ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng tư sản Pháp (1789). Những tuyên ngôn đó đều viết: mọi người sinh ra đều có quyền tự do, bình đẳng... Người cho rằng, đó là những quan điểm tiên bộ trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Những khẩu hiệu “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” của cách mạng tư sản Pháp (1789) đã thôi thúc Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước để tìm hiểu sự thực đằng sau những khẩu hiệu đẹp đẽ ấy. Trong thời gian ở Pháp, Hồ Chí Minh đã có điều kiện đọc những tác phẩm của các nhà tư tưởng, các triết gia lớn ở châu Âu, đặc biệt những nhà tư tưởng, triết học thời khai sáng và thời kỳ cách mạng tư sản Pháp. Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt đến những tác phẩm bàn về nhân quyền, dân chủ, nhân đạo như *Tinh thần pháp luật* (Montesquieu), *Bàn về kế ước xã hội* (JJ. Rousseau). Tư tưởng nhân đạo, dân chủ, nhân quyền thế kỷ XVIII đã dẫn đến cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Tuy nhiên, Người đã thấy rất rõ rằng, khẩu hiệu “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” chỉ tồn tại trên lý thuyết. Sự thật là dưới chế độ tư bản thực dân, không hề có tự do, bình đẳng, bác ái dành cho dân chúng, chỉ có áp bức, bóc lột và các cuộc đàn áp tàn bạo đối với nhân dân lao động. Tìm hiểu

về cách mạng Mỹ, Người viết: “Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ”, hơn nữa Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ nói “Hễ chính phủ nào có hại cho dân chúng thì dân chúng phải đập đổ chính phủ ấy đi, và gây nên chính phủ khác”, “Nhưng bây giờ chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến chính phủ” [81, tr.291]. Đối với cách mạng Pháp, Người viết: “Tư bản nó dùng chữ tự do, bình đẳng, đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi đánh đổ phong kiến rồi, thì nó thay phong kiến mà áp bức dân”. Người kết luận: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức” [81, tr.196]. Như vậy, Người đã nhìn rõ hai mặt tích cực và tiêu cực của nền dân chủ tư sản, của cách mạng tư sản. Thực tiễn sống, hoạt động và đấu tranh qua nhiều nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ La tinh đã đem lại cho Nguyễn Ái Quốc những nhận thức: Ở đâu, người lao động cũng bị chủ nghĩa thực dân đế quốc đẩy ải trong túi nhục, đói nghèo, bị bóc lột đàn áp dã man và họ đều có khát vọng đấu tranh đòi giải phóng. Sự yêu thương thông cảm với những người cùng khổ và căm ghét bọn tư bản, đế quốc, thực dân đã là nhân tố tác động quan trọng để ý thức giai cấp, tình quốc tế ở Hồ Chí Minh từng bước được nảy nở, làm cơ sở rất quan trọng cho việc tiếp thu những học thuyết cách mạng, khoa học góp phần hình thành tư tưởng vì dân, “thân dân” của Người. Khi viết tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã khảo cứu về các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới: cách mạng Mỹ năm 1776, cách mạng Pháp năm 1789 và Người đi đến kết luận: đó đều là những cuộc cách mạng không đến nơi - nghĩa là cách mạng rồi mà dân vẫn bị áp bức, bóc lột. Người chỉ rõ: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người thế mới khỏi hi sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc” [81, tr.292].

Như vậy, trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại một cách có chọn lọc. Hồ Chí Minh nghiên cứu văn hóa phương Đông, phương Tây, tiếp thu những nhân tố tích cực, đồng thời cũng nhận thức rõ những hạn chế trong tư tưởng, văn hóa phương Đông và phương Tây để vận dụng và phát triển những nhân tố đó phù hợp với điều kiện hoàn cảnh mới, hình thành nên tư tưởng “thân dân” của mình.

2.1.1.3. Kế thừa tư tưởng về quần chúng nhân dân của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin

Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh được hình thành trong quá trình Người đi tìm đường cứu nước. Đó là kết quả của quá trình Người quan sát, xem xét, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng sáng tạo học thuyết đó vào điều kiện của Việt Nam. Người khẳng định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin” [81, tr.289]. Chủ nghĩa Mác - Lênin là “kim chỉ nam”, là ngọn đèn soi sáng con đường đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Quá trình đến với chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chính là quá trình Hồ Chí Minh nhận thức ra vai trò và sức mạnh của Nhân dân.

Do hạn chế về lịch sử và thế giới quan, xuất phát từ mục đích bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, các nhà tư tưởng trước Mác và giai cấp tư sản cho rằng mọi hiện tượng lịch sử đều do “Chúa”, “Trời” xếp đặt. Họ hạ thấp vai trò của quần chúng và nhấn mạnh: Lịch sử là do các vĩ nhân tạo nên, quần chúng chỉ làm theo ý Chúa, tuân thủ tuyệt đối và góp phần thực hiện ý chí của giai cấp thống trị. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã là một cuộc cách mạng khi nhận thức đúng về quần chúng và đã chỉ rõ: Quần chúng nhân dân là chủ thể của lịch sử là người sáng tạo ra lịch sử, sức mạnh của quần chúng nhân dân là vô cùng to lớn, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng, song sức mạnh đó chỉ có thể có được khi quần chúng được tập hợp, tổ chức lại, có sự đoàn kết chặt chẽ với nhau, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng

sản. Đảng cộng sản là người lãnh đạo nhưng nếu không có quần chúng thì không có lực lượng; ngược lại, quần chúng không có Đảng lãnh đạo thì cũng chỉ là một tập hợp người không có sức mạnh, mọi phong trào của quần chúng chỉ là phong trào tự phát. Đây là mối quan hệ tự nhiên, Đảng phải có quần chúng mới có lực lượng, quần chúng cần có Đảng mới có người dẫn đường, chỉ lối. Đảng phải tiến hành công tác vận động quần chúng, đó là một công tác cực kỳ quan trọng của Đảng để có lực lượng quyết định sự thành công hay thất bại của cách mạng.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, các cuộc cách mạng không phải do một cá nhân hay một nhóm quần chúng không tự giác tiến hành, mà phải do giai cấp công nhân với đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản, được trang bị lý luận tiên phong, biết giáo dục, thuyết phục, giác ngộ và tập hợp quần chúng lãnh đạo. C.Mác và Ph.Ăngghen cũng chỉ ra rằng, muốn tập hợp được quần chúng, muốn quần chúng hiểu rõ mình phải làm gì, làm như thế nào và tự giác mà làm thì cán bộ, đảng viên phải tiến hành một công tác lâu dài và kiên nhẫn. Đó chính là một công tác không thể thiếu và cũng là công tác khó khăn, lâu dài, phức tạp, quyết định sự thành công hay thất bại của cách mạng. Phải nhận thức rõ, thời kỳ cách mạng khác nhau phải có những hình thức, nội dung vận động cho phù hợp.

C. Mác và Ph. Ăngghen cũng chỉ ra rằng, quần chúng có sức mạnh vô cùng to lớn, nhưng sức mạnh đó chỉ được phát huy khi họ được tập hợp, tổ chức lại, có sự đoàn kết, thống nhất, có sự lãnh đạo, nếu không đó cũng chỉ là một tập hợp người không có sức mạnh, mọi hoạt động của họ chỉ là hoạt động tự phát. Kế thừa, vận dụng và phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin tiếp tục khẳng định: Chúng ta cần có những đảng có liên hệ thực tế thường xuyên với quần chúng và biết lãnh đạo những quần chúng đó. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng nhân dân có sức mạnh vô cùng to lớn, để phát huy được sức mạnh to lớn đó cần phải tổ chức, tập hợp, giác ngộ họ, để họ có ý thức và hoạt động một cách tự giác: “Một nước mạnh là nhờ ở

sự giác ngộ của quần chúng. Nước mạnh là khi nào quần chúng biết rõ tất cả mọi cái, quần chúng có thể phán đoán được về mọi cái và đi vào hành động một cách có ý thức” [62, tr.23].

Quá trình phát triển của lịch sử loài người là sự chuyển hóa từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác do các quy luật khách quan chi phối, động lực thúc đẩy xã hội phát triển chính là quần chúng nhân dân. Theo C.Mác, mọi sự kiện lớn trong lịch sử, mọi sự biến đổi cách mạng trong đời sống xã hội sẽ không thành công nếu không có sự tham gia tích cực của quần chúng. C.Mác khẳng định: Lịch sử không phải là một nhân cách đặc thù nào đó sử dụng con người làm phương tiện để đạt tới mục đích của mình. Lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân, đây là một sự chuyển biến cách mạng trong nhận thức lịch sử, loài người đã sáng tạo ra lịch sử của mình, trước hết là sáng tạo ra của cải vật chất, vì không có hoạt động sản xuất vật chất của con người lao động thì con người và xã hội sẽ bị diệt vong. Sự phát triển của sản xuất, phát triển xã hội chính là do lực lượng sản xuất quyết định, lực lượng sản xuất không chỉ là công cụ lao động mà trước hết là người lao động; họ mới là lực lượng sản xuất hàng đầu, quyết định sự vận động phát triển không ngừng của nền sản xuất cũng như lịch sử nhân loại. Quần chúng nhân dân không chỉ là người sản xuất ra của cải vật chất mà còn là người sáng tạo ra những giá trị tinh thần để phản ánh những hiểu biết về thiên nhiên, xã hội, những cảm xúc trong lao động sản xuất, trong đấu tranh bảo tồn và phát triển nòi giống với nhiều hình thức phong phú và đa dạng.

Tóm lại, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân là những quan điểm lý luận đúng đắn, khoa học. Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, xác định con đường cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản. Những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân thực sự là thế giới quan khoa học, cơ sở phương pháp luận, hình thành tư tưởng “thân dân” của Người.

2.1.1.4. Truyền thống gia đình, quê hương và thực tiễn lịch sử Việt Nam đương đại

Hồ Chí Minh, một con người sinh ra trong một gia đình yêu nước, từ khi còn nhỏ đã thể hiện những phẩm chất nổi bật: hoài bão, lý tưởng sống cao đẹp, bản lĩnh vững vàng, cùng với lòng nhân ái sâu sắc và tình yêu đất nước mãnh liệt. Được nuôi dưỡng trong một môi trường gia đình có truyền thống yêu nước và gắn bó với nhân dân lao động, những hình ảnh về sự hy sinh, kiên cường của ông bà ngoại và cha mẹ đã ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hình thành nhân cách và tư tưởng của Người. Những đức tính tốt đẹp của gia đình, sự chăm sóc ân cần của ông bà, cha mẹ không chỉ giúp Người hình thành nhân cách mà còn góp phần hình thành chí hướng cứu nước, cứu dân mạnh mẽ. Những kỷ niệm từ thuở thơ ấu đã khắc sâu vào tâm hồn Người lòng yêu quê hương, tình thương người, gần gũi và đồng cảm với những khó khăn, vất vả của tầng lớp nhân dân lao động. Qua đó, Người đã thu nhận được những tinh hoa của gia đình, những ước mơ về tự do, hạnh phúc và khát khao giải phóng dân tộc.

Cùng với ảnh hưởng từ gia đình, phẩm chất của nhân dân Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành tư tưởng “thân dân” của Người. Nhân dân Việt Nam, trong suốt chiều dài lịch sử, đã thể hiện những phẩm chất đặc biệt, không chỉ là lòng yêu nước sâu sắc mà còn là tinh thần đoàn kết, kiên cường, và sức mạnh vượt qua mọi khó khăn. Chính những phẩm chất này đã trở thành nền tảng để Người khẳng định rằng cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tư tưởng “thân dân” của Người được hình thành từ chính những giá trị cốt lõi ấy, từ truyền thống đoàn kết, hy sinh vì cộng đồng và những đức tính tốt đẹp của Nhân dân. Người luôn tin tưởng vào sức mạnh vô biên của Nhân dân, Người khẳng định rõ rằng cách mạng chỉ có thể thành công khi có sự tham gia, đồng lòng và nỗ lực của nhân dân.

Tư tưởng “thân dân” của Người không chỉ là lý tưởng mà còn là sự kết tinh từ quá trình đấu tranh của Nhân dân. Người hiểu rõ rằng sự kiên trì, chăm chỉ lao động và tinh thần hy sinh vì lợi ích cộng đồng đã giúp dân tộc ta vượt qua những thời khắc khó khăn nhất trong lịch sử. Chính nhờ vào những phẩm

chất ấy, Nhân dân Việt Nam có thể đứng vững trước mọi thử thách, tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự nghiệp cách mạng. Nhờ đó, tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh không chỉ là lý tưởng về cách mạng mà còn là phương pháp luận thực tiễn, giúp Người tìm ra con đường giải phóng dân tộc.

Truyền thống gia đình và những phẩm chất của nhân dân đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng của Người, nhưng không thể không nhắc đến tác động của những biến động lịch sử Việt Nam trong thế kỷ XIX. Sự kiện Pháp xâm lược Việt Nam vào năm 1858 đã mở đầu một giai đoạn khó khăn cho đất nước. Hiệp ước Patonốt năm 1884, với sự nhượng bộ của triều đình nhà Nguyễn, đã đánh dấu sự thống trị của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam. Mặc dù thực dân Pháp đã khuất phục được triều đình phong kiến, nhưng họ không thể đánh bại được tinh thần đấu tranh kiên cường của nhân dân Việt Nam. Phong trào đấu tranh chống thực dân đã xuất hiện mạnh mẽ, phản ánh rõ nét ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

Chính những khó khăn trong cuộc sống, những ước vọng về sự độc lập, sự tự do của nhân dân đã thúc đẩy những cá nhân yêu nước đứng lên lãnh đạo phong trào. Các phương thức cứu nước theo khuynh hướng phong kiến hay dân chủ tư sản mặc dù xuất hiện, nhưng không thể đáp ứng được nhu cầu thực tế của nhân dân. Những phong trào ấy tuy thất bại, nhưng chính những thất bại đó đã khiến cho ngọn lửa khát vọng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước trong nhân dân càng thêm mạnh mẽ. Những nguyện vọng của người dân, cùng với quá trình hoạt động thực tiễn cách mạng tích cực của Hồ Chí Minh, đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn. Người đã lắng nghe và hiểu rõ những tiếng nói ấy, biến những khát vọng giải phóng thành động lực mạnh mẽ để xây dựng đường lối cứu nước.

Hồ Chí Minh sinh ra trong một hoàn cảnh đất nước đầy khó khăn, thời điểm Nhân dân phải chịu đựng cảnh nghèo đói và lầm than dưới ách thống trị của thực dân. Chính vì thế, Hồ Chí Minh là người hiểu rõ nhất nguyện vọng của nhân dân. Người đã thấu hiểu những mong muốn của người dân, kết hợp những phẩm chất cá nhân và những yêu cầu cấp bách của thời đại để tìm ra con

đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Những phẩm chất kiên cường, quyết tâm sắt đá và lòng yêu nước mãnh liệt của Người đã đưa cách mạng Việt Nam đi đến thành công. Sự kết hợp giữa yếu tố gia đình, lịch sử dân tộc và phẩm chất cá nhân đã tạo nên tư tưởng “thân dân”, một tư tưởng không chỉ là lý tưởng mà còn là một phương pháp thực tiễn, giúp Hồ Chí Minh vạch ra con đường đúng đắn cho cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong hành trình tìm kiếm con đường cứu nước, cuộc sống làm thuê của Người đã tạo ra một sự hòa nhập sâu sắc với Nhân dân lao động cùng khổ. Điều này không chỉ giúp Người gần gũi hơn với thực tế cuộc sống của Nhân dân mà còn tạo ra một cái nhìn toàn diện về các vấn đề chính trị, xã hội của các quốc gia mà Người đi qua. Mỗi nơi Người đến, điều mà Người luôn quan tâm nhất là tìm hiểu về quyền lợi chính trị của Nhân dân, mối quan hệ của họ với giai cấp cầm quyền, và những khát vọng, mong muốn của họ trong cuộc sống. Từ đó, Người liên hệ, so sánh những thực tiễn này với tình hình của Nhân dân Việt Nam, rút ra những nhận thức sâu sắc, những bài học quý giá có thể áp dụng vào giải quyết các vấn đề của Nhân dân trong nước. Nhờ vào đặc điểm này, Người đã phát triển khả năng nhận thức và phân tích rất tinh tế. Người không chỉ biết nhận diện các vấn đề của Nhân dân ở các quốc gia khác, mà còn biết cách liên hệ, so sánh chúng với những vấn đề mà dân tộc Việt Nam đang đối diện. Những suy nghĩ này không chỉ giúp Người có cái nhìn sâu sắc hơn về tình hình quốc tế mà còn tạo ra những cơ sở lý luận khoa học để Người có thể đưa ra những quan điểm giải quyết đúng đắn cho các vấn đề của Nhân dân Việt Nam. Tư tưởng của Người ngày càng trở nên phong phú và sâu sắc nhờ vào khả năng kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giữa những học thuyết từ bên ngoài với những giá trị truyền thống của dân tộc.

Năm 1920, sau khi đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin, Người đã quyết định gia nhập Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong tư duy và hoạt động thực tiễn của Người. Đây không chỉ là một quyết định mang tính lịch sử mà còn là sự khẳng định mạnh mẽ phương châm lấy nhân

dân làm tiêu chí để lựa chọn tư tưởng và lý luận cho con đường cách mạng. Mặc dù trong luận cương của Lênin có những điểm mà Người lúc đó chưa hoàn toàn hiểu rõ, nhưng chính quan điểm ủng hộ và giúp đỡ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa đã thôi thúc Hồ Chí Minh tham gia vào phong trào cộng sản quốc tế. Từ đó, Người đã nhận ra rằng chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin mới có thể giúp giải quyết những vấn đề cấp bách mà Nhân dân Việt Nam đang phải đối mặt. Khát khao tìm ra con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, mang lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc cho Nhân dân chính là động lực lớn nhất, dẫn dắt Hồ Chí Minh đi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã vận dụng và phát triển lý luận của Mác - Lênin một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cụ thể của Việt Nam, đồng thời đảm bảo rằng tất cả các quyết định, chính sách, và hành động của mình luôn đặt lợi ích và nguyện vọng của Nhân dân lên trên hết.

Qua quá trình nghiên cứu, phân tích và tổng hợp những giá trị của các học thuyết cộng sản quốc tế, kết hợp với những bài học thực tiễn từ cuộc sống của người dân, Người đã hình thành nên hệ thống tư tưởng “thân dân” đặc sắc của mình. Tư tưởng này không chỉ phản ánh “sự nhận thức sâu sắc về vai trò to lớn của nhân dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mà còn kế thừa những giá trị tốt đẹp” từ các học thuyết cách mạng và đưa ra những luận điểm mang tính sáng tạo, độc đáo. Tư tưởng “thân dân” của Người đã giúp người dân Việt Nam nhận thức được sức mạnh của chính mình, thực hiện cách mạng thành công, mang lại hoà bình, độc lập và hạnh phúc cho đất nước.

Hệ thống tư tưởng này đã được được bổ sung, vận dụng và phát triển qua từng giai đoạn lịch sử, tạo ra nguồn lực vô tận cho công cuộc cách mạng Việt Nam. Tư tưởng của Người không chỉ là nền tảng lý luận của cách mạng mà còn là phương pháp hành động thực tiễn, giúp nhân dân Việt Nam vượt qua khó khăn, xây dựng đất nước phồn vinh, Nhân dân hạnh phúc. Sự gắn kết và vận dụng biện chứng giữa lý luận và thực tiễn đã làm nên sức mạnh và sự bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần to lớn vào thành công của cách mạng Việt Nam.

2.1.2. Nội dung tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh

2.1.2.1. *Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cách mạng nước ta*

Một là, quan điểm của Hồ Chí Minh về dân.

Theo Hồ Chí Minh, Nhân dân là một khái niệm rất rộng, bao gồm “mỗi một người con Rồng cháu Tiên” [83, tr.273] và “tất cả mọi người Việt Nam tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ” [89, tr.468]. “*Dân*” là những người sống trong cùng một cộng đồng quốc gia dân tộc, có chung một nguồn gốc, một cội nguồn, nên có lúc Người gọi là “đồng bào”, “quốc dân”, “con Lạc, cháu Hồng”, “con Rồng cháu Tiên”. “*Dân*” gồm đủ các dân tộc, tôn giáo: “Việt, Thổ, Nùng, Mường, Mán..., lương, giáo”; là tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội như sĩ, nông, công, thương, binh; là tất cả mọi người, không phân biệt già - trẻ, trai - gái, giàu nghèo, sang hèn, có lòng yêu nước, một lòng một dạ đi theo Đảng cộng sản Việt Nam làm cách mạng giải phóng dân tộc, đem lại tự do, hạnh phúc cho mọi người. Quan niệm về dân như vậy, nhưng không có nghĩa là Người xem nhẹ vấn đề giai cấp, mà ngược lại, Người luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân khi bàn về dân, nhân dân. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Người viết: “Nhân dân là bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những phần tử khác yêu nước. Đó là nền tảng của quốc dân” [87, tr.264]. Khi xác định lực lượng của cách mạng, Người nói: “công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mạng của công nông” [81, tr.288], muốn cách mệnh thành công thì phải có Đảng cách mệnh, Đảng phải tập hợp những phần tử ưu tú của công nhân, nông dân và trí thức. Theo Hồ Chí Minh, “*Dân*” là tất cả mọi người, trừ bọn phản quốc, bọn tay sai bán nước hại dân, những kẻ đi ngược lại lợi ích, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, đó là kẻ thù của dân.

Trong nhiều bài viết, bài nói, Hồ Chí Minh dùng thuật ngữ quần chúng, đồng bào cũng đồng nghĩa với “*Dân*”. “*Dân*” là các tầng lớp nhân dân yêu nước, có tổ chức. Đó là lực lượng rất quan trọng trong mọi cuộc cách mạng. Hồ Chí Minh cũng không coi dân là một khối đồng nhất, mà là một cộng đồng, bao

gồm nhiều dân tộc, giai cấp, tầng lớp. Các nhóm xã hội ấy có lợi ích chung và lợi ích riêng, có vai trò và thái độ khác nhau đối với sự phát triển của xã hội và cách mạng. Công nhân, nông dân, trí thức luôn được Người coi là lực lượng cách mạng to lớn nhất, là nền tảng của khối đoàn kết dân tộc. Quan niệm đó vừa mang tính giai cấp, vừa mang tính dân tộc và tính thời đại.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, *“dân” là tất cả những người Việt Nam yêu nước, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp hay giới tính; bao gồm các tầng lớp công nhân, nông dân, trí thức và các nhóm xã hội khác, phấn đấu vì mục tiêu độc lập, tự do và hạnh phúc của dân tộc*. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của dân, luôn hướng về dân, dành trọn cuộc đời để phấn đấu vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Với Người, yêu dân, tin dân trước hết phải nhận thức đúng vai trò của dân. “Dân” là lực lượng quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Hai là, quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, “Quần chúng nhân dân là thuật ngữ chỉ tập hợp đông đảo những con người hoạt động trong một không gian và thời gian xác định, bao gồm nhiều thành phần tầng lớp xã hội và giai cấp đang hoạt động cho một xã hội xác định. Đó có thể là toàn bộ quần chúng nhân dân của một quốc gia, một khu vực lãnh thổ xác định. Họ có chung lợi ích cơ bản liên hiệp với nhau, chịu sự lãnh đạo của một tổ chức, một đảng phái, cá nhân xác định để thực hiện những mục tiêu kinh tế, chính trị, văn hóa hay xã hội xác định của một thời kỳ lịch sử nhất định” [10, tr. 471].

Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh cho rằng dân là gốc của cách mạng, lực lượng đều ở nơi dân, sự nghiệp cách mạng là việc chung của tất cả Nhân dân chứ không chỉ là việc của một hai người. Người luôn căn dặn: “Không có lực lượng nhân dân thì việc nhỏ mấy, dễ mấy, làm cũng không xong”, “Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”[94, tr.212]. Người cũng tin tưởng mãnh liệt vào sức mạnh,

tính chủ động, sáng tạo của quần chúng nhân dân. Người nói: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [89, tr.453], nếu dân khí mạnh thì sẽ chiến thắng được mọi thế lực. Trong điều kiện bị đế quốc, thực dân thống trị, kẻ thù đàn áp đã man, cùng với chính sách ngu dân của chúng, người dân các nước thuộc địa tưởng chừng không thể gượng dậy nổi, song Hồ Chí Minh vẫn tin tưởng ở Nhân dân và dân tộc mình. Người chỉ rõ: “Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến” [80, tr.40].

Theo Hồ Chí Minh, Nhân dân là lực lượng quyết định đối với thắng lợi của cách mạng vô sản, Người trích lời của V.I.Lênin: Chủ nghĩa xã hội là do quần chúng nhân dân tự mình xây dựng lên. Người cũng từng tuyên bố rằng “Cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, điều đó chứng minh rằng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ở một nước thuộc địa nhỏ, với sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng của nó, dựa vào quần chúng nhân dân rộng rãi...” [91, tr.31-32]. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân là gốc của nước, là nguồn sức mạnh, là lực lượng to lớn của Đảng, của cách mạng. Trí tuệ và năng lực sáng tạo của Đảng đều bắt nguồn từ quần chúng nhân dân. Trong quá trình phát triển của cách mạng, Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở: “Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì cũng không làm nên”; “nước lấy dân làm gốc”; “Gốc có vững, cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền Nhân dân” [84, tr.502].

Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân thể hiện niềm tin sâu sắc vào sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân trong phong trào cách mạng, xây dựng đất nước. Vai trò của quần chúng nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh có thể khái quát ở các khía cạnh cơ bản sau:

Quần chúng nhân dân là lực lượng trực tiếp tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, quần chúng nhân dân là lực lượng chủ yếu trong sản xuất, xây dựng và phát triển xã hội. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh

rằng, mọi thành tựu kinh tế của một đất nước đều bắt nguồn từ sức lao động của quần chúng nhân dân, đặc biệt là công nông. Trong bối cảnh Việt Nam, nơi chịu ách thống trị của thực dân, chính quần chúng nhân dân, nhất là công nông, đã đóng góp to lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do. Người nhận thức rõ ràng, chính quần chúng nhân dân lao động đã tạo ra không chỉ của cải vật chất mà còn bảo đảm cho sự sinh tồn và phát triển của đất nước.

Hồ Chí Minh luôn coi công nông là gốc cách mạng, bởi lẽ, họ không chỉ tạo ra của cải vật chất cho xã hội mà còn xây dựng nền tảng vững chắc cho nền kinh tế của quốc gia; là nguồn sức mạnh lớn lao trong cuộc đấu tranh, thúc đẩy sự đổi mới trong mọi lĩnh vực xã hội.

Quần chúng nhân dân tạo ra các nguồn lực tinh thần của xã hội

Không chỉ có vai trò trong sản xuất của cải vật chất, quần chúng nhân dân còn là nguồn lực tinh thần mạnh mẽ trong mọi cuộc đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh luôn tin tưởng vào trí tuệ, nghị lực và sức sáng tạo vô biên của quần chúng nhân dân. Nhân dân, theo Người, là nguồn lực vô giá không chỉ về vật chất mà còn về tinh thần, là động lực thúc đẩy cách mạng, là những người tạo ra sức mạnh vô cùng lớn trong công cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và xây dựng một xã hội mới. Hồ Chí Minh luôn khẳng định rằng, trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, và trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Người cho rằng, chỉ khi nhân dân đồng lòng, quyết tâm, mọi khó khăn dù lớn đến đâu cũng có thể vượt qua. Điều này cho thấy, quần chúng nhân dân không chỉ là người sản xuất của cải vật chất mà còn là người tạo ra nguồn lực tinh thần to lớn, đảm bảo cho mọi thắng lợi của cách mạng. Trong những giai đoạn khó khăn nhất, đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh luôn lạc quan về khả năng sáng tạo, ý chí chiến đấu của nhân dân. Người cho rằng, chỉ cần quần chúng nhân dân có quyết tâm và đồng lòng thì dù đối mặt với mọi khó khăn, thử thách, họ vẫn có thể tạo ra những bước tiến mạnh mẽ, thúc đẩy sự nghiệp cách mạng tiến tới thành công.

Quần chúng nhân dân tạo ra sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Một trong những điểm sáng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quần chúng nhân dân là sự chú trọng đến sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Hồ Chí Minh luôn khẳng định rằng, cách mạng là sự nghiệp của toàn dân, không phải của một nhóm người hay giai cấp nào riêng biệt. Lực lượng cách mạng mạnh mẽ nhất chính là sự đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo hay dân tộc. Trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, chịu sự thống trị của các thế lực đế quốc, Hồ Chí Minh đã nhìn nhận quần chúng nhân dân là sức mạnh vô địch khi được đoàn kết và thống nhất.

Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng đến việc tập hợp mọi lực lượng trong xã hội để xây dựng một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Người chỉ rõ: “Cách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được” [81, tr.299]. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh khẳng định, lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc “là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người” [81, tr.283]. Lực lượng tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc là lực lượng toàn dân. Trên cơ sở đó, Hồ Chí Minh chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc, vận động tất cả các tầng lớp nhân dân tham gia cách mạng, tập hợp trong Mặt trận Dân tộc thống nhất rộng rãi: sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Lấy “mẫu số chung là lòng yêu nước”, lực lượng cách mạng là toàn dân tộc, không phân biệt đảng phái, giai cấp, tôn giáo... đó là tư tưởng bắt nguồn từ truyền thống đại đoàn kết dân tộc, được Hồ Chí Minh thể hiện bằng một sắc thái mới, tư duy mới trong thời đại mới. Những quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc tổ chức, tập hợp xây dựng lực lượng, tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc giành thắng lợi ở Việt Nam.

Với Hồ Chí Minh, lực lượng chính là ở dân, tất cả lực lượng của Đoàn thể và Chính phủ đều ở nơi dân. Vì dân mà Đoàn thể và Chính phủ làm mọi công việc, định mọi chính sách, mà Nhân dân chính là động lực đồng thời cũng là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng. Để Nhân dân thực sự là gốc, là động lực

của mọi cuộc cách mạng cần phải tin tưởng vào sức mạnh, tính sáng tạo, khối đại đoàn kết của nhân dân. Trong thư gửi Khải Định, đăng trên tờ *Journal du peuple* ngày 09/8/1922, Người viết: Và nếu như ngài có đôi chút óc tưởng tượng, ngài sẽ thấy ý chí của nhân dân một ý chí đã được hun đúc trong nghèo đói và khổ cực - một ý chí còn mạnh hơn và dẻo dai hơn sóng cả, cuối cùng sẽ khoét hồng dân và đánh bật cái tảng đá bề ngoài có vẻ vững chắc là sự áp bức và bóc lột kia đi [80, tr.119]. Hồ Chí Minh tin vào lực lượng, sức mạnh của Nhân dân sẽ làm nên thắng lợi. Theo Người, có tin tưởng và quyết tâm nhất định thắng lợi. Niềm tin chính là động lực làm cho Nhân dân cố gắng không mệt mỏi để đưa cách mạng nước ta đi tới ngày vinh quang.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, quần chúng nhân dân không chỉ đóng vai trò quan trọng trong sản xuất ra của cải vật chất mà còn là nguồn lực tinh thần vô giá và sức mạnh đại đoàn kết. Chính nhờ vào sức mạnh này mà cách mạng Việt Nam đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành được những thắng lợi lớn lao. Sự đoàn kết và tinh thần quần chúng là nền tảng vững chắc cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

2.1.2.2. Quan điểm “thân dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh không nêu định nghĩa khái niệm “thân dân” mà Người lý giải nội hàm của nó tùy thuộc vào từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Chẳng hạn, trong *Bài nói chuyện với lớp nghiên cứu chính trị khóa 1, trường Đại học Nhân dân Việt Nam*, Người đã căn dặn: “thân dân” tức là “phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết”. Nói một cách khác, tức là “tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc” [89, tr.377].

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “*thân dân*” là *thái độ gần dân, hiểu dân, chăm lo đến lợi ích và đời sống Nhân dân của người lãnh đạo, cầm quyền*. “Thân dân” là tư tưởng tiên bộ, coi trọng vai trò của Nhân dân, lấy dân làm gốc, gần gũi, chia sẻ khó khăn, đau khổ cùng Nhân dân, coi Nhân dân là nguồn gốc của sức mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi “thân dân” tức là phục vụ Nhân dân, đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết, chính quyền là “của dân, do dân và vì dân”.

Quan điểm “thân dân” của Hồ Chí Minh mang những nội dung chủ yếu sau:

Một là, lấy dân làm gốc, tôn trọng dân ý, hiểu thấu dân tâm.

Với Hồ Chí Minh, “lấy dân làm gốc” không chỉ là nền tảng tư tưởng mà còn là cơ sở để Người lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc, cứu nước gắn liền với cứu dân. Tư tưởng “thân dân”, lấy dân làm gốc của Hồ Chí Minh không chỉ là sự kết hợp nhuần nhuyễn học thuyết Mác - Lênin với kinh nghiệm lịch sử, truyền thống dân tộc và thực tiễn cách mạng Việt Nam, mà còn là sự phát triển hợp logic của quan điểm đề cao vai trò Nhân dân. Bởi đề cao dân thì ắt phải lấy dân làm gốc, “gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân” [84, tr.502]. Hơn thế, bằng những quan điểm mới, Hồ Chí Minh đã làm cho tư tưởng “thân dân”, lấy dân làm gốc trở về với giá trị đích thực của nó, khắc phục một cách triệt để những hạn chế mà các chế độ xã hội trước đó không làm được.

Theo Người, nền tảng của cách mạng là Nhân dân thì dân phải có quyền làm chủ thực sự. Dân là chủ của nước chứ không phải vua. Người nói: “Nước ta là một nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ” [85, tr.397]. Xưa nay, trong lịch sử, nhiều người đã đề cao vai trò, sức mạnh Nhân dân, nhưng phải đến Hồ Chí Minh, quan niệm “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”; hoặc “quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [85, tr.299] mới được hiểu đúng nghĩa.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”; độc lập, tự do chính là kết quả của sự hy sinh xương máu của mọi tầng lớp Nhân dân mới có. Chính quyền các cấp đều do dân cử ra. Muốn xây dựng được chế độ mới thành công cũng phải dựa vào công sức, tiền của của Nhân dân. Do vậy, mọi thành quả của cách mạng và quyền lực của chế độ xã hội mới phải thuộc về dân, là của dân.

Sự khác biệt chính là ở chỗ, nhiều cá nhân, nhiều tập đoàn, giai cấp sau khi đã giành được chính quyền và củng cố được địa vị thống trị của mình, của giai cấp mình thì quên Nhân dân, thậm chí đi ngược, phản bội lại quyền lợi của

Nhân dân. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi phải tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân, phải bảo vệ lợi ích của Nhân dân, phải yêu dân, dựa vào dân, gần dân, lắng nghe, thấu hiểu dân tâm, học hỏi, tin dân, cán bộ đảng viên đều là đầy tớ của dân, phải hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân.

Hai là, đảm bảo dân sinh, không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân với tinh thần “Đem tài dân, sức dân để làm lợi cho dân”, “Đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết”.

Trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến vấn đề đảm bảo dân sinh. Người đã dành trọn cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của mình đấu tranh cho mục đích cách mạng đầy tính nhân văn, đó là độc lập cho dân tộc và hạnh phúc cho Nhân dân. Giải phóng con người, chăm lo cho con người có cuộc sống ngày càng đầy đủ hơn, hạnh phúc hơn luôn là sự trăn trở, đồng thời là mong muốn lớn nhất của Hồ Chí Minh. Người luôn khẳng định độc lập dân tộc phải gắn với tự do, dân chủ, ấm no, hạnh phúc của Nhân dân. Nếu “chúng ta giành được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói chết rét, thì tự do độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ” [83, tr.175]. Vì vậy, sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, với cương vị người đứng đầu Nhà nước dân chủ nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu Đảng và Chính phủ phải cố gắng giải quyết thật tốt vấn đề chăm lo đời sống Nhân dân, trong đó tập trung thực hiện ngay những nhiệm vụ then chốt, đó là: Làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở và được học hành.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, hạnh phúc của con người gắn với những biểu hiện rất cụ thể, thiết thực trong cuộc sống đời thường - có cơm ăn và áo mặc, được học hành, được chữa bệnh khi ốm đau, được nghỉ ngơi lúc tuổi già... của quảng đại quần chúng Nhân dân. Việc chăm lo cho Nhân dân có đời sống vật chất đầy đủ, có đời sống tinh thần phong phú và lành mạnh là trách nhiệm cao nhất của Đảng và Nhà nước ta; chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm lo đến đời sống của Nhân dân. Nếu để dân đói, dân rét, dân dốt, dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi. Trong tư tưởng Hồ Chí

Minh, con người luôn được trân trọng, là vốn quý giá nhất của xã hội. Thực tế cho thấy, song song với nhiệm vụ tập trung mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế, mở rộng sản xuất, Người đã đặc biệt quan tâm đến việc đáp ứng, thoả mãn những nhu cầu bức thiết của Nhân dân và coi đó là một trong những công tác chủ đạo, căn bản và cần kíp của nhà nước dân chủ nhân dân. Làm thế nào cho dân có ăn, có mặc, được sung sướng và hạnh phúc luôn là nỗi trăn trở lớn nhất của Hồ Chí Minh, đồng thời là nhiệm vụ cốt lõi của cách mạng Việt Nam. Muốn vậy, phải “Đem tài dân, sức dân để làm lợi cho dân”. Đây là một triết lý về cách sử dụng tài nguyên, trí tuệ và sức lực của nhân dân để phục vụ lợi ích chung. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng, sức mạnh của dân tộc nằm ở sự đoàn kết, ý chí vươn lên và tinh thần sáng tạo của nhân dân. Để phát triển đất nước, phải huy động được tất cả nguồn lực của Nhân dân, từ tri thức, sức lao động đến tài chính, để phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Theo Người, đất nước chỉ có thể phát triển khi mọi người dân đều có cơ hội đóng góp và hưởng lợi từ sự phát triển đó. Đem tài dân, sức dân, của dân, tức là đem toàn bộ những sức người, sức của, tinh thần, vật chất, tài năng, của cải, tài sản trong dân để làm lợi cho dân. Người cán bộ, các cơ quan chính quyền là người tổ chức, chỉ đường dẫn lối, còn tất cả là ở người dân. Lấy dân để làm lợi cho dân trên cơ sở dân tự nguyện, tự giác. Qua thực tế cho thấy, dù trong chiến tranh hay trong hòa bình, việc gì hợp với nguyện vọng của quần chúng thì được quần chúng ủng hộ và hăng hái tham gia. Về điểm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng” [85, tr. 156].

Muốn đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân thì cán bộ từ trên xuống dưới, từ Trung ương đến địa phương; từ Đảng, chính quyền cho đến các cơ quan, tổ chức, đoàn thể; từ cán bộ lãnh đạo cho đến mọi đảng viên, tất cả phải hết lòng hết sức vì dân, một lòng một dạ phục vụ Nhân dân, phải là người đầy tớ thật sự trung thành của Nhân dân. Chúng ta cần phải hiểu rằng các cơ quan của chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân, nghĩa

là để gánh vác công việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu cưỡi cổ dân. Bởi vậy, “Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh” [83, tr.47]. Chính vì vậy, tinh thần “Đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết” là một nguyên tắc nền tảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người luôn coi việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân là ưu tiên hàng đầu. Hồ Chí Minh cho rằng, nếu dân không có cơm ăn, áo mặc, không được chăm sóc sức khỏe, không có quyền lợi cơ bản, thì dù có phát triển nền kinh tế thế nào, xã hội cũng không thể bền vững. Vì vậy, mọi quyết sách đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, từ việc nâng cao chất lượng cuộc sống, giáo dục, y tế cho đến việc giải quyết các vấn đề xã hội khác. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, là phải “làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm” [84, tr.81]. Theo đó, mọi đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước phải xuất phát từ con người, hướng vào con người, nhằm cải thiện và nâng cao từng bước đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; phải coi lợi ích và quyền hạn của Nhân dân là trên hết.

Cho đến lúc đi xa, trong bản *Di chúc* thiêng liêng gửi lại cho toàn Đảng, toàn dân, vấn đề đảm bảo dân sinh, cải thiện và nâng cao đời sống của Nhân dân vẫn được Hồ Chí Minh hết sức quan tâm. Người căn dặn: “Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân” [94, tr.611]. Đó cũng là những lời dặn dò thể hiện tình nhân ái bao la, chủ nghĩa nhân văn trong sáng của một con người vĩ đại suốt đời hết lòng, hết sức chăm lo đến đời sống của tất cả mọi người dân.

Ba là, chú trọng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đóng góp nổi bật của Hồ Chí Minh không chỉ trong vai trò nhà tổ chức kỳ tài, nhà tư tưởng lỗi lạc,... mà còn trong vai trò nhà giáo dục vĩ đại. Trong hệ thống quan điểm của Người, sự quan tâm nâng cao dân trí như là một trong những ham muốn tốt bậc - “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành” [83, tr. 187].

V.I.Lênin từng khẳng định, không có tri thức thì không có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, và yêu cầu mọi người phải luôn luôn “Học, học nữa, học mãi”, bởi “Một người không biết chữ là người đứng ngoài chính trị” [68, tr.218]. Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh nhận thấy “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” [83, tr.8], nên từ rất sớm Người đã quan tâm nâng cao dân trí. Mục tiêu đó thể hiện tập trung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo với phương châm: “không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hóa” [89, tr.345].

Mục tiêu nâng cao dân trí được Hồ Chí Minh đề ra từ thực tiễn hơn 90% dân số nước ta mù chữ. Ra đi tìm đường cứu nước, trải nghiệm đời sống chính trị - xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển như Anh, Pháp, Mỹ,... Hồ Chí Minh nhận thấy bài học mang tính quy luật: Ở nơi đâu quan tâm đến giáo dục, nâng cao dân trí thì sự tham gia chính trị của nhân dân tốt hơn. Trăn trở, suy nghĩ bài học đó, *Yêu sách của Nhân dân An Nam* do Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước gửi đến Hội nghị các nước thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất ở Vécxay đã nêu yêu cầu cho Nhân dân Việt Nam được “Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh của người bản xứ”. Trong nhiều bài viết, bài nói chuyện, Hồ Chí Minh lên án chính sách ngu dân của thực dân Pháp, xem đấu tranh chống chính sách thâm hiểm đó là một trong những mục tiêu của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Người dành nhiều sự quan tâm cho việc nghiên cứu, tổ chức, giảng dạy các lớp huấn luyện cán bộ những năm 1925 - 1927. Các bài giảng của Hồ Chí Minh được tập hợp, biên soạn thành tác phẩm *Đường Kách mệnh*, trong đó nêu quan điểm thụ hưởng nền giáo dục là quyền của mọi người; xây dựng và phát triển nền giáo dục là nghĩa vụ của toàn dân; giáo dục gắn liền với nhiệm vụ chính trị, hướng vào phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, cải thiện và nâng cao đời sống văn hóa - xã hội của Nhân dân. Quan điểm này được bổ sung và cơ bản hoàn thiện trong các Cương lĩnh chính trị đầu tiên và lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam: “Phổ thông giáo dục theo

công nông hóa”; “Thực hành giáo dục toàn dân” là một trong mười nhiệm vụ mà Đảng phải thực hiện.

Không lâu sau khi về nước (1/1941), Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám (5/1941). Nghị quyết Hội nghị, sau đó là Chương trình Việt Minh, đều xác định mục tiêu nâng cao dân trí, nêu rõ các nhiệm vụ văn hóa - giáo dục của Đảng và Mặt trận: “Hủy bỏ nền giáo dục nô lệ. Gây dựng nền quốc dân giáo dục. Cưỡng bức giáo dục từ bậc sơ học... Khuyến khích và giúp đỡ nền giáo dục quốc dân làm cho nòi giống ngày thêm mạnh” [82, tr. 630]. Một ngày sau khi đọc *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh nêu sáu nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ lâm thời. Ở “Vấn đề thứ hai, nạn đói”, Hồ Chí Minh lên án chính sách ngu dân của thực dân Pháp, chỉ ra hậu quả bạc nhược của một dân tộc đói và xúc tiến mở các lớp bình dân học vụ, khôi phục dần nền giáo dục quốc dân. Suốt những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, xóa nạn mù chữ, mở mang dân trí luôn được Hồ Chí Minh quan tâm. Các báo cáo, đánh giá thành quả tiến bộ cách mạng của Hồ Chí Minh đều thống kê số liệu xóa nạn mù chữ cho Nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người luôn khẳng định: “Giáo dục phải phục vụ đường lối của Đảng, Chính phủ”. Chỉ khi trình độ dân trí của Nhân dân được nâng cao, sự hiểu biết của Nhân dân được mở rộng, thì các hoạt động của Đảng và Nhà nước mới được dân hiểu và thực hiện tốt.

Theo Hồ Chí Minh, Nhân dân là mục tiêu, lý tưởng của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, nhưng “Muốn giữ vững nền độc lập, muốn cho dân mạnh, nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà...” [83, tr. 40]. Đó là lý do để nâng cao dân trí trở thành một trong những nội dung quan trọng trong mục tiêu, lý tưởng về Nhân dân của Hồ Chí Minh.

Bốn là, thực hiện “dân quyền”, đảm bảo mọi quyền lực thuộc về Nhân dân.

Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh viết: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm

phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc... Đó là những lẽ phải không ai có thể chối cãi được” [83, tr.1]. Dân quyền là những quyền con người được luật pháp quy định và đảm bảo. Tự do là quyền cơ bản trong dân quyền. Hồ Chí Minh luôn khẳng định “dân ta được hoàn toàn tự do” là ham muốn tốt bậc của Người. Không những thế, Hồ Chí Minh còn xác định tự do cho Nhân dân là một trong ba mục tiêu, lý tưởng chính của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thể hiện qua quan điểm “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước ta là của dân, do dân, vì dân nên lập ra tổ chức nhà nước như Chính phủ, Quốc hội,... cùng với dân quyền thì cũng phải đảm bảo mọi quyền lực đều thuộc về Nhân dân. Nhà nước phải do Nhân dân bầu ra và do Nhân dân tổ chức nên. Nhà nước do dân, là Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do Nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước Nhân dân. Nhân dân phải sử dụng cơ quan quyền lực, người đại diện của mình để thực hành chức năng quản lý của nhà nước. Nhà nước do dân tức là Nhân dân phải tham gia vào công việc chung của nhà nước. Do đó, phải phát huy vai trò của mặt trận, các đoàn thể trong công tác quản lý nhà nước và xã hội. Nhân dân là người làm chủ nước nhà, Nhân dân có quyền thông qua cơ chế dân chủ, thực thi quyền lực, nhưng đồng thời Nhân dân có nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ nhà nước, làm cho nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, qua thực tiễn suốt mấy chục năm bôn ba khắp thế giới, Hồ Chí Minh thấm sâu chân lý: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Trong tư tưởng, tình cảm và hành động, Người luôn thể hiện nhất quán chân lý ấy. Quần chúng có vai trò to lớn đối với sự nghiệp cách mạng đấu tranh chống đế quốc, thực dân, phong kiến. Quần chúng cách mạng chính là các tầng lớp Nhân dân nước ta mà Hồ Chí Minh đã tìm thấy sức mạnh to lớn ở họ. Cơ sở quan điểm tư tưởng ấy là lòng tin vào con người của Hồ Chí Minh. Người cho rằng, Nhân dân rất thông minh, sáng tạo, Nhân dân là lực lượng

đồng đảo của toàn xã hội; Nhân dân là người hiểu biết tất cả; Nhân dân là nguồn sức mạnh vô tận ở mọi nơi, mọi lúc..

Để đảm bảo dân quyền, thực hiện dân chủ có vai trò quan trọng. Dân chủ được Hồ Chí Minh kiến giải một cách giản dị, dễ hiểu nghĩa là *dân là chủ* và *dân làm chủ*. Nội dung cốt lõi trong tư tưởng dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh phản ánh giá trị cao nhất, chung nhất của dân chủ là quyền lực thuộc về Nhân dân: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ” [85, tr.515], “chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là dân làm chủ” [86, tr.499]. Điều này khẳng định giá trị xã hội đích thực của dân chủ là ở chỗ giành về cho đại đa số Nhân dân lao động những quyền lực của chính họ thông qua đấu tranh cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới của chính bản thân quần chúng Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng chế độ dân chủ, thể chế chính trị và thể chế nhà nước dân chủ, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Người khẳng định: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [84, tr.409-410].

Hồ Chí Minh yêu cầu mọi chủ trương, chính sách, mọi quy định của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đều phải xuất phát từ lợi ích của dân. Mọi cán bộ nhà nước đều vì dân, hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Một nhà nước vì dân phải đảm bảo cho dân có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Dân là chủ, dân làm chủ trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nói cách khác, trong chế độ mới, chế độ dân chủ nhân dân thì Nhân dân là chủ thể tối cao, mọi quyền hành đều ở nơi dân, Nhân dân là gốc của quyền lực. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* viết năm 1953, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nhân dân là ông chủ nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là dân chủ” [87, tr.263]. Trong khi xác định nhiệm vụ và quyền lợi của Nhân dân,

Người đã nêu lên một nhiệm vụ rất quan trọng, đó là: “Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của Nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà” [91, tr.374]. Dân chủ trong chính trị phải trở thành một thiết chế nhà nước để thực hiện, bảo vệ và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, làm cho “quyền hành và lực lượng” của Nhân dân được phát huy. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện dân chủ trong kinh tế cũng đóng vai trò rất quan trọng. Nếu không có dân chủ trong kinh tế thì dân chủ trong chính trị chỉ là hình thức.

Để đảm bảo quyền dân chủ của Nhân dân, Hồ Chí Minh yêu cầu phải xây dựng được một Nhà nước của dân, do dân, vì dân với hệ thống pháp luật lấy việc bảo vệ quyền lợi của Nhân dân lên hàng đầu. Người cho rằng, pháp luật là cơ sở, là phương tiện đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân, “thực hiện chế độ pháp trị, giữ vững và bảo vệ quyền lợi Nhân dân, bảo vệ chế độ dân chủ của ta” [79, tr.250]. Theo Người, muốn có một xã hội dân chủ thì cần phải có một hệ thống pháp luật đầy đủ, đảm bảo luật là ý chí chung của toàn dân, do Nhân dân đóng góp xây dựng để phục vụ lợi ích của Nhân dân. Phải hết sức chăm lo đưa pháp luật vào đời sống, tạo một cơ chế đảm bảo cho pháp luật được thi hành.

Quan điểm “Dân là chủ” và “dân làm chủ” được Hồ Chí Minh vận dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động cách mạng cũng như trong lãnh đạo cách mạng nước ta. Người luôn đặc biệt nhấn mạnh vị trí, vai trò của Nhân dân. Với Hồ Chí Minh, Nhân dân chính là động lực, là mục tiêu của sự phát triển.

Tóm lại, tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là sự kế thừa, vận dụng, phát triển sáng tạo các giá trị tư tưởng “thân dân” của dân tộc, nhân loại và chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, góp phần bổ sung, phát triển làm phong phú kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin. Có thể nói, “Nhân dân luôn là tâm điểm của quá trình tư tưởng Hồ Chí Minh và sự quan tâm của Người đối với nhân dân không bị giới hạn trong các ranh giới địa lý. Mục đích của Người

không chỉ là giải phóng đất nước mình khỏi sự thống trị ngoại bang mà trong chiều sâu tư tưởng của mình, bên cạnh mục đích giành độc lập dân tộc, Người còn mong ước đến sự công bằng, bình đẳng và no ấm cho nhân dân mình” [36, tr.412-413]. Hồ Chí Minh là “người mà trong lời nói và việc làm của mình luôn nhấn mạnh đến độc lập và phúc lợi của nhân dân” [36, tr.413]. Đó chính là bản chất tạo nên giá trị vĩnh hằng của tư tưởng “thân dân” trong tư duy chính trị Hồ Chí Minh. Hiện nay, tư tưởng “thân dân” Hồ Chí Minh vẫn là cơ sở khoa học, định hướng cho việc giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân; góp phần củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, vận động Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2.2. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC CHẤT VÀ NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

2.2.1. Thực chất việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay

2.2.1.1. Phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân Việt Nam

*** Quan niệm về sức mạnh, sức mạnh của quần chúng nhân dân.**

Sức mạnh là khái niệm gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người nói chung và của từng quốc gia nói riêng. Khái niệm này được sử dụng tương đối phổ biến không chỉ trong đời sống xã hội mà còn trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội, khoa học chính trị và có rất nhiều cách tiếp cận. Trong phạm vi luận án, chúng tôi quan niệm, *sức mạnh là tổng hợp các yếu tố nội lực, bao gồm cả thể chất và tinh thần, là khả năng của chủ thể sử dụng, phát huy năng lực hiện có và có tác động mạnh mẽ đến những người khác, đến sự vật, gây tác động ở mức cao.*

Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay luôn tồn tại trong mối quan hệ máu thịt với quần chúng nhân dân Việt Nam. Tư tưởng thể hiện xuyên suốt qua nhiều văn kiện của Đảng là: “Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai

cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài” [23, tr.45]. Như vậy, *quần chúng nhân dân là toàn thể dân tộc, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, vị thế xã hội, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo... cùng tham gia sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Phạm trù “quần chúng nhân dân” không chỉ gồm cộng đồng dân cư trên lãnh thổ Việt Nam mà còn gồm cả những người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài trong sự đồng thuận, thống nhất, đoàn kết, nòng cốt là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

Sức mạnh của quần chúng nhân dân là một trong những yếu tố quyết định sự thành bại của mọi cuộc cách mạng, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân” [86, tr.544]. Dưới góc độ tiếp cận của luận án, *sức mạnh của quần chúng nhân dân được hiểu là tập hợp tất cả các nội lực của toàn thể dân tộc, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, vị thế xã hội, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo... cùng tham gia sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Sức mạnh của quần chúng nhân dân Việt Nam thể hiện ở chỗ, quần chúng nhân dân, bằng tất cả tinh thần và lực lượng của mình, đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các yếu tố mà nếu thiếu thì sự nghiệp cách mạng không thể nảy sinh, duy trì và phát triển. Cụ thể là:

Thứ nhất, nhu cầu, khát vọng của quần chúng nhân dân là động lực thúc đẩy sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Trong suốt chiều dài lịch sử đất nước, mỗi sự thay đổi mang tính cách mạng đều nảy sinh từ đòi hỏi của thực tiễn đời sống Nhân dân. Nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân là dòng chảy “vận hành” lịch sử dân tộc đi lên bởi đó là yếu tố tiên quyết làm nảy sinh những sự kiện tạo ra các chuyển biến tiến bộ. Không ai khác hơn ngoài Nhân dân đặt ra các vấn đề đòi hỏi cần phải được giải quyết. Tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu đó dưới nhiều hình thức khác

nhau như kháng chiến, khởi nghĩa, cải cách,... là căn nguyên trực tiếp thúc đẩy lịch sử dân tộc tiến lên.

Thứ hai, quần chúng nhân dân đóng góp trí tuệ góp phần quyết định việc xây dựng và đảm bảo tính đúng đắn của đường lối cách mạng.

Đường lối là vấn đề đóng vai trò rất quan trọng đối với một cuộc cách mạng. Tính chất, phương hướng, mục tiêu, phương pháp và nhiều yếu tố khác của cách mạng đều được thể hiện tập trung và cơ bản trong đường lối. Khởi phát một sự nghiệp cách mạng trước hết chính là khởi phát đường lối mà sự nghiệp đó theo đuổi. Đường lối luôn cần phải được quan tâm trước hết trong quá trình chuẩn bị các yếu tố của sự nghiệp cách mạng. Nhiều trường hợp, khi chưa thật sự hoàn thiện về tổ chức, bộ máy thực hiện cách mạng nhưng đường lối đã được chuẩn bị cơ bản đầy đủ thì sự nghiệp cách mạng vẫn được tiến hành. Đường lối cách mạng là linh hồn dẫn dắt thực tiễn cách mạng.

Thứ ba, quần chúng nhân dân cung cấp tài lực, vật lực đảm bảo thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Bất kỳ cuộc cách mạng nào cũng phải được tiến hành trên một nền tảng vật chất nhất định. Thiếu nền tảng vật chất, sự nghiệp cách mạng không thể được tiến hành trong thực tiễn và đi đến thắng lợi. Đường lối dù đã được hoạch định nhưng chưa có cơ sở vật chất thì chỉ dừng lại ở trang giấy. Nền tảng vật chất của một cuộc cách mạng là tất cả những yếu tố vật chất được huy động để thực hiện mục tiêu, đường lối cách mạng. Trong nhiều trường hợp, thắng lợi của một cuộc cách mạng cũng chính là thắng lợi của sự huy động lực lượng vật chất để đánh bại đối tượng mà cuộc cách mạng ấy hướng đến.

Thứ tư, quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, hùng hậu đóng vai trò chính thực hiện đường lối cách mạng, bảo vệ thành quả cách mạng.

Sự nghiệp cách mạng Việt Nam trước hết là sự nghiệp chính trị bởi các mục tiêu chính trị là đầu tiên và quan trọng hơn hết. Đó là mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu độc lập dân tộc tập trung ở lật đổ chế độ thống trị thuộc địa nửa phong kiến thiết lập quốc gia dân tộc độc lập với nhà nước của dân, do dân, vì dân. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội tập trung ở thực

hành dân chủ rộng rãi, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Chủ thể và lực lượng của sự nghiệp ấy là quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh nói rất nhiều về điều này: “Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân”; “sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân”; “việc cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải việc của một hai người”... Đối với sự nghiệp cách mạng, Nhân dân đóng vai trò quyết định thành bại, “có dân là có tất cả”, “Dễ mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”... Trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, sự nghiệp chính trị nói riêng, sự nghiệp cách mạng nói chung của dân tộc ta do Nhân dân mà được khởi xướng, do Nhân dân thực hiện mà diễn ra, do Nhân dân ra sức mà thắng lợi.

**** Quan niệm về phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân Việt Nam.***

Trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc Việt Nam đã cho thấy, sức mạnh Nhân dân có vai trò quan quyết định, làm nên những thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào. Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân” [91, tr.672]

Kinh nghiệm quý báu nhất được Đảng ta rút ra từ thực tiễn khi thành lập đến nay là phải dựa vào sức mạnh quần chúng nhân dân, “lấy dân làm gốc”, phải huy động, tập hợp được sức mạnh của đông đảo các tầng lớp Nhân dân mới làm nên những thắng lợi vẻ vang của cách mạng. Từ bài học “lấy dân làm gốc” được Đại hội VI tổng kết, suốt quá trình đổi mới, Đảng ta luôn xem đây là kim chỉ nam trong mọi hoạt động. “Nước lấy dân làm gốc” vừa là mục tiêu, vừa là động lực, đồng thời là bí quyết thắng lợi của mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Với ý nghĩa sâu sắc đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”... Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [32, tr.27-28]

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, sự bùng nổ của mạng Internet, các mạng xã hội và những vấn đề nảy sinh từ mặt trái của kinh tế thị trường, cùng với đó các thế lực thù địch có những chiêu thức, thủ đoạn mới hết sức tinh vi để chống phá Đảng, chính quyền, công cuộc đổi mới thì vấn đề phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ngày càng đóng vai trò quan trọng trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

Phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân không chỉ phản ánh quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng mà còn là sự cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử. Phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay là một chiến lược toàn diện nhằm phát huy tiềm năng vô tận của Nhân dân, bao gồm các nguồn lực vật chất, tinh thần, lao động và sức mạnh đại đoàn kết, để thúc đẩy phát triển đất nước trong mọi lĩnh vực, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân.

Mục tiêu phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay là tối đa hóa các nguồn lực của nhân dân để thúc đẩy sự phát triển của đất nước, đồng thời đảm bảo công bằng xã hội và nâng cao chất lượng đời sống cho mọi tầng lớp nhân dân. Cụ thể là: Phát triển kinh tế và nâng cao đời sống Nhân dân. Việc phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân không thể tách rời khỏi mục tiêu phát triển kinh tế quốc dân. Mọi nỗ lực trong việc phát huy nguồn lực lao động và các yếu tố vật chất khác đều nhằm mục đích thúc đẩy nền kinh tế phát triển, từ đó nâng cao chất lượng sống của người dân; Xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh: Phát huy sức mạnh của Nhân dân không chỉ là tăng cường các yếu tố vật chất mà còn nhằm tạo ra một xã hội nơi mà mọi người đều có quyền lợi và nghĩa vụ bình đẳng, nơi khối đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh to lớn, thúc đẩy sự hòa hợp và đoàn kết trong xã hội; Bảo vệ và củng cố độc lập, chủ quyền quốc gia: Trong bối cảnh hiện nay, bảo vệ Tổ quốc không chỉ là nhiệm vụ của quân đội, mà là của toàn dân, mọi tầng lớp

nhân dân đều có vai trò và trách nhiệm trong việc duy trì sự vững mạnh của quốc gia.

Chủ thể phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân là tất cả các tầng lớp nhân dân, từ công nhân, nông dân, trí thức đến các dân tộc thiểu số và các cộng đồng xã hội khác. Tất cả mọi người đều đóng vai trò quan trọng trong việc đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể Nhân dân như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh... là những tổ chức tiên phong trong việc phát động phong trào và hướng dẫn quần chúng nhân dân tham gia vào các hoạt động phát triển đất nước. Đặc biệt, Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò lãnh đạo, định hướng và thúc đẩy quá trình phát huy sức mạnh của Nhân dân.

Nội dung phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân bao gồm: *Phát huy sức mạnh vật chất* của quần chúng nhân dân là nền tảng của sự phát triển đất nước. Để phát huy sức mạnh này, cần phải tạo ra môi trường thuận lợi cho nhân dân tham gia vào các hoạt động sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng. Việc phát triển nền kinh tế bền vững, gia tăng năng suất lao động và khuyến khích sáng tạo trong sản xuất là yếu tố quan trọng để phát huy sức mạnh vật chất của nhân dân. Các phong trào thi đua sản xuất, sáng tạo khoa học công nghệ và cải tiến kỹ thuật có sự tham gia của quần chúng nhân dân sẽ trực tiếp góp phần làm giàu cho quốc gia. Đồng thời, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã và các doanh nghiệp do nhân dân làm chủ sẽ góp phần tạo ra nguồn lực vật chất dồi dào phục vụ cho sự phát triển chung. Bên cạnh sức mạnh vật chất, *sức mạnh tinh thần* của quần chúng nhân dân cũng có vai trò rất quan trọng. Sức mạnh này bao gồm các giá trị văn hóa, tinh thần yêu nước, sự đoàn kết và khát vọng vươn lên trong cuộc sống của người dân. Quá trình phát huy sức mạnh tinh thần không chỉ là việc động viên nhân dân tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế, mà còn bao gồm việc phát triển các giá trị văn hóa dân tộc, giáo dục tinh thần tự lực, tự cường, nâng cao ý

thức trách nhiệm xã hội và bảo vệ những thành quả đã đạt được. Các phong trào thi đua yêu nước, học tập và làm theo gương Bác Hồ, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, cũng như các hoạt động xã hội sẽ khơi dậy niềm tự hào dân tộc và lòng quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách của quần chúng nhân dân. *Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc* là một trong những yếu tố quyết định sự thành công trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, sự đoàn kết giữa các dân tộc, các tầng lớp xã hội và các đảng phái là cực kỳ quan trọng, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề cấp bách như bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội. Tạo ra khối đại đoàn kết toàn dân tộc giúp tăng cường sự gắn kết và nâng cao sức mạnh tổng hợp của nhân dân trong mọi lĩnh vực. Mỗi người dân, dù ở thành thị hay nông thôn, dù là công nhân hay nông dân, đều có vai trò và đóng góp vào công cuộc chung. Những tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức quần chúng như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, các hội, nhóm xã hội cần phát huy tối đa vai trò của mình trong việc kết nối, huy động sức mạnh của nhân dân, từ đó đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Phương thức phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân bao gồm: Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức: Để quần chúng nhân dân nhận thức rõ về trách nhiệm và quyền lợi của mình, các cơ quan, tổ chức cần thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về những vấn đề quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, như về tình hình chính trị, kinh tế, và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; Phát động phong trào thi đua: Các phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo” hay các phong trào sản xuất, sáng tạo cũng là một phương pháp quan trọng để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân. Những phong trào này tạo ra sự đồng lòng trong nhân dân, giúp mọi người cùng chung tay vượt qua thử thách; Tạo điều kiện cho sáng tạo và khởi nghiệp: Các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, sáng tạo trong cộng đồng cũng góp phần phát

huy sức mạnh của quần chúng nhân dân. Tạo môi trường thuận lợi cho sự sáng tạo và khởi nghiệp là một trong những cách để Nhân dân tham gia vào quá trình phát triển của đất nước.

Phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân có thể thực hiện qua nhiều phương thức khác nhau như: Tham gia các tổ chức chính trị và xã hội (Nhân dân có thể tham gia vào các tổ chức đoàn thể, như Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, các hội, nhóm cộng đồng để đóng góp vào các hoạt động phát triển đất nước); Thực hiện các cuộc vận động, phong trào (Nhân dân có thể tham gia vào các phong trào xây dựng nông thôn mới, chống tham nhũng, bảo vệ môi trường hay các cuộc vận động thi đua khác để thể hiện sức mạnh tập thể của mình; Khởi nghiệp sáng tạo và tham gia vào nền kinh tế (Nhân dân tham gia vào các hoạt động sản xuất, khởi nghiệp sáng tạo không chỉ là việc làm kinh tế mà còn là đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước).

Để phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân, cần phải có những *điều kiện* nhất định, bao gồm: (1) Môi trường chính trị ổn định: Một môi trường chính trị vững chắc, pháp luật công bằng và được thực thi nghiêm minh là điều kiện tiên quyết để quần chúng nhân dân tham gia vào các hoạt động phát triển xã hội; (2) Chế độ đãi ngộ hợp lý: Chính sách đãi ngộ hợp lý đối với lao động, công nhân, nông dân, và các tầng lớp nhân dân khác sẽ tạo động lực để họ cống hiến cho sự nghiệp phát triển của đất nước; (3) Giáo dục và đào tạo: Cung cấp cho Nhân dân kiến thức về khoa học, công nghệ và các kỹ năng mới giúp họ tham gia vào quá trình phát triển và sáng tạo; (4) Khả năng huy động tài chính và hỗ trợ khởi nghiệp: Tạo ra các cơ chế tài chính thuận lợi, hỗ trợ về vốn, cơ sở hạ tầng để Nhân dân có thể tham gia vào các hoạt động kinh tế, sáng tạo.

Tóm lại, phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân Việt Nam được hiểu là quá trình làm cho sức mạnh của quần chúng nhân dân không ngừng hoàn thiện và có vai trò ngày càng tăng đối với việc thúc đẩy tiến trình lịch sử phát triển, cũng như góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.2.1.2. Nội dung vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay

Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam là quá trình áp dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để làm cho sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam (sức mạnh vật chất, sức mạnh tinh thần, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc) không ngừng hoàn thiện và có vai trò ngày càng tăng đối với việc thúc đẩy tiến trình lịch sử phát triển, cũng như góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nội dung vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay có thể khái quát ở những nội dung cơ bản sau:

Một là, vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy các nguồn lực vật chất trong dân.

Khái niệm nguồn lực trong phát triển kinh tế - xã hội thường được các nhà khoa học giải thích như sau: Những thứ được coi là nguồn lực phải là những thứ được sử dụng hoặc có khả năng sử dụng trong thời kỳ dự kiến phát triển. Tiềm năng chưa đưa vào sử dụng hoặc chưa có khả năng đưa vào sử dụng thì chưa được xem là nguồn lực [3, tr.62].

Nguồn lực không phải là bất biến. Nó thay đổi theo không gian và thời gian. Con người có thể làm thay đổi nguồn lực theo hướng có lợi cho mình. Hiểu biết và đánh giá đúng cũng như biết huy động tối đa các nguồn lực sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia. Các nước đang phát triển muốn nhanh chóng thoát khỏi sự nghèo nàn, tụt hậu cần phải phát hiện và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực, trong đó khai thác và phát huy các nguồn lực vật chất trong dân đóng một vai trò rất quan trọng.

Nhân dân có nhiều nguồn lực, trong đó nguồn lực vật chất có ý nghĩa quan trọng. Năm 1947, trong lần về thăm Thanh Hóa, Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ, đảng viên: “Phải đem hết sức dân, tài dân, của dân làm cho dân” [84,

tr.75]. Cụ thể hoá các nguồn lực vật chất “sức dân”, “của dân” có thể kể đến như nguồn lực của cải, tài chính; nguồn lực sức lao động.

Về phát huy nguồn lực của cải, tài chính trong Nhân dân: Nguồn lực tài chính và của cải vật chất trong nhân dân là yếu tố rất quan trọng trong việc phát triển nền kinh tế quốc dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: “Tất cả của cải vật chất trong xã hội, đều do công nhân và nông dân làm ra” [87, tr.247]. Như vậy, trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, nhân dân chính là nguồn gốc tạo ra của cải vật chất, và vì vậy, họ là chủ thể quyết định sự giàu mạnh của đất nước. Người lao động không chỉ là người làm ra của cải, mà còn là người sở hữu những sản phẩm do chính họ tạo ra. Điều này cũng thể hiện trong câu nói: “... Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hoá, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ” [92, tr.66] .

Trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước cần phải biết dựa vào nhân dân để phát huy nguồn lực tài chính và của cải trong dân. Việc huy động tài chính trong Nhân dân có thể thực hiện thông qua nhiều kênh khác nhau như các quỹ đầu tư phát triển, các chương trình tín dụng ưu đãi, các hình thức tiết kiệm cộng đồng, hay các dự án phát hành trái phiếu chính phủ. Những nguồn lực này sẽ được sử dụng vào việc phát triển kết cấu hạ tầng, cải thiện đời sống người dân, đồng thời phục vụ cho các mục tiêu an sinh xã hội và bảo vệ đất nước. Hồ Chí Minh cũng chỉ ra rằng, từ những công việc lớn đến nhỏ, từ xa đến gần, nếu biết huy động sức dân và tài dân, chúng ta sẽ có thể vượt qua mọi khó khăn và thách thức.

Việc sử dụng đúng đắn nguồn lực của cải và tài chính trong Nhân dân sẽ không chỉ làm giàu cho dân mà còn giúp phát triển đất nước một cách bền vững, đồng thời củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Về phát huy nguồn lực sức lao động của Nhân dân: Bên cạnh nguồn lực tài chính và của cải, một yếu tố không thể thiếu trong sự nghiệp phát triển đất nước chính là nguồn lực sức lao động của nhân dân. Hồ Chí Minh đánh giá, lao động là “vốn quý nhất” của đất nước. Người luôn coi trọng lao động và nhấn

mạnh rằng phải biết tổ chức lao động một cách khoa học và hiệu quả: “Phải biết quý trọng sức người là vốn quý nhất của ta. Chúng ta cần hết lòng chăm sóc sức khỏe và sử dụng thật hợp lý sức lao động của nhân dân ta” [92, tr.70]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của lao động khi Người khẳng định: “Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, là nhờ lao động. Xây nên giàu có, tự do, dân chủ cũng là nhờ lao động. Trí thức mở mang cũng nhờ lao động (lao động trí thức). Vì vậy, lao động là sức chính của sự tiến bộ loài người. Cũng là sức mạnh của sự giải phóng dân tộc” [84, tr.514]. Với lao động, con người đã tạo ra lịch sử của chính mình, cải tạo tự nhiên, cải biến xã hội và nâng mình lên thành chủ nhân chân chính của tự nhiên và xã hội. Lao động chính là bản chất của con người, vì thế, lao động là đặc điểm chung của nhân loại, tất nhiên là sự cần cù, chịu khó lao động của dân tộc là khác nhau, điều đó phụ thuộc vào phong tục tập quán, điều kiện tự nhiên và sự phát triển của khoa học - kỹ thuật,...

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò của việc tổ chức lao động khoa học và hợp lý. Người không chỉ chú trọng đến việc lao động một cách cần cù, chăm chỉ, mà quan trọng hơn là làm sao để lao động đạt hiệu quả cao nhất. Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên và Nhân dân: “Phải tổ chức lao động cho tốt để tiết kiệm sức lao động” [92, tr.68-69]. Tổ chức lao động hợp lý là yếu tố quyết định để phát huy tối đa năng suất và chất lượng lao động, từ đó góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân và thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Để phát huy sức lao động trong nhân dân, phải tổ chức lao động một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả. Điều này không chỉ đòi hỏi sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, mà còn phải dựa vào sự sáng tạo và đóng góp của quần chúng nhân dân. Hồ Chí Minh luôn khẳng định “quần chúng rất nhiều sáng kiến, họ hiểu biết rất mau, nhất là những cái thuộc về quyền lợi của họ”. Chính vì vậy, Người đã đề cao việc lắng nghe và huy động sự tham gia của nhân dân vào công việc lao động, sản xuất. Đây là một hình thức phát huy trí tuệ, sáng tạo và kinh nghiệm lao động của nhân dân, từ đó tạo ra các mô hình sản xuất mới, nâng cao hiệu quả lao động.

Ngoài việc tổ chức lao động khoa học, Hồ Chí Minh cũng đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Người cho rằng để phát huy sức lao động một cách hiệu quả, không thể chỉ dựa vào những yếu tố vật chất mà còn phải chú trọng đến đời sống tinh thần của người lao động. Môi trường làm việc phải an toàn, hợp lý và động viên được tinh thần làm việc hăng say, sáng tạo. Việc chăm sóc sức khỏe và đời sống của nhân dân, đặc biệt là người lao động, là yếu tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển lao động.

Lịch sử cách mạng Việt Nam chứng minh, mỗi khi biết khai thác nguồn lực vật chất của Nhân dân thì cán bộ, đảng viên có chỗ đứng vững, tổ chức cách mạng có chỗ dựa chắc, phong trào cách mạng có nguồn lực vô tận để đi đến thắng lợi. “Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn” [86, tr.270]. Bài học đó cho thấy sự đóng góp “sức dân”, “của dân” là động lực mạnh mẽ trên tất cả các khâu (con người, tổ chức, phong trào) của sự nghiệp cách mạng. Người Việt Nam hẳn không bao giờ quên ký ức kinh hoàng năm 1945, hậu quả của chế độ thực dân phong kiến đã dẫn đến cái chết của hai triệu đồng bào; dân tộc Việt Nam đứng trước tình cảnh ngàn cân treo sợi tóc với chồng chất những nguy cơ của “giặc đói”, “giặc dốt”, “giặc ngoại xâm”. Trong bối cảnh nguy cấp ấy, nhờ đánh giá đúng đắn sức dân, nguồn lực trong dân mà Người đã thành công trong việc huy động sức dân để cứu đói, xây dựng nền kinh tế kháng chiến. Trong phong trào cứu đói, Người đã kêu gọi “sẻ cơm nhường áo”, lập “hũ gạo kháng chiến” để huy động của cải, tài chính của dân để cứu đói, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta còn tổ chức “Ngày đồng tâm”, “Tuần đồng tâm”, “Tháng đồng tâm”, phong trào “Lá lành đùm lá rách”,... Với những lời lẽ đầy cảm động, thuyết phục, phù hợp với đạo lý và truyền thống dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm rung động con tim của hàng triệu con người Việt Nam tham gia với những hành động thiết thực nhất. Khi chính quyền vừa mới được thành lập, nền tài chính quốc gia khánh kiệt với 1,2 triệu đồng quá nửa tiền

rách nát kế thừa từ thực dân Pháp. Để chính quyền có thể hoạt động và phát huy vai trò tích cực của mình trong sự nghiệp kháng chiến kiến quốc thì phải nhanh chóng xây dựng tài chính độc lập. Trong bối cảnh ấy, Người đã viết thư thiết tha vận động đồng bào toàn quốc tích cực tham gia “Tuần lễ vàng” để góp phần củng cố nền độc lập. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với ý chí giữ vững chính quyền cách mạng, Nhân dân Việt Nam không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, người có nhiều đóng góp nhiều, người có ít đóng góp ít để giúp chính phủ giải quyết một phần khó khăn về tài chính. Kết quả là, Chính phủ đã nhận được 370 kg vàng, 20 triệu đồng cho quỹ độc lập và 40 triệu đồng cho “Quỹ Đảm phụ quốc phòng”.

Thực tế trên cho thấy, phát huy sức mạnh vật chất của nhân dân là một trong những yếu tố quan trọng để xây dựng một nền kinh tế vững mạnh, bền vững và tự chủ. Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang đối mặt với nhiều thách thức từ toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc khai thác tối đa nguồn lực từ nhân dân càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Để làm được điều này, cần có những chính sách đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích sáng tạo, khởi nghiệp và cải thiện đời sống Nhân dân; đồng thời, tạo ra một môi trường xã hội và kinh tế thuận lợi, giúp Nhân dân phát huy hết tiềm năng sáng tạo và cống hiến vào sự phát triển chung của đất nước. Sức mạnh vật chất của Nhân dân sẽ là một trong những yếu tố quyết định để Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển và thịnh vượng trong tương lai. Do đó, để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay cần phải khai thác và phát huy các nguồn lực vật chất trong dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của cách mạng trong bối cảnh mới.

Hai là, vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân.

Sức mạnh tinh thần của nhân dân không phải là một khái niệm trừu tượng mà là sự kết hợp giữa trí tuệ, niềm tin, ý chí, khát vọng và các giá trị tinh thần sâu sắc. Sức mạnh này thể hiện qua tài năng, trí tuệ, lòng yêu nước, tình

thần tự lực, tự cường, sự đồng lòng trong mọi công việc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đối với Hồ Chí Minh, sức mạnh tinh thần của nhân dân là một yếu tố vô cùng quan trọng trong việc tạo dựng một xã hội phát triển bền vững.

Khi đất nước gặp khó khăn, sức mạnh tinh thần của nhân dân chính là yếu tố quan trọng giúp vượt qua mọi thử thách. Chính tinh thần này đã giúp nhân dân Việt Nam vượt qua những gian khổ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, và trong việc tái thiết đất nước sau chiến tranh. Từ việc khôi phục nền kinh tế đến xây dựng các phong trào cách mạng, niềm tin vào thắng lợi cuối cùng đã trở thành động lực không thể thiếu trong hành trình cách mạng của dân tộc. Sức mạnh tinh thần của Nhân dân không chỉ nằm trong những hoàn cảnh khó khăn, mà còn là nền tảng để phát triển đất nước trong thời bình. Sức mạnh tinh thần này góp phần vào việc khai thác, phát huy nguồn lực vật chất, khơi dậy tiềm năng sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng cuộc sống, và quan trọng hơn hết là tạo dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Phát huy nguồn lực trí tuệ của Nhân dân. Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện ở việc chú trọng đến đời sống vật chất, quyền lợi của nhân dân mà còn ở cách Người nhìn nhận trí tuệ của nhân dân như một nguồn lực quan trọng trong mọi lĩnh vực. Hồ Chí Minh tin rằng nhân dân chính là chủ thể của cách mạng và xây dựng đất nước. Để thực hiện được khát vọng xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, và giàu mạnh, trí tuệ của nhân dân phải được khai thác và phát huy tối đa. Hồ Chí Minh không chỉ coi trí thức là một bộ phận quan trọng trong xã hội mà còn nhận thức rõ trí tuệ là nguồn sức mạnh vô cùng lớn. Người từng nói: “Dốt là một thứ giặc. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Người cho rằng, muốn phát triển kinh tế, xã hội cần phải huy động được trí tuệ của Nhân dân: “Quần chúng rất nhiều sáng kiến, họ hiểu biết rất mau, nhất là những cái thuộc về quyền lợi của họ” [87, tr.48]. Vì vậy, Chủ

tịch Hồ Chí Minh coi đó là vốn liếng quý báu của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, Nhân dân là những con người sáng tạo nhất, thông minh nhất; quần chúng nhân dân có thể giải quyết được mọi khó khăn. Vì thế, nhiều lần Người nhắc nhở: Có những việc rất đơn giản, cán bộ, đảng viên nghĩ mãi không ra nhưng quần chúng nhân dân lại có cách giải quyết rất đơn giản, đầy đủ và hiệu quả. “Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra” [84, tr.335].

Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy hiệu quả nguồn lực trí tuệ của Nhân dân cần đặc biệt chú trọng đến sự sáng tạo của quần chúng nhân dân. Nguồn lực trí tuệ của nhân dân không chỉ được thể hiện qua lực lượng trí thức, mà còn trong khả năng sáng tạo và khả năng giải quyết các vấn đề cụ thể của người dân trong mọi lĩnh vực. Chính từ nhân dân, với những trải nghiệm sống thực tế, sẽ nảy sinh những sáng kiến và giải pháp mới mẻ, giúp giải quyết các vấn đề trong sản xuất, kinh tế và xã hội. Vì vậy, việc huy động trí tuệ của nhân dân chính là một trong những yếu tố tạo nên sự khác biệt trong việc giải quyết các vấn đề quốc gia. Từ thực tế lịch sử, Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, quần chúng nhân dân là nguồn động lực lớn cho sự phát triển của đất nước. Những sáng kiến của nhân dân không chỉ được thể hiện trong các phong trào lao động sản xuất mà còn trong các công tác bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ các giá trị văn hóa dân tộc, và xây dựng các mô hình phát triển cộng đồng. Từ đó, phát huy trí tuệ của nhân dân không chỉ là một yêu cầu đối với tầng lớp trí thức mà còn là nhiệm vụ của toàn thể xã hội. Để phát huy trí tuệ của nhân dân, Hồ Chí Minh khuyến khích các phong trào quần chúng, các hoạt động tự nguyện và sáng tạo trong cộng đồng. Người coi sự đóng góp của quần chúng như là một kho tàng quý báu và luôn khuyến khích mỗi cá nhân, mỗi tập thể mạnh dạn chia sẻ ý tưởng, sáng kiến và cùng nhau phát triển. Hồ Chí Minh cũng đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các phong trào thi đua yêu nước

trong mọi lĩnh vực, coi đó là dịp để nhân dân thể hiện và phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi giáo dục là một trong những yếu tố quyết định để phát huy trí tuệ của nhân dân. Trong suốt quá trình lãnh đạo, Người đã đặc biệt chú trọng đến công tác giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Hồ Chí Minh cho rằng việc phát triển trí tuệ không chỉ là nâng cao kiến thức cho một bộ phận trí thức mà còn là trách nhiệm của cả xã hội trong việc nâng cao nhận thức và hiểu biết của mọi người dân. Người nhận thấy rằng nền giáo dục phải được xây dựng trên cơ sở phát huy truyền thống dân tộc, kế thừa tinh hoa văn hóa của nhân dân, nhưng cũng phải kết hợp với việc tiếp thu những thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng mỗi người dân phải được trang bị đủ kiến thức để có thể làm chủ cuộc sống, có khả năng giải quyết những vấn đề cụ thể trong công việc và trong đời sống hằng ngày. Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, giáo dục phải gắn liền với thực tiễn cuộc sống, với nhu cầu phát triển của đất nước và xã hội. Việc học không chỉ để nhận lấy tri thức mà còn để cống hiến cho xã hội, giúp đỡ cộng đồng và làm cho đất nước ngày càng mạnh mẽ, phồn vinh. Chính vì vậy, một trong những phương châm giáo dục mà Hồ Chí Minh đề ra là “học đi đôi với hành”. Người khuyến khích mỗi người dân, đặc biệt là giới trẻ, phải phát huy tư duy sáng tạo, khả năng học hỏi và thực hành trong mọi lĩnh vực.

Tạo dựng, củng cố niềm tin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, “thân dân” thể hiện rõ nhất ở mối quan hệ gần gũi, mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Người luôn nhấn mạnh: “Đảng phải lấy dân làm gốc”, bởi chính dân là lực lượng duy trì, phát huy và bảo vệ chính quyền cách mạng. Không chỉ vậy, tư tưởng này còn chỉ rõ rằng, Đảng và Nhà nước phải thực sự gần gũi, hiểu biết và chăm lo đời sống của Nhân dân để từ đó phát huy sức mạnh tinh thần vô hạn của họ.

Hồ Chí Minh luôn coi trọng việc lắng nghe ý kiến của Nhân dân, không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo để đáp ứng nguyện vọng, lợi ích của Nhân dân. Trong suốt sự nghiệp cách mạng, Người không ngừng khẳng định vai trò chủ thể của Nhân dân trong mọi thắng lợi của cách mạng. Tư tưởng “thân dân” vì thế không chỉ là lý thuyết mà trở thành kim chỉ nam cho hành động của Đảng và Nhà nước.

Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng xây dựng đất nước độc lập, phồn vinh.

Yêu nước là một trong những yếu tố tạo nên sức mạnh tinh thần mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, luôn coi lòng yêu nước là nguồn động lực lớn lao. Người đã khơi dậy, nuôi dưỡng và phát huy sức mạnh yêu nước trong mỗi người dân Việt Nam, từ những người dân lao động bình thường đến các chiến sĩ cách mạng, từ các tầng lớp trí thức đến lãnh đạo. Yêu nước không chỉ thể hiện qua lòng tự hào dân tộc, mà còn thể hiện ở sự quyết tâm đấu tranh vì quyền sống, quyền làm chủ của người dân. Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và trong giai đoạn đổi mới đất nước, tinh thần yêu nước của nhân dân đã không ngừng được phát huy mạnh mẽ. Người dân Việt Nam luôn kiên trì, bất khuất đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, đồng thời luôn nỗ lực sáng tạo, xây dựng đất nước vững mạnh.

Hồ Chí Minh khẳng định, muốn đất nước mạnh, dân tộc phát triển, thì mỗi cá nhân, mỗi tổ chức đều phải có ý thức tự giác, đoàn kết và hành động vì lợi ích chung. Tinh thần yêu nước của Nhân dân không chỉ là lòng nhiệt huyết trong các cuộc kháng chiến mà còn thể hiện trong công cuộc đổi mới, phát triển đất nước hiện nay. Việc vận dụng tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập tự do vào các công cuộc phát triển kinh tế, xã hội sẽ tạo ra sức mạnh vô cùng lớn lao, giúp đất nước vượt qua mọi khó khăn, thách thức.

Cùng với lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực tự cường là yếu tố căn cốt trong sức mạnh tinh thần của Nhân dân. Hồ Chí Minh luôn tâm niệm, một

dân tộc muốn độc lập và phát triển phải có ý chí tự lực, tự cường, không thể phụ thuộc vào ngoại lực. Để phát huy sức mạnh tinh thần này, cần phải tạo ra một môi trường xã hội thúc đẩy người dân có niềm tin vào khả năng tự thân của mình. Sức mạnh của ý chí tự lực, tự cường, tinh thần dân tộc nếu được nhân lên trong giai đoạn hiện nay, sẽ giúp thực lực quốc gia Việt Nam mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực: *Về chính trị*, ý chí tự lực, tự cường, giúp toàn dân xây dựng khối đại đoàn kết để phát triển đất nước; sẵn sàng đương đầu mọi khó khăn, thách thức cả bên trong lẫn bên ngoài.; *Về kinh tế*, phát huy ý chí tự lực, tự cường, là phấn đấu phát triển kinh tế vì lợi ích cộng đồng, quốc gia; thúc đẩy nền sản xuất trong nước phát triển.; *Về văn hóa*, đó là bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; là sống nghĩa tình với nhau, xứng với hai chữ “đồng bào”; tiếp thu một cách chủ động và lành mạnh các giá trị văn hóa của nhân loại,...; *Về đối ngoại*, phát huy ý chí tự lực, tự cường, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế... Trong Báo cáo tổng kết 30 năm đổi mới, Đảng ta đã chỉ rõ: “Hơn bao giờ hết, phải phát huy cao độ lòng yêu nước, ý thức tự hào, tự tôn dân tộc, nêu cao ý chí và bản lĩnh dân tộc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, đoàn kết toàn Đảng, toàn dân vì sự phát triển đất nước” [31; tr 22].

Sự sáng tạo và khát vọng vươn lên là một trong những yếu tố quan trọng để phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân. Hồ Chí Minh luôn khuyến khích Nhân dân sáng tạo trong mọi lĩnh vực, từ lao động sản xuất đến khoa học, công nghệ và văn hóa. Người đã nhấn mạnh rằng “mỗi người dân là một nguồn lực, và khi họ sáng tạo, họ sẽ trở thành những chủ nhân của sự nghiệp phát triển đất nước.” Tinh thần sáng tạo này đã được thể hiện rõ trong nhiều phong trào lớn của đất nước, đặc biệt là trong các chiến dịch sản xuất và cải cách trong thời kỳ xây dựng đất nước. Sự sáng tạo trong khoa học kỹ thuật, trong lao động sản xuất, trong các công trình cải cách đã giúp Nhân dân vượt qua khó khăn, xây dựng một nền kinh tế ngày càng vững mạnh. Hơn nữa, trong bối cảnh toàn cầu

hóa hiện nay, tinh thần sáng tạo và khát vọng vươn lên của nhân dân càng trở nên quan trọng, giúp Việt Nam hội nhập thành công vào nền kinh tế thế giới.

Ba là, vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là động viên đến mức cao nhất sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần của tất cả các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, mọi giới, mọi lứa tuổi, người trong Đảng và người ngoài Đảng, đồng bào trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài để xây dựng và phát triển đất nước. Đại đoàn kết toàn dân tộc được coi là động lực chủ yếu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, sức mạnh của Nhân dân được nâng lên khi được quy tụ, tổ chức, có sự lãnh đạo thống nhất, sự nỗ lực của mỗi thành viên hướng vào cùng một mục tiêu.

Muốn có sức mạnh để làm cách mạng thành công thì phải tập hợp được tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp được để xây dựng khối đại đoàn kết bền vững. Hồ Chí Minh đã nhận thức được vị trí và vai trò của việc phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc đối với sự nghiệp cách mạng. Người nói: Muốn làm cách mạng thì phải có lực lượng cách mạng, muốn có lực lượng cách mạng thì phải thực hiện đoàn kết. “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công” [87, tr.392]. Hồ Chí Minh cho rằng: “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi” [87, tr.22]. Muốn cách mạng được thành công, dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do hạnh phúc, cần phải giác ngộ tổ chức nhân dân đoàn kết thành một khối thống nhất.

Từ thực tiễn Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát thành chân lý: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công*”. Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Truyền thống đó được hun đúc, hình thành và phát triển bởi tinh thần yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ của dân tộc ta trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, chiến thắng mọi thiên tai, địch họa, để

xây dựng nên Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu mạnh. Thực hiện đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng nước ta. Đảng ta khẳng định, mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải phản ánh được nguyện vọng, quyền lợi của đại đa số dân chúng để có thể tập hợp, đoàn kết mọi lực lượng cho cách mạng. Ngay từ khi Đảng ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập trung xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất để quy tụ mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tùy từng giai đoạn cách mạng, Đảng ta đã xây dựng các tổ chức: Hội Phản đế đồng minh (năm 1930); Mặt trận Dân chủ (năm 1936); Mặt trận Nhân dân phản đế (năm 1939); Mặt trận Việt Minh (năm 1941);... Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đảng chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình nếu biết tập hợp, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân trong Mặt trận Dân tộc thống nhất rộng rãi chống kẻ thù chung và xây dựng đất nước” [91, tr.672]. Để hoàn thành một nhiệm vụ “khó khăn hơn nhiều” so với trước, tất yếu phải có sức mạnh lớn hơn trước, nghĩa là sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay khó khăn hơn trước bội phần và đòi hỏi phải phát huy tối đa sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Trong đấu tranh giải phóng dân tộc, chống ngoại xâm thì “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Độc lập, tự do là giá trị cao nhất; là mục tiêu chung tạo nên cơ sở khách quan thuận lợi cho đại đoàn kết dân tộc, nhờ đó mà toàn thể dân tộc Việt Nam sẵn sàng thực hiện Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” [85, tr.587]. Vì vậy, “muôn kháng chiến lâu dài để tới thắng lợi cuối cùng, cần phải động viên hết thảy mọi lực lượng mới mong đi tới thắng lợi cuối cùng” [83, tr.96]. Sau khi đã đuổi được ngoại xâm, sức mạnh của ý chí đấu tranh cho độc lập, tự do được chuyển thành sức mạnh của ý chí xây dựng xã hội mới, cuộc sống mới, thì vấn đề đại đoàn kết dân tộc lại phải xác định được mục tiêu mới, nội dung mới và động lực mới làm nền tảng để quy tụ sức mạnh toàn dân tộc.

Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh

của khối đại đoàn kết toàn dân tộc mang tính tất yếu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã cho thấy, khi đất nước đứng trước tình thế hiểm nghèo, hoàn cảnh gian lao, thử thách mang tính bước ngoặt, “nếu biết khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, phát huy sức mạnh vĩ đại của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, thì con thuyền cách mạng Việt Nam sẽ vượt qua mọi thác ghềnh, phong ba bão táp, để cập bến bờ vinh quang” [126, tr.17]. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc là chủ trương xuyên suốt, thống nhất của Đảng ta, được thể hiện trực tiếp trong nội dung nhiều văn kiện, nghị quyết, quyết định, chỉ thị qua các thời kỳ cách mạng. Đến nay, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được củng cố vững chắc, tạo nên sức mạnh tổng hợp của đất nước, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Trong giai đoạn mới, Đảng ta xác định: “*Động lực và nguồn lực phát triển quan trọng của đất nước* là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” [32, tr.34].

“Mẫu số chung” quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay là nhằm hướng tới độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cái đứng trên tất cả các giai cấp, tầng lớp, gia đình, cá nhân... là nền độc lập, tự do của Tổ quốc gắn chặt với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giải quyết một cách hài hoà quan hệ giữa nước ta với các nước theo tinh thần tôn trọng độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, các bên cùng có lợi, “không gây thù oán với một ai”, như Bác Hồ chỉ rõ. Tất cả phải vì sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mục tiêu chung của đại đoàn kết hiện nay là, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mục tiêu đó phản ánh lợi ích, nguyện vọng chung của toàn thể dân

tộc Việt Nam, đồng thời cũng thể hiện sự thừa nhận và tôn trọng mục tiêu riêng, lợi ích riêng của các giai cấp, các tầng lớp, các thành phần kinh tế và nói chung là của mọi người dân. Do đó, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của Nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là yêu cầu thiết thực đang đặt ra hiện nay. Trên tinh thần đó, Nghị quyết mà Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Trong những năm tới, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải đoàn kết một lòng; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy; có quyết tâm chính trị cao; dự báo chính xác, kịp thời diễn biến của tình hình; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống; nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; không ngừng gia tăng tiềm lực mọi mặt của quốc gia, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và những thành quả phát triển đã đạt được; đưa đất nước vững bước tiến lên, phát triển nhanh và bền vững” [80, tr.109].

Tóm lại, tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm khoa học, được khái quát và được chứng minh bằng thực tiễn, soi sáng cho con đường cách mạng nước ta vượt qua mọi gian nan thử thách để đi tới thắng lợi vẻ vang. Tư tưởng ấy, ý chí ấy, khát vọng ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh hơn bao giờ hết cần được khơi dậy trong tư tưởng, tình cảm, tinh thần ý chí nghị lực mỗi người cán bộ, đảng viên, Nhân dân Việt Nam, tạo thành sức mạnh vô song xây dựng đất nước hùng cường, giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc trên toàn thế giới trong thời đại văn minh, hiện đại.

2.2.2. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay

2.2.2.1. Bối cảnh thực tiễn và yêu cầu của công cuộc đổi mới

Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã trải qua một cuộc chuyển mình mạnh mẽ về mọi mặt, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội... Việc chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã tạo ra một môi trường phát triển mới, thúc đẩy sự năng động và sáng tạo của các tầng lớp nhân dân. Các thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế như tốc độ tăng trưởng cao, giảm nghèo bền vững, và hội nhập quốc tế sâu rộng đã khẳng định vai trò quan trọng của Nhân dân trong công cuộc đổi mới. Tuy nhiên, trong bối cảnh này, việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân cũng phải đổi mới với nhiều thay đổi quan trọng trong bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước.

Thứ nhất, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã tạo ra những tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Hội nhập quốc tế mở ra những cơ hội lớn về phát triển, nhưng đồng thời cũng mang lại không ít thách thức. Cạnh tranh quốc tế trở nên khốc liệt hơn bao giờ hết, đặc biệt trong các lĩnh vực như thương mại, công nghệ, và thu hút đầu tư. Điều này đòi hỏi Việt Nam không chỉ cần đẩy mạnh phát triển kinh tế mà còn phải giữ vững bản sắc văn hóa và sự ổn định xã hội. Một trong những vấn đề quan trọng hiện nay là tình trạng phân hóa giàu nghèo gia tăng. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, những người có điều kiện tiếp cận với các cơ hội phát triển sẽ càng trở nên giàu có, trong khi một bộ phận dân cư ở vùng sâu, vùng xa lại chưa có cơ hội để vươn lên.

Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến việc xây dựng một xã hội công bằng, đoàn kết và gắn bó. Hồ Chí Minh quan niệm, Nhân dân là chủ thể của sự nghiệp cách mạng, và chính nhân dân là lực lượng quyết định

sự thành công của cách mạng. Vì vậy, trong bối cảnh hiện nay, việc vận dụng tư tưởng này đòi hỏi phải điều chỉnh các chính sách sao cho phù hợp với yêu cầu bảo đảm công bằng xã hội, giảm thiểu sự phân hóa giàu nghèo, đồng thời khơi dậy sức mạnh quần chúng trong việc giải quyết những vấn đề cấp bách của đất nước, như tạo việc làm cho người lao động, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và nâng cao chất lượng giáo dục...

Thứ hai, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông trong thời đại hiện nay đã làm thay đổi cách thức tổ chức và vận hành xã hội. Trước đây, việc tiếp cận thông tin chủ yếu được kiểm soát thông qua các cơ quan chính trị và hệ thống truyền thông của Nhà nước. Tuy nhiên, sự bùng nổ của Internet, các mạng xã hội, và các phương tiện truyền thông toàn cầu đã mở ra những kênh thông tin mới và thay đổi mạnh mẽ cách thức quần chúng tham gia vào các vấn đề xã hội. Quá trình này không chỉ thay đổi phương thức truyền tải thông tin mà còn tạo ra những hình thức tổ chức quần chúng mới. Các phong trào xã hội, các chiến dịch cộng đồng, hay các cuộc vận động bảo vệ quyền lợi người dân giờ đây không chỉ diễn ra trong phạm vi các tổ chức chính trị truyền thống mà còn thông qua mạng xã hội, các diễn đàn trực tuyến, và các nền tảng số.

Điều này đã tạo ra một làn sóng mạnh mẽ trong việc người dân tham gia vào các vấn đề xã hội. Sức mạnh của quần chúng nhân dân không chỉ thể hiện qua những phong trào chính trị truyền thống mà còn qua những sáng kiến và hoạt động trên nền tảng số. Đây là một cơ hội để phát huy tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh trong việc khuyến khích quần chúng tham gia vào quá trình xây dựng đất nước, thể hiện tiếng nói và quyết định những vấn đề quan trọng của xã hội.

Thứ ba, yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Thực tế hiện nay cho thấy, Nhà nước ngày càng coi trọng vai trò của Nhân dân trong việc tham gia vào các quyết định về phát triển kinh tế, xã hội, và các vấn đề quan trọng khác. Các cơ chế dân chủ, phản biện xã hội,

và các phong trào thi đua yêu nước ngày càng được chú trọng. Việc mở rộng các kênh tham gia của quần chúng nhân dân không chỉ tạo ra sự đồng thuận xã hội mà còn giúp nâng cao chất lượng các quyết định chính trị, bởi vì các chính sách được xây dựng từ sự tham gia của nhân dân thường có tính khả thi và hiệu quả hơn.

Một trong những thành tựu nổi bật của công cuộc đổi mới là việc nâng cao chất lượng sống của người dân, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, nhà ở và công bằng xã hội. Chính sách chú trọng bảo vệ và phát huy quyền lợi của Nhân dân đã giúp cho các tầng lớp Nhân dân cảm thấy an tâm, tin tưởng vào chính quyền. Đồng thời, việc thực hiện các chính sách bảo vệ quyền lợi của người dân trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, và nhà ở đã góp phần xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng và phát triển.

Như vậy, trong bối cảnh đổi mới hiện nay, tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị to lớn. Tuy nhiên, vận dụng để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân một cách hiệu quả, cần phải linh hoạt và sáng tạo, đồng thời phải điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của bối cảnh thời đại. Tư tưởng “thân dân” không chỉ là sự gần gũi về khoảng cách địa lý, cũng không chỉ về mặt tình cảm đơn thuần, mà còn là sự hợp tác thực chất giữa Nhà nước và Nhân dân trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việc áp dụng tư tưởng này trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi phải tăng cường sự tham gia của Nhân dân vào các hoạt động chính trị, đồng thời phát huy sức mạnh của các tổ chức xã hội và các phong trào quần chúng trong việc giải quyết các vấn đề quan trọng của đất nước.

2.2.2.2. Tính tích cực, chủ động, linh hoạt của các chủ thể

Trong toàn bộ di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng “thân dân” là một điểm nhấn có tính nền tảng, thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược và phương pháp tiếp cận cách mạng dựa trên vai trò trung tâm của quần chúng nhân dân. Người không chỉ đề cập đến vị trí tối thượng của Nhân dân trong kết

cầu quyền lực nhà nước, mà còn xác lập mối quan hệ máu thịt giữa người lãnh đạo và quần chúng như điều kiện tiên quyết cho thành công của sự nghiệp cách mạng. Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay, việc vận dụng tư tưởng “thân dân” không thể tách rời khỏi tính tích cực, chủ động và linh hoạt của các chủ thể trong hệ thống chính trị - xã hội. Chính mức độ chủ động của những chủ thể này quyết định hiệu quả của việc hiện thực hóa tư tưởng “thân dân” trong thực tiễn phát triển đất nước.

Tính tích cực của các chủ thể là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay. Tính tích cực của các chủ thể là ý thức chủ động, tự giác, là sự kiên trì, là sự xác định đúng đắn mục đích, động cơ, thái độ đúng đắn nhằm làm chuyển biến vị trí của các chủ thể từ thụ động sang chủ động, từ đối tượng tiếp nhận sang chủ thể tìm kiếm, sáng tạo. Những chủ thể chủ yếu ảnh hưởng đến việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước; các tổ chức chính trị - xã hội; đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn hệ thống chính trị và bản thân quần chúng nhân dân.

Là lực lượng lãnh đạo toàn diện xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò then chốt trong việc định hướng vận dụng tư tưởng “thân dân”. Sự tích cực của Đảng thể hiện ở việc không ngừng đổi mới tư duy lãnh đạo, xây dựng phong cách gần dân, sát dân và vì dân trong toàn bộ hệ thống chính trị. Trong điều kiện mới, điều đó đòi hỏi Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, phát huy dân chủ trong nội bộ và nâng cao năng lực lãnh đạo bằng các giải pháp chính trị phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân. Việc Đảng chủ động tiếp thu phản hồi từ thực tiễn, lắng nghe ý kiến từ cơ sở và tích cực điều chỉnh các định hướng chính sách theo yêu cầu cuộc sống là biểu hiện rõ nét nhất của tư tưởng “thân dân” trong vận hành. Chính năng lực phản

biện nội tại và cam kết hành động vì dân của Đảng sẽ quyết định mức độ hiệu quả của việc phát huy sức mạnh nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong thể chế hóa các giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh thành các chính sách và chương trình hành động cụ thể. Tính tích cực và linh hoạt của Nhà nước thể hiện ở khả năng thiết kế chính sách công theo nguyên tắc lấy dân làm trung tâm, đảm bảo sự tham gia thực chất của người dân trong toàn bộ chu trình chính sách - từ hoạch định, thực thi đến giám sát. Để thực hiện tư tưởng “thân dân”, Nhà nước cần chủ động đổi mới quản trị theo hướng “chính phủ phục vụ”, lấy hiệu quả phục vụ nhân dân làm thước đo năng lực điều hành. Điều này đòi hỏi phải cải cách hành chính mạnh mẽ, số hóa dịch vụ công, tăng cường minh bạch thông tin, đồng thời mở rộng các kênh đối thoại với người dân một cách thực chất và thường xuyên.

Các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ... là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Tính tích cực của các tổ chức này thể hiện ở năng lực vận động quần chúng, phát hiện và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân tới các cấp lãnh đạo. Trong điều kiện hiện nay, đòi hỏi các tổ chức chính trị - xã hội không chỉ làm công tác tuyên truyền mà còn phải đổi mới phương thức hoạt động theo hướng tham gia trực tiếp vào phản biện chính sách, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên và chủ động kiến tạo các mô hình tự quản, tự phát triển ở cơ sở. Sự chủ động, linh hoạt trong đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động sẽ nâng cao vai trò dẫn dắt, qua đó làm phong phú và sâu sắc thêm tư tưởng “thân dân” trong thực tế cuộc sống.

Không thể hiện thực hóa tư tưởng “thân dân” nếu thiếu đi đội ngũ cán bộ, đảng viên tận tụy, gắn bó với dân, thấu hiểu dân và hành động vì dân. Tính tích cực ở đây thể hiện ở việc rèn luyện đạo đức công vụ, phong cách công tác gần dân, lắng nghe dân, giải quyết bức xúc chính đáng của nhân dân bằng tinh thần trách nhiệm cao nhất. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa, yêu cầu đặt ra cho cán bộ, đảng viên là phải chuyển từ “quản lý hành chính” sang “phục vụ công dân”, từ tư duy mệnh lệnh sang đối thoại và đồng hành. Việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ chính là biểu hiện cụ thể, sinh động nhất của tư tưởng “thân dân” trong thực hành chính trị hiện nay.

Ở trung tâm của quá trình vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay chính là quần chúng nhân dân. Đảng ta, trong suốt quá trình xây dựng, trưởng thành và lãnh đạo cách mạng, luôn quán triệt quan điểm quần chúng nhân dân là người làm nên lịch sử; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân; dân là gốc của nước, là cơ sở của mọi thắng lợi, là lực lượng tạo ra mọi của cải vật chất, tinh thần. Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng tỏ Nhân dân có sức mạnh vĩ đại trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc cũng như trong chiến lược phát triển đất nước. Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh cũng như khát vọng phát triển đất nước của toàn thể Nhân dân thì đây sẽ là động lực và nguồn lực to lớn cho sự phát triển đất nước. Chính vì vậy, Đại hội XIII của Đảng đã “Đề cao vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước” [32, tr.51]. Khi mỗi người dân nhận thức và ý thức rõ về vị trí, vai trò và thể hiện trong hành vi, trong hoạt động của mình, chủ động thực hiện nó, thì đó là những chủ thể quan trọng trong vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy được sức mạnh của chính họ.

Có thể nói, quá trình vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam phụ thuộc vào nhận thức, sự chủ động, tích cực và sự phối hợp nhịp nhàng của các chủ thể trên. Có như vậy, chiến lược vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay mới có thể đạt được thành tựu, phục vụ cho mục tiêu phát triển đất nước hùng cường.

2.2.2.3. Phương thức, cách làm của các chủ thể

Thứ nhất, thông qua việc hoạch định, ban hành, thực thi các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Đường lối là khoa học và nghệ thuật lãnh đạo của Đảng, nó xác định những mục tiêu, phương hướng và những giải pháp cơ bản của cách mạng trong những giai đoạn nhất định. Đường lối chính là cơ sở chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng, là ngọn cờ tập hợp, đoàn kết Nhân dân xung quanh Đảng. Đường lối là cơ sở để định ra các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước thông qua phương thức hoạch định, ban hành, thực thi các chủ trương, đường lối, chính sách là nhân tố có tác động mạnh mẽ đến vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay. Do vậy, một mặt, đường lối, chính sách phải đúng đắn, khoa học, phản ánh được quy luật phát triển khách quan của xã hội. Mặt khác phải hợp với lợi ích, nguyện vọng của Nhân dân.

Việc tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước vừa thể hiện khả năng lãnh đạo, hiện thực hoá đường lối của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước vừa phản ánh được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân.

Thứ hai, thông qua hệ thống giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Con người là bộ phận của xã hội, tri thức của con người được nâng cao thì xã hội mới phát triển. Chính vì vậy, giáo dục đóng vai trò rất quan trọng, có tác động to lớn để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong phát triển đất nước hiện nay. Chủ thể đóng vai trò chỉ đạo, định hướng giáo dục là Đảng, Nhà nước, các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương; chủ thể đối tượng giáo dục là quần chúng nhân dân. Giáo dục tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân phải được quán triệt trong

cả ba môi trường: gia đình, nhà trường và xã hội, trong đó giáo dục trong gia đình và nhà trường chiếm vị trí đặc biệt quan trọng. Việc giáo dục tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh giúp con người nhận thấy rõ giá trị và ý nghĩa cuộc sống mang tính nhân văn, nhân ái, nhân bản sâu sắc. Trên cơ sở đó, con người lựa chọn hệ giá trị và hình thành niềm tin, lý tưởng đạo đức, định hướng cho mọi suy nghĩ và hành động của mình, củng cố và phát triển những giá trị nhân cách tốt đẹp, do đó phát huy được sức mạnh của các cá nhân trong công cuộc xây dựng đất nước.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò quan trọng của chiến lược “vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”, coi giáo dục, đào tạo là chiến lược hàng đầu nhằm phát huy nguồn lực con người trong sự nghiệp đổi mới. Người khẳng định: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức. Cần phải học văn hóa, chính trị, kỹ thuật. Cần phải học lý luận Mác - Lênin kết hợp với đấu tranh và công tác hàng ngày” [92, tr.90], “Người có học mới có tiến bộ. Càng học càng tiến bộ” [84, tr.335].

Với quan điểm "Vô luận việc gì, đều do người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả", Hồ Chí Minh rất chú trọng đến những giải pháp về giáo dục nhằm tạo tiền đề cho chiến lược phát huy nhân tố con người. Con người xã hội chủ nghĩa có thể được hoàn thiện trước một bước so với hoàn cảnh kinh tế - xã hội, nhưng phải có điều kiện. Một trong những điều kiện đó là phải coi trọng vai trò của giáo dục và đào tạo. Về mục tiêu của chiến lược giáo dục và đào tạo, Hồ Chí Minh nói: “Ta xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc” [94, tr.665]. Mục tiêu đó nhằm “đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt. Những người kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng to lớn của Đảng và Nhân dân ta”; “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại. Muốn đạt mục đích, thì phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư” [85, tr.208]. Muốn đạt được mục tiêu chiến lược thì nội dung, phương pháp giáo dục phải toàn diện... Hồ Chí Minh coi việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên

cần phải được quan tâm đến trước hết trong sự nghiệp trồng người bởi vì “cán bộ là gốc của công việc”. Người quan tâm thường xuyên đến giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, người chủ tương lai của nước nhà. Hồ Chí Minh nói: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... Thanh niên muốn làm người chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải ra làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó” [84, tr.216].

Thứ ba, thông qua hệ thống thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Thông tin, tuyên truyền là đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt mục đích đó, là thông tin, tuyên truyền thất bại”. Thông tin, tuyên truyền là một trong những bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng, có nhiệm vụ phổ biến, truyền bá hệ tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến quần chúng nhân dân. Thông tin, tuyên truyền gắn liền với cổ động, nên thông tin, tuyên truyền còn là sự cổ vũ, động viên, thúc đẩy quần chúng hăng hái tham gia các phong trào, biến nhận thức, niềm tin thành nhiệt huyết của quảng đại quần chúng, thành hành động cách mạng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác thông tin, tuyên truyền, Đảng ta luôn quan tâm thường xuyên đến việc đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm thu hút, tập hợp các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng tham gia vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thông tin, tuyên truyền sẽ góp phần để nâng cao nhận thức của Nhân dân, từ đó khơi dậy ý thức tự nguyện, tự giác, chủ động, sáng tạo trong tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta hiện nay, vv...

Để đạt được hiệu quả cao thì công tác thông tin, tuyên truyền, vận động quần chúng phải được tiến hành một cách thường xuyên, lâu dài, kiên trì bền bỉ, phải thông qua những nội dung cụ thể, thiết thực, sát hợp với thực tế, vừa toàn diện, vừa trọng tâm, trọng điểm với hình thức hấp dẫn, phong phú, có sức

thuyết phục, phù hợp với từng đối tượng. Tránh cách làm qua loa, chiếu lệ, hình thức... phải thực sự góp phần vào giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn, thực hiện có hiệu quả những mục tiêu.

Công tác thông tin, tuyên truyền phải được tiến hành bằng nhiều hình thức cụ thể sát thực thông qua các cơ quan báo, đài, các phương thức cổ động trực quan bằng pano, appich, hội nghị, hội thảo, hệ thống truyền thanh của xã, phường, thị trấn; bằng việc tổ chức hội thao, liên hoan văn nghệ và các hình thức sinh hoạt văn hóa khác, vv...

Thứ tư, thông qua việc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Hiện nay, đất nước ta bước vào giai đoạn đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước có nhiều thời cơ, thuận lợi mới, song cũng đối diện với không ít khó khăn, thách thức. Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội vẫn ráo riết không từ bỏ ý đồ chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng; lợi dụng sự phát triển của internet và các trang mạng xã hội để có những hoạt động tinh vi, xảo quyệt hơn nhằm xóa bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì vậy, để tăng cường, nâng cao hiệu quả của công tác này, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và cả hệ thống chính trị cần nhận diện rõ và đấu tranh phản bác những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động.

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, các thế lực thù địch lợi dụng không gian mạng, mạng xã hội (Facebook, tiktok, zalo, telegram,...) để tuyên truyền xuyên tạc đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, họ phủ nhận nền tảng tư tưởng của Đảng; bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Họ lợi dụng tình hình dư luận xã hội đang bức xúc về những tệ tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên, cán bộ công chức, viên chức, trong đó có cả cán bộ

cấp chiến lược, rồi quy chụp mọi khuyết điểm, sai lầm, tiêu cực trong chủ trương, đường lối đổi mới cán bộ và công tác cán bộ của Đảng.

Hơn thế nữa, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội tuyên truyền xuyên tạc Cương lĩnh, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò quản lý của Nhà nước của chính quyền các cấp, với những thủ đoạn rất tinh vi, xảo quyệt. Triệt để tấn công vào nội bộ ta một cách toàn diện cả về tổ chức, con người và nhu cầu của đời sống xã hội như tín ngưỡng, tôn giáo; lợi dụng một số vụ việc phức tạp, nhạy cảm, sai phạm, khuyết điểm của một số cán bộ, đảng viên để kích động, chia rẽ nội bộ, bôi nhọ lãnh đạo cấp cao. Nếu cán bộ, đảng viên không có bản lĩnh chính trị vững vàng sẽ rất dễ bị tác động dẫn tới hoang mang, dao động, không phân biệt được đúng - sai, thiếu tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thậm chí có hành động trái với Cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đây chính là những mầm mống bên trong rất nguy hiểm, đe dọa đến nền tảng tư tưởng của Đảng.

Âm mưu, thủ đoạn và phương thức chống phá của các phân tử cơ hội âm thầm và lâu dài nhưng tác hại thực sự rất khó lường; Chúng đòi xóa bỏ nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, nhất là là nguyên tắc tập trung dân chủ; vu cáo Đảng cầm quyền chiếm quyền của dân, vi phạm dân chủ, nhân quyền, “độc đoán, đảng trị”; đối lập Đảng với Nhà nước và đối lập Đảng, Nhà nước với Nhân dân... Cùng với đó, các thế lực thù địch còn lôi kéo, kích động một bộ phận người dân và cả một số cán bộ hoặc lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo vào các mục đích sai trái, bất hợp pháp, gây ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... Đây cũng chính là những vấn đề cần được nhận diện đầy đủ để có biện pháp, phương hướng xử lý, đấu tranh phù hợp, hiệu quả.

Thứ năm, thông qua việc nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Thấu hiểu sâu sắc rằng “cán bộ là gốc của mọi công việc” và “các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [80, tr.284], cho nên ngay từ khi chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã yêu cầu người cách mạng phải rèn luyện và nêu gương đạo đức theo các chuẩn mực: “Tự mình phải: Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cẩn thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham muốn về vật chất. Bí mật. Đối với người phải: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trục mà không táo bạo. Hay xem xét người. Làm việc phải: Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể” [81, tr.280-281]. Điều đó có nghĩa là, để có thể cổ vũ, tập hợp được lực lượng, vận động được quần chúng tham gia cách mạng, mỗi cán bộ, đảng viên nhất định phải có đạo đức cách mạng và thực hiện nêu gương bằng hành động, thống nhất giữa nói và làm.

Để Nhân dân tin vào Đảng thì mỗi cán bộ, đảng viên phải có đạo đức cách mạng, vì “người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [84, tr.292]. Hơn nữa, “đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong” [90, tr.612], do đó cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng. Cụ thể, mỗi người “tự mình phải” hằng ngày khiêm tốn học hỏi, nỗ lực trau dồi tri thức chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ và đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, để “khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước... Khi cần, thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình cũng không tiếc” [90, tr.602]; “đối với người” phải luôn chân thành yêu thương, luôn giúp đỡ đồng chí, đồng bào, khoan dung, độ lượng để quy tụ và đoàn kết mọi người trong từng tổ chức, tạo

sự thống nhất trong tư tưởng và hành động; khi “làm việc phải” tận tâm, tận lực theo nguyên tắc “dĩ công vi thượng”, “chí công vô tư”, gương mẫu đi đầu “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”.

Cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong các cơ quan, đơn vị, địa phương cần phải thực hiện nêu gương bằng hành động, thống nhất giữa nói và làm, vì: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn Nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước... Muốn làm cách mạng, phải cải cách tính nết mình trước tiên” [85, tr.16]. Để xứng đáng với vị thế vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân, mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu gương bằng hành động cụ thể trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, không được nói một đằng làm một nẻo, hứa mà không làm. Hơn nữa, cũng theo Người, “lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới” [94, tr.672], cho nên sự nêu gương, thống nhất giữa nói đi đôi với làm trong mọi mặt công tác và cuộc sống đời thường của mỗi cán bộ, đảng viên là nguyên tắc trước hết cần phải nghiêm túc thực hiện.

Nêu gương và noi gương có mối quan hệ chặt chẽ, bởi noi theo, làm theo những tấm gương tốt để cả xã hội cùng đổi mới và phát triển tốt đẹp là góp phần làm cho ý nghĩa những gương điển hình ấy lớn lao hơn, sức lan tỏa rộng lớn hơn. Do đó, sự nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên không chỉ góp phần làm đẹp hơn những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc được hình thành và bồi đắp qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước mà còn trở thành những hạt giống tốt, là những điển hình mực thước trong rèn luyện đạo đức cách mạng để mọi người cùng phấn đấu, học tập. Mang giá trị và ý nghĩa lớn lao, sự nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên, sự lan tỏa “hữu xạ tự nhiên hương” của những tấm gương điển hình tiên tiến nảy sinh trong thực tiễn sẽ lan tỏa, góp phần truyền tải giá trị tinh thần cao quý trong cộng đồng.

Tiểu kết chương 2

Thực chất của tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là gần dân, chăm lo tới hạnh phúc của dân, tin cậy ở khả năng và sức sáng tạo của dân, giải phóng Nhân dân khỏi ách nô lệ để thực hiện mục tiêu lịch sử là: đưa Nhân dân trở thành người chủ thực sự trong xã hội, xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Chương 2 của luận án trình bày ba nội dung nổi bật sau:

Thứ nhất, khái quát cơ sở hình thành tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh; quan điểm của Hồ Chí Minh về dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cách mạng nước ta; phân tích những nội dung cơ bản trong tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh.

Thứ hai, làm rõ các khái niệm liên quan đến sức mạnh và sức mạnh của quần chúng nhân dân Việt Nam, phát huy sức mạnh và phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân Việt Nam hiện nay; trên cơ sở đó phân tích, làm rõ nội dung vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay thể hiện trên một số phương diện chủ yếu.

Thứ ba, làm rõ những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

Những nội dung được phân tích làm rõ trong chương 2 sẽ là khung lý thuyết và là những căn cứ quan trọng giúp nghiên cứu sinh phân tích thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THÀNH TỰU VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1.1. Thành tựu vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay

3.1.1.1. Thành tựu trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy các nguồn lực vật chất trong dân

Vận dụng tư tưởng “thân dân” để phát huy các nguồn lực vật chất trong dân chính là thực hiện nội dung “đảm bảo dân sinh” - một trong ba trụ cột của tư tưởng Hồ Chí Minh bên cạnh “dân quyền” và “dân trí”. “Dân sinh” không đơn thuần là chăm lo đời sống vật chất của nhân dân, mà còn là quá trình khơi dậy tiềm năng, khát vọng làm giàu, cống hiến cho đất nước từ mỗi người dân. Đây là sự vận động nội tại mang tính nhân văn và biện chứng: khi người dân được tin tưởng, tôn trọng và tạo điều kiện phát triển, họ sẽ chủ động tham gia vào công cuộc kiến thiết quốc gia, đóng góp tài lực, vật lực và trí lực một cách tự nguyện và hiệu quả. Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Người, trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, chúng ta luôn đặc biệt chú trọng đến việc phát huy “sức dân, của dân” để xây dựng một nền kinh tế phát triển hùng cường và một xã hội phồn thịnh. Chính vì vậy, việc vận dụng tư tưởng “thân dân” trong phát huy các nguồn lực vật chất của Nhân dân đã tạo nên nhiều bước tiến vượt bậc của đất nước qua gần 40 năm đổi mới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra một quan điểm sâu sắc về việc khai thác và phát huy các nguồn lực trong dân, đặc biệt là nguồn lực vật chất. Đảng và Nhà nước ta đã kế thừa và vận dụng những quan điểm này, đưa chúng vào thực tiễn thông qua các văn bản chính trị quan trọng, như Hiến pháp, *Cương*

lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (sửa đổi, bổ sung năm 2011). Những chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, 5 năm và kế hoạch hàng năm đều dựa trên nền tảng này, nhằm phát triển đất nước một cách bền vững. Chính sách và chế độ phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, xã hội của đất nước đều hướng tới một mục tiêu chung: xây dựng một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. Tư tưởng “thân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là lời kêu gọi, mà còn là kim chỉ nam dẫn dắt mọi bước đi trong công cuộc phát triển quốc gia, khẳng định sự gắn bó mật thiết giữa dân tộc và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi bước vào xây dựng đất nước, Đảng ta đã vận dụng tư tưởng “thân dân” để đưa ra các chính sách phát triển kinh tế gắn liền với quyền lợi và sự tham gia của Nhân dân. Những chương trình xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ nông dân, phát triển cơ sở hạ tầng và giáo dục đã tạo môi trường thuận lợi để người dân phát huy tiềm năng lao động, tham gia tích cực vào sản xuất, cải thiện chất lượng cuộc sống. Các chính sách như tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển công nghiệp,... cũng đã giúp tạo ra nguồn lực vật chất mạnh mẽ từ chính người dân. Một thành tựu quan trọng trong việc tăng cường sức mạnh vật chất của Nhân dân là các *phong trào thi đua yêu nước* được tổ chức và phát động rộng rãi trong toàn xã hội. Các phong trào như “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi”, “Thanh niên xung kích xây dựng đất nước” đã khơi dậy tinh thần lao động sáng tạo và cống hiến của mọi tầng lớp nhân dân.

Các tổ chức chính trị - xã hội, như Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động, Hội Phụ nữ, đã đóng vai trò quan trọng trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” để phát huy sức mạnh vật chất của Nhân dân. Các tổ chức này không chỉ tham gia vào công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, mà còn trực tiếp hỗ trợ nhân dân thông qua các chương trình hỗ trợ vốn vay, đào tạo nghề, tạo việc làm và bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cùng với các đoàn thể, đã phát động nhiều phong trào giúp đỡ các gia đình nghèo, gia đình chính sách, và nhân dân các vùng sâu, vùng xa, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân.

Cán bộ, đảng viên đóng vai trò then chốt trong việc triển khai và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Họ là những người trực tiếp gắn bó với nhân dân, giúp nhân dân giải quyết những vấn đề trong sản xuất, đời sống, cũng như bảo vệ quyền lợi của họ. Tư tưởng “thân dân” đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải thực sự gần gũi và làm gương mẫu trong mọi công việc, tạo niềm tin và động lực cho nhân dân. Đảng và Nhà nước cũng không ngừng cải cách hành chính, tăng cường các biện pháp tạo thuận lợi cho người dân phát triển kinh tế, từ đó tạo ra sự đồng thuận và sức mạnh vật chất chung cho toàn xã hội.

Sự tham gia chủ động của người dân vào các phong trào thi đua, sản xuất và bảo vệ Tổ quốc là một trong những yếu tố quan trọng giúp phát huy sức mạnh vật chất của Nhân dân. Người dân đã chứng minh tinh thần lao động cần cù, sáng tạo và ý chí tự lực tự cường trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Nhiều nông dân đã trở thành những “doanh nhân nông thôn” thành đạt nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng quy mô kinh doanh. Các tầng lớp Nhân dân trong cả nước đều nỗ lực vươn lên, đồng hành cùng sự phát triển của đất nước, tạo ra một cộng đồng mạnh mẽ, tự tin vào tương lai.

Tính tích cực, chủ động của các chủ thể đã tạo ra một phong trào phát huy sức mạnh vật chất của Nhân dân mạnh mẽ và bền vững. Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ cán bộ, đảng viên đã luôn sát cánh cùng Nhân dân, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, củng cố nền tảng vững chắc cho sự nghiệp đổi mới đất nước. Tư tưởng “thân dân” không chỉ là một nguyên lý chính trị mà còn là chìa khóa để mở rộng sức mạnh vật chất của nhân dân trong công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng phát triển, thịnh vượng và hạnh phúc.

Trong công cuộc đổi mới, việc vận dụng tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh để phát huy các nguồn lực vật chất trong Nhân dân, thể hiện cụ thể thông qua phát huy nguồn lực của cải và tài chính trong Nhân dân, phát huy nguồn lực sức lao động của Nhân dân đã đạt được những thành tựu nhất định.

Một là, về phát huy nguồn lực của cải và tài chính trong Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, “Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều bình đẳng về

quyền lợi và nghĩa vụ” [89, tr.310-311]. Tiềm năng nguồn lực của cải, tài chính trong dân là rất nhiều; dựa vào dân, huy động sức dân là chiếc chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi khó khăn. Từ khi Đảng và Chính phủ thực hiện các chính sách khuyến khích sự tham gia của nhân dân vào quá trình phát triển kinh tế, tiềm năng nguồn lực tài chính trong nhân dân đã được khai thác mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Hồ Chí Minh luôn coi trọng sự đóng góp của nhân dân, từ những người lao động bình thường cho đến các tầng lớp khác trong xã hội. Theo tư tưởng của Người, không có nguồn lực nào quý giá hơn nguồn lực của nhân dân, bởi chính nhân dân là lực lượng tạo ra của cải vật chất và văn hóa cho xã hội.

Trong thời gian qua, Chính phủ Việt Nam đã chủ động đổi mới cơ chế chính sách để phát huy tiềm năng này. Một trong những điểm mấu chốt là sự chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, đồng thời không ngừng nỗ lực nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, bao gồm cả các doanh nghiệp tư nhân, các hợp tác xã và các cá nhân, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Các chính sách khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, hay các dự án phát triển cơ sở hạ tầng đã thu hút được nguồn lực tài chính rất lớn từ nhân dân.

Một trong những thành tựu đáng chú ý trong việc phát huy nguồn lực tài chính của Nhân dân là chương trình xây dựng nông thôn mới những năm qua. Mặc dù ngân sách Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai chương trình này, nhưng sự đóng góp của nhân dân lại là yếu tố quyết định sự thành công. Theo số liệu, năm 2022, cả nước huy động được khoảng 621.324 tỷ đồng từ các nguồn lực để đầu tư thực hiện Chương trình Nông thôn mới, tăng 1,3 lần so với năm 2021. Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước chiếm khoảng 127 nghìn tỷ đồng, vốn từ doanh nghiệp đạt trên 35,5 nghìn tỷ đồng, và đặc biệt, người dân tự nguyện đóng góp gần 22 nghìn tỷ đồng [142]... Sự đóng góp này không chỉ thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự chung tay của nhân dân

mà còn là minh chứng cho việc huy động hiệu quả nguồn lực tài chính từ mọi thành phần trong xã hội.

Ngoài việc khuyến khích đóng góp tài chính trực tiếp, các chính sách của Đảng và Nhà nước còn tập trung vào việc cải thiện môi trường pháp lý và chính sách để bảo vệ quyền lợi của người dân khi tham gia đóng góp¹. Hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện, tạo ra những cơ chế minh bạch và công bằng trong việc sử dụng nguồn lực tài chính của nhân dân, đồng thời bảo vệ quyền lợi của các đối tượng tham gia đầu tư vào các dự án phát triển. Các chính sách bảo vệ tài sản và quyền lợi của người dân, bao gồm các quy định về sở hữu đất đai, bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp và cá nhân, đã tạo ra một môi trường đầu tư an toàn và hấp dẫn.

Bên cạnh đó, một yếu tố quan trọng khác trong việc phát huy nguồn lực tài chính của Nhân dân là sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức tín dụng, ngân hàng, và các công cụ tài chính². Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng đã tạo điều kiện cho các nguồn lực tài

¹ Chính sách bảo vệ quyền lợi của người dân trong các hoạt động đầu tư, tài trợ và từ thiện: Luật *Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng* (2010) và các quy định liên quan đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý giúp bảo vệ người dân tham gia vào các hoạt động đóng góp, đầu tư. Người dân có thể an tâm khi tham gia các hoạt động tài trợ, từ thiện hoặc đóng góp tài chính, vì họ có quyền khiếu nại, yêu cầu bồi thường nếu quyền lợi của mình bị xâm phạm; Các quy định về minh bạch tài chính trong các tổ chức phi lợi nhuận, như các tổ chức từ thiện và quỹ xã hội, được quy định rõ trong các văn bản như Nghị định số 93/2019/NĐ-CP về quản lý và sử dụng tài trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Chính sách này giúp bảo đảm rằng nguồn tài chính từ người dân được sử dụng đúng mục đích, minh bạch và có kiểm soát.

Chính sách thuế và khuyến khích đầu tư của người dân: Chính phủ Việt Nam đã đưa ra các chính sách thuế ưu đãi đối với các doanh nghiệp và cá nhân tham gia đóng góp vào các quỹ phát triển cộng đồng, hay tài trợ cho các chương trình an sinh xã hội. Ví dụ, theo Nghị quyết 27/NQ-CP, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp tham gia các chương trình tài trợ phát triển, hỗ trợ các hoạt động xã hội và y tế, đồng thời giảm thuế cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ này.

² Sự phát triển của hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng: Hệ thống ngân hàng Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ trong những năm qua, với sự tăng trưởng cả về số lượng và quy mô. Các ngân hàng thương mại lớn như Vietcombank, VietinBank, BIDV, và Techcombank đã không chỉ cung cấp dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp mà còn phục vụ tốt nhu cầu tài chính cá nhân của người dân. Các ngân hàng này cung cấp các khoản vay tiêu dùng, vay mua nhà, vay học phí, vay kinh doanh nhỏ lẻ... qua đó kích thích sự tham gia của người dân vào các hoạt động tài chính.

Mở rộng dịch vụ tài chính và ngân hàng số: Chính phủ và các ngân hàng đã đẩy mạnh việc phát triển ngân hàng số và dịch vụ tài chính trực tuyến, giúp người dân dễ dàng tham gia vào các hoạt động tài chính mà không gặp phải rào cản về địa lý hoặc thời gian. Ví dụ, các ứng dụng ngân hàng như Vietcombank, VIB, MBBank, Agribank cung cấp các dịch vụ tiết kiệm, chuyển tiền, vay tín chấp, đầu tư cổ phiếu trực tuyến, tạo cơ hội cho người dân và các doanh nghiệp nhỏ có thể tiếp cận với các công cụ tài chính hiện đại một cách thuận tiện. Các công cụ tài chính trực tuyến, từ tài khoản tiết kiệm, quỹ đầu tư đến chứng khoán, đã giúp người dân không chỉ gửi tiền tiết kiệm mà còn tham gia vào các kênh đầu tư sinh lợi. Điều này thể hiện rõ sự phát triển của hệ thống ngân hàng và các công cụ tài chính, giúp huy động và phát huy nguồn lực tài chính lớn từ Nhân dân.

chính từ các cá nhân, tổ chức đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Chế độ chính sách tín dụng linh hoạt, giúp các doanh nghiệp và người dân tiếp cận được nguồn vốn dễ dàng hơn, đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế.

Một điểm đặc biệt trong việc phát huy nguồn lực tài chính từ Nhân dân là sự khuyến khích và phát triển phong trào tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiết kiệm và sử dụng đồng tiền một cách hợp lý, hiệu quả. Những phong trào tiết kiệm đã được phát động trong Nhân dân từ nhiều năm qua, không chỉ giúp tăng cường nguồn vốn cho các dự án phát triển mà còn giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc sử dụng tài chính cá nhân hợp lý.

Trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh quốc tế gay gắt, việc phát huy tối đa nguồn lực tài chính từ Nhân dân là một yếu tố quyết định để thúc đẩy sự phát triển bền vững. Việc phát triển các chính sách tài chính, cải thiện môi trường đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tài chính hoạt động đã và đang giúp Nhân dân trở thành một trong những lực lượng quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát huy nguồn lực của cải và tài chính trong Nhân dân đã được thể hiện rõ nét trong các chính sách và phong trào phát triển kinh tế của đất nước. Việc chuyển đổi mô hình kinh tế, cải cách chính sách tài chính, và sự tham gia tích cực của Nhân dân trong các chương trình phát triển như Chương trình Nông thôn mới là minh chứng rõ ràng nhất cho sự thành công trong việc huy động và phát huy nguồn lực tài chính. Hướng tới tương lai, việc phát huy tối đa nguồn lực tài chính từ nhân dân sẽ tiếp tục là yếu tố quyết định để thúc đẩy sự phát triển bền vững, nâng cao đời sống cho Nhân dân và góp phần xây dựng một đất nước ngày càng phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Hai là, về phát huy nguồn lực sức lao động.

Phát huy sức dân là phát huy sức lao động trong Nhân dân. Đó là những hành động cụ thể của Nhân dân tham gia lao động để sáng tạo, để xây dựng xã hội mới. Lao động tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Quy mô

nguồn nhân lực có quan hệ mật thiết với quy mô dân số Việt Nam. Dân số Việt Nam hàng năm bổ sung vào nguồn nhân lực con người, phục vụ cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Điểm khởi đầu của thời kỳ đổi mới, năm 1986 tổng dân số nước ta đạt 59.872 nghìn người, đến năm 1996 tăng lên 73.156,7 nghìn người, mười năm tiếp theo 2006 tổng dân số cả nước đạt 83.311,2 nghìn người và hiện nay là khoảng 90.728 nghìn người. Trong đó, lực lượng lao động tăng tỷ lệ thuận với dân số, từ 27.398 nghìn lao động (năm 1986) lên 35.792 nghìn (năm 1996), năm 2006 là 46.238,7 nghìn và theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến tháng 6/2024, nguồn lao động của Việt Nam ngày càng tăng cùng với sự gia tăng của dân số. Tính chung sáu tháng đầu năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 52,5 triệu người, tăng 196,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý II/2024 là 28,1%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung sáu tháng đầu năm 2024, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 28%, tăng 1,4 điểm phần trăm, điều này cho thấy chất lượng nguồn lao động đang dần được nâng cao. Quy mô dân số cả nước ước đạt 97,58 triệu người, trong đó, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên khoảng 54,6 triệu người, chiếm gần 65% so với quy mô dân số cả nước. Trung bình mỗi năm có khoảng 500 nghìn người gia nhập lực lượng lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng 49% (năm 2014), nay là 67% (6 tháng đầu năm 2022). Trong giai đoạn 2016 - 2020, HDI của cả nước và hầu hết 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều tăng qua các năm. HDI của cả nước tăng từ 0,682 năm 2016 lên 0,687 năm 2017; 0,693 năm 2018; 0,703 năm 2019 và 0,706 năm 2020. Theo đó, Việt Nam từ Nhóm các quốc gia, vùng lãnh thổ có HDI trung bình năm 2018 và những năm trước đó đã gia nhập nhóm đạt mức cao trong năm 2019 và năm 2020. Trình độ học vấn của nhân lực Việt Nam liên tục được cải thiện qua từng năm. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đã tăng hơn gấp 2 lần sau khoảng 20 năm, từ 10,3% (năm 2000) lên 22,8% (năm 2019). Giai đoạn 2009 - 2019, trình độ học vấn của nguồn nhân lực Việt Nam đã được nâng cao; phân bổ lực lượng lao động theo trình độ học vấn tăng mạnh

ở các nhóm trình độ cao và giảm mạnh ở các nhóm trình độ thấp. Không chỉ trình độ học vấn được nâng cao, trình độ chuyên môn kỹ thuật của nguồn nhân lực Việt Nam cũng không ngừng được cải thiện. Tỷ lệ dân số có chuyên môn kỹ thuật đã tăng lên đáng kể so với năm 2007, tăng 6,3 điểm phần trăm, từ 17,7% (năm 2007) lên 24% (quý II/2020). Tỷ lệ dân số có trình độ đại học trở lên tăng mạnh nhất, từ 4,9% (năm 2007) lên 11,1% (quý II/2020) [115].

Chất lượng nguồn lao động được nâng cao đã giúp năng suất lao động cũng tăng lên hàng năm. Theo Tổng cục Thống kê: Tính theo giá hiện hành, năng suất lao động của Việt Nam năm 2016 đạt 84,4 triệu đồng/lao động (tương đương khoảng 7.398 USD) và đến năm 2021 đạt 171,3 triệu đồng/lao động, tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2016. Năm 2019, năng suất lao động Việt Nam đạt 110,5 triệu đồng/lao động (tương đương 4.792 USD). Lao động Việt Nam đang có xu hướng chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, góp phần vào gia tăng năng suất lao động. Mặc dù, gia tăng năng suất lao động của Việt Nam chủ yếu là gia tăng năng suất nội ngành, song sự chuyển dịch lao động cũng đóng góp khoảng 1/3 gia tăng năng suất lao động tổng thể của nền kinh tế. So với các quốc gia trong khu vực ASEAN, thời gian qua, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng năng suất lao động cao. Tính chung giai đoạn 2011 - 2019, năng suất lao động theo sức mua tương đương năm 2017 (PPP 2017) của Việt Nam tăng trung bình 5,1%/năm, cao hơn so với mức tăng bình quân của Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippines hay Indonesia [140].

Có thể nói, qua gần 40 năm đổi mới việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh trong phát huy nguồn lực vật chất trong dân góp phần khai thác, khơi dậy và phát huy các nguồn lực vật chất to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là cội nguồn của những thành tựu, góp phần động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy nguồn lực vật chất của Nhân dân không chỉ là một trong những yếu tố cốt lõi trong xây dựng và phát triển đất nước mà còn là phương thức hiệu quả để

giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội. Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng Nhân dân là lực lượng quyết định mọi thành công của cách mạng và phát triển, đồng thời là chủ thể chính trong việc tạo ra của cải vật chất và văn hóa cho xã hội. Việc huy động và phát huy nguồn lực vật chất của Nhân dân, từ tài chính, sức lao động cho đến trí tuệ, đã chứng tỏ tầm quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Những thành công đạt được trong các chương trình lớn như xây dựng nông thôn mới, phát triển cơ sở hạ tầng, và cải thiện đời sống Nhân dân chính là minh chứng cho hiệu quả của việc vận dụng tư tưởng “thân dân” trong công tác phát huy nguồn lực vật chất. Để tiếp tục phát huy sức mạnh của nguồn lực này, cần phải cải thiện môi trường chính sách, phát triển hệ thống pháp lý vững mạnh, đồng thời khuyến khích tinh thần đoàn kết và sáng tạo của Nhân dân trong việc đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

3.1.1.2. Thành tựu trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân

Lịch sử dân tộc đã minh chứng rất rõ vai trò quan trọng ở sức mạnh tinh thần có được từ nguồn lực trong Nhân dân. Sau khi thống nhất đất nước, cả nước quá độ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, sức mạnh tinh thần của Nhân dân ngày càng được củng cố và phát huy cho công cuộc Đổi mới. Đảng và Nhân dân ta tiến hành công cuộc đổi mới trong suốt chặng đường gần 40 năm qua đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [125, tr.34]. Từ một đất nước nghèo nàn, có cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp, đến nay, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình. Văn hoá, xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố. Tình hình chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh, độc lập, chủ quyền được giữ vững. Vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Đặc biệt, trong năm 2020, dù gặp phải rất nhiều khó khăn do

tình hình COVID-19, nhưng Việt Nam vẫn thực hiện thành công nhiệm vụ “kép” đầy ấn tượng trong phòng chống đại dịch và phát triển kinh tế. Việt Nam là một trong ít quốc gia duy trì tăng trưởng dương trên thế giới với tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 đạt 2,91% [32, tr.24].

Những thành tựu trong vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân ở nước ta hiện nay thể hiện ở những điểm cụ thể sau:

Một là, chú trọng nâng cao dân trí, phát huy nguồn lực trí tuệ của Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định, cách mạng cần phải có người tài, vì vậy, trong tư tưởng và hoạt động, Người chú trọng tìm kiếm nhân tài. Sau cách mạng tháng Tám, thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Người đã chú trọng tìm người tài đức phục vụ cho đất nước, cho cách mạng. Chính hoạt động này cùng với quan điểm về sử dụng người tài đúng đắn đã đem lại cho cách mạng Việt Nam đội ngũ cán bộ “vàng”, góp phần làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam trước những kẻ thù hùng mạnh. Phát huy truyền thống, kế thừa những giá trị nhân văn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, chương trình quốc gia, đầu tư cơ sở vật chất thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, thể hiện sự quan tâm sâu sắc và đánh giá cao vai trò của trí thức, của khoa học công nghệ, coi đây là nguồn lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước đưa kinh tế tri thức giữ vai trò chủ đạo trong tỷ trọng tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân. Qua 40 năm đổi mới, việc huy động, khai thác, phát huy “dân trí” được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt theo hai hướng: nâng cao trình độ của Nhân dân và tạo cơ chế để Nhân dân tham gia đóng góp trí tuệ thuận lợi, hiệu quả. Giáo dục và đào tạo được xem là quốc sách hàng đầu, được đầu tư phát triển về số lượng và luôn tìm tòi nâng cao chất lượng.

Đại hội X của Đảng khẳng định: “Xúc tiến xây dựng một số trường đại học của Việt Nam đạt đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài cho đất nước” [25, tr.207], “Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao... Thu hút chuyên gia, đặc biệt là chuyên gia giỏi người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia giảng dạy, phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam” [25, tr.12]; “Thực sự tôn vinh các doanh nhân có tài và thành đạt, đóng góp nhiều cho xã hội” [25, tr.32]. Đại hội XI tiếp tục chỉ đạo: “Muốn tạo nên một tập thể vững mạnh, phải xây dựng từng con người, quan tâm phát hiện và bồi dưỡng nhân tài”, “Có chính sách trọng dụng trí thức, đặc biệt đối với nhân tài của đất nước”, “Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích, sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ”, “Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức” [28, tr.232]. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác nhân sự trong thời kỳ mới, đặc biệt thu hút và trọng dụng nhân tài: “có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài của đất nước”; “Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến” [30, tr.161].

Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra quan điểm chỉ đạo yêu cầu toàn Đảng, toàn quân, toàn dân phải quán triệt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn về công tác trọng dụng nhân tài: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước [32, tr.231].

Luật Cán bộ, Công chức cũng nêu rõ: “Nhà nước có chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng”. Điều này chứng tỏ, Đảng và Nhà nước ta kịp thời nhận thức đầy đủ về vai trò của người hiền tài và có cách thức sử dụng nhân tài hợp lý nhằm phát huy cao nhất mọi nguồn lực sáng tạo của Nhân dân vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng của đất nước. Bên cạnh đó, những sinh viên xuất sắc, cán bộ có năng lực... đều được Chính phủ trợ cấp chi phí sinh hoạt và học tập ở nước ngoài để sau khi được đào tạo xong sẽ quay trở về phục vụ đất nước. Các trường học được đầu tư xây dựng ở vùng sâu, xa, biên giới và hải đảo, tạo điều kiện cho trẻ em ở đó có cơ hội học tập, các chính sách miễn giảm học phí cho các em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, quỹ học bổng dành cho các em học sinh có thành tích cao trong học tập cũng được xây dựng và duy trì. Thêm vào đó, Đảng và Nhà nước ta đã áp dụng các hình thức phát hiện, thu hút nhân tài phù hợp với từng lĩnh vực và điều kiện của mỗi tổ chức, cơ quan, đơn vị. Không chỉ phát hiện những nhân tài đã lộ rõ, mà quan trọng là phải nghiên cứu, xây dựng chính sách thích hợp để thu hút được những nhân tài tiềm năng. Song song với đó, để thu hút và trọng dụng nhân tài, Nhà nước đã có nhiều chính sách về tôn vinh và chính sách khuyến khích vật chất, đồng thời tạo lập môi trường, điều kiện làm việc, trong đó có cả điều kiện cơ sở vật chất và cơ chế dân chủ cho cống hiến, sáng tạo, đồng thời có chiến lược thu hút nhân tài là người Việt Nam ở nước ngoài về nước,...

Những chủ trương, chính sách về trọng dụng nhân tài đã thể hiện sự nhận thức đầy đủ vai trò của nhân tài đối với sự nghiệp của đất nước và đưa đường lối vào hiện thực. Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, thu hút, sử dụng và trọng dụng nhân tài thiết thực trên mọi lĩnh vực cuộc sống đã thu hút được nhiều nhân tài, có những đóng góp tích cực cho sự phát triển nước nhà.

Hai là, thành tựu vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để tạo dựng, củng cố niềm tin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định, cách mạng thành công là do quần chúng tin theo Đảng, mà quần chúng tin theo sự lãnh đạo của Đảng là vì: Đảng quan tâm đến quyền lợi của quần chúng, Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của quần chúng nhân dân, đi theo đường lối quần chúng. Nếu Đảng, Nhà nước xa rời quần chúng Nhân dân thì sẽ cách mạng tất yếu sẽ thất bại.

Quan triệt quan điểm của Hồ Chí Minh, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới hiện nay Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm chăm lo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, luôn đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc, nhân dân lên trên hết, trước hết, mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; luôn coi trọng việc lắng nghe, nắm bắt tình hình và giải quyết nguyện vọng, kiến nghị hợp pháp, chính đáng, vấn đề bức xúc của nhân dân. Với nguyên tắc: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng, các cơ chế dân chủ, như đối thoại trực tiếp giữa người dân và lãnh đạo, các cuộc trưng cầu dân ý, phản biện xã hội... ngày càng được đẩy mạnh, tăng cường, theo đó, người dân không chỉ là đối tượng thực thi các chính sách mà còn phát huy trí tuệ tập thể tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình hoạch định chủ trương, chính sách để bảo đảm các chủ trương, chính sách do Đảng, Nhà nước ban hành thực sự hợp ý Đảng, lòng dân, được triển khai thực hiện một cách hiệu quả phục vụ mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vì lợi ích chung của đất nước, nhân dân. Chế độ phản biện xã hội từng bước được cải tiến và phát huy mạnh mẽ trong các cuộc thảo luận công khai về các vấn đề quốc gia bảo đảm tạo điều kiện tối đa cho nhân dân phát huy trí tuệ nhằm đề xuất giải pháp góp phần giải quyết hiệu quả các các vấn đề quan trọng của xã hội; cơ chế bảo đảm cho nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát đối với mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước, của toàn hệ thống chính trị các cấp cũng không ngừng được hoàn thiện... Những điều này không chỉ tăng cường tính dân chủ, công khai trong chính trị mà còn giúp tăng cường lòng tin của Nhân

dân vào Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện, tiền đề cũng như trở thành sức mạnh và động lực quan trọng để đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách hiện thực hóa thành công những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trong bối cảnh mới.

Ba là, thành tựu vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, sức sáng tạo và khát vọng vươn lên xây dựng đất nước độc lập, phồn vinh của Nhân dân.

Trong phát huy sức mạnh tinh thần của quần chúng nhân dân, tinh thần yêu nước đã trở thành động cơ để gắn kết mọi người dân Việt Nam. Yêu nước đồng nghĩa với yêu đồng bào và cao hơn chính là trân trọng truyền thống lịch sử cách mạng, gắn bó và bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng; trung thành với sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì thế, cần thấm nhuần sâu sắc và chú trọng xây dựng lòng yêu nước, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước; đồng thời, chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách... theo tinh thần các văn kiện Đại hội của Đảng, nhất là văn kiện Đại hội của Đảng trong hơn 30 năm đổi mới, hội nhập quốc tế và tiếp tục được thể hiện trong Nghị quyết 33-NQ/TW về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Thực tế cho thấy, từ trong các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, rộng khắp ở mọi cấp, mọi ngành, khắp các địa phương trong cả nước đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu của các tầng lớp Nhân dân, trong đó có các đoàn viên, thanh niên, các sinh viên thủ khoa, các doanh nhân giỏi, các chiến sĩ thi đua... trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Cùng với đó, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước cho Nhân dân, đổi mới và đa dạng hóa các phong trào thi đua yêu nước với nhiều hình thức, nội dung phong phú trên tất cả các lĩnh vực của đời sống: Lao động, sản xuất, học tập, chiến đấu, phụng sự Tổ quốc và Nhân dân, để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nòng cốt là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

và tầng lớp trí thức. Tiếp tục bồi đắp tinh thần yêu nước và nâng cao giác ngộ chính trị của Nhân dân, làm cho Nhân dân tuyệt đối tin tưởng ở vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, để mỗi người thực hành tinh thần yêu nước đúng với tư tưởng Hồ Chí Minh; để càng khó khăn, thử thách, lòng yêu nước, tinh thần yêu nước của mỗi người càng cần phải được đặt đúng chỗ, được phát huy mà không bị hoang mang, dao động, không để kẻ xấu và các thế lực thù địch lợi dụng vào các hoạt động biểu tình, tung tin xấu độc trên mạng xã hội...

Cùng với đó, việc phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân đã trở thành yếu tố then chốt trong việc khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, sự sáng tạo và khát vọng vươn lên của người dân Việt Nam. Điều này đã thể hiện rõ qua sự trưởng thành của các phong trào cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội và củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố vật chất và tinh thần đã tạo ra sức mạnh tổng hợp, giúp dân tộc vượt qua khó khăn, thử thách, đồng thời thúc đẩy quá trình phát triển vững mạnh, thịnh vượng.

Một thành tựu nổi bật trong việc phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân chính là sự phát triển mạnh mẽ của các phong trào thi đua yêu nước. Các phong trào thi đua đã không chỉ giúp khơi dậy lòng tự hào dân tộc, mà còn tạo động lực để Nhân dân cống hiến sức lực, trí tuệ vào các lĩnh vực sản xuất và xã hội. Chính sách thi đua yêu nước đã khuyến khích tinh thần tự lực tự cường, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, ngành. Đặc biệt, trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, chính tinh thần bất khuất và kiên cường của Nhân dân đã tạo nên sức mạnh vô song, giúp đất nước giành độc lập và tự do.

Ngoài ra, với chính sách đổi mới giáo dục đã giúp hàng triệu học sinh, sinh viên tiếp cận với tri thức mới, khuyến khích sự sáng tạo và tư duy độc lập. Mô hình giáo dục toàn diện không chỉ trang bị kiến thức mà còn phát huy các giá trị nhân văn, tạo động lực cho khát vọng vươn lên trong mọi lĩnh vực. Nhờ

đó, Việt Nam đã từng bước vươn lên trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, y tế và môi trường.

Sự sáng tạo và khát vọng vươn lên của Nhân dân cũng được thể hiện qua các chiến lược phát triển kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn đổi mới. Việt Nam đã chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ hội cho người dân phát huy khả năng sáng tạo, khởi nghiệp và làm giàu chính đáng. Các doanh nghiệp tư nhân, hộ sản xuất gia đình đóng góp không nhỏ vào nền kinh tế quốc dân.

Tinh thần vượt khó trong cuộc sống cũng là một thành tựu quan trọng. Chính sách hỗ trợ người nghèo và xóa đói giảm nghèo bền vững đã giúp cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, từ đó tạo động lực cho họ vươn lên. Tinh thần yêu nước và đoàn kết tương thân tương ái ngày càng được phát huy mạnh mẽ, giúp Nhân dân tiếp tục củng cố sức mạnh chung trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phát huy sức mạnh tinh thần, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc thực hiện tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự thống nhất trong tư tưởng, tình cảm, ý chí, hành động của toàn Đảng, toàn dân ta. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, niềm tin và ý chí đồng lòng của toàn dân là nhân tố quan trọng nhất, có tính quyết định để đạt tới mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Càng đi sâu vào công cuộc đổi mới, hội nhập với thế giới, càng đối mặt với nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp, nảy sinh, thì sự hội tụ “ý Đảng, lòng Dân” và tấm gương về ý chí, khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh lại càng thể hiện rõ ánh sáng chỉ đường, củng cố niềm tin tạo nên sức mạnh vững chắc cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn. Phát huy sức mạnh tinh thần đã tạo ra những bước tiến vững chắc trong công cuộc xây dựng đất nước, giúp Việt Nam vượt qua mọi thử thách và phát triển thành một quốc gia mạnh mẽ, thịnh vượng, công bằng và văn minh. Sự kết hợp giữa các yếu tố vật chất và tinh thần không chỉ là nền tảng phát triển bền vững mà còn là động lực thúc đẩy Nhân dân tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp phát triển đất nước.

3.1.1.3. Thành tựu trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Kế thừa và vận dụng sáng tạo, linh hoạt tư tưởng “thân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương, đường lối thực hiện đại đoàn kết phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ ở từng thời điểm, giai đoạn đặt ra. Trong các kỳ Đại hội, Đảng đều khẳng định: Đoàn kết là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh to lớn của mọi thắng lợi, phải có những chủ trương, biện pháp đúng, trúng để giữ vững, củng cố và phát triển đoàn kết thành hành động hữu ích cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh của đoàn kết toàn dân đã được Đảng cụ thể hoá, thể chế hoá thành những nghị quyết, chỉ thị, kết luận sát hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện của mỗi vùng, miền gắn với quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các giai cấp, giai tầng xã hội.

Tại Đại hội VI (12/1986), Đảng đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc” xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động”. Tại Đại hội VII, Đảng đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước, trong đó nhấn mạnh 2 bài học kinh nghiệm về đoàn kết dân tộc: (1) Sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân...(2) Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Bước sang thế kỷ XXI, trước những thách thức của công cuộc đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng tiếp tục giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, coi đó là đường lối chiến lược, là động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng chủ trương: “Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu,

mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài...” [23, tr.123].

Đến Đại hội XI (01/2011) chỉ rõ: Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân...”. Tại Đại hội XII (01/2016), Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu trong giai đoạn cách mạng hiện nay là phải “tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc” và tiếp tục xác định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo” [30, tr.158]. Đây vừa là mục tiêu, vừa là đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội Việt Nam, là kết quả của một quá trình nhận thức và thẩm nhuần sâu sắc tư tưởng “thân dân” Hồ Chí Minh - kế thừa những giá trị tốt đẹp trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin. Phải là một chính phủ biết đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết mới có thể khẳng định điều đó. Bởi việc phấn đấu đạt được mục tiêu đó là vô cùng khó khăn, gian khổ. Tính chất “thân dân” trong đó được nhận thức: Chủ nghĩa xã hội phải làm cho dân giàu, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Nghèo đói không phải là chủ nghĩa xã hội. Dân giàu là giàu cả đời sống vật chất và văn hóa, tinh thần; dân giàu nhưng phải làm cho nước mạnh, dân có giàu nước mới mạnh, phải nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia; dân giàu nhưng phải đảm bảo công bằng xã hội...

Đại hội XIII của Đảng đã đánh giá 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung, phát triển năm 2011); 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 2011-2020; 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991; 35 thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Trong đó khẳng định: “...lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa

xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa... Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước” [32, tr.25]. Để đạt được những thành công đó, việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc là một trong những yếu tố quan trọng. Do vậy, Đại hội XIII chỉ rõ, trong nhiệm kỳ 2016 - 2020, Đảng đã “ban hành và thực hiện có hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân” [32, tr.70].

Ngoài ra, Đảng còn có các Nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc. Nhằm tiếp tục phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân để tạo nên sức mạnh của dân tộc, tháng 11-1993, Bộ Chính trị ra quyết định số 07 - NQ/TW *Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất*, trong đó có chỉ rõ: Thực hiện đại đoàn kết toàn dân ở tầm cao mới và chiều sâu mới, tạo ra động lực mạnh mẽ trong sự phát triển của lịch sử dân tộc ta theo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng nhằm tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đại đoàn kết toàn dân - nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Ngày 12-3-2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) ban hành Nghị quyết số 23 - NQ/TW *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Nghị quyết chỉ rõ mục tiêu nhằm củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng,

dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội X chỉ rõ, nhiệm vụ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đưa vấn đề phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một trong bốn thành tố của chủ đề Đại hội; coi đó là “nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [25, tr.116].

Những chủ trương, đường lối chiến lược của Đảng là những định hướng quan trọng cho hệ thống chính trị và Nhân dân trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Các nguồn lực “sức dân”, “tài dân”, “của dân” luôn vận động theo hướng đi từ riêng lẻ đến gắn kết, quy tụ thành khối thống nhất. Xuyên suốt chặng đường gần 40 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn thấm nhuần sâu sắc chân lý “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công” của Chủ tịch Hồ chí Minh. Do vậy, việc xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc đã được quan tâm đặc biệt. Sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước ta về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời gian qua đã thúc đẩy huy động nhiều nguồn lực, không ngừng đổi mới phương thức để khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố, đứng vững trước tác động liên tục của mặt trái kinh tế thị trường. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường và phát huy đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, miền; quan tâm phát triển toàn diện khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng khó khăn, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Đánh giá kết quả xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ đổi mới, tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng xác định mục tiêu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là: “Phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã

hội chủ nghĩa” [32, tr.112]. Mục tiêu đó cũng chính là đích đến quy tụ sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sự đồng nhất giữa mục tiêu cách mạng của Đảng với mục tiêu của khối đại đoàn kết toàn dân tộc cho thấy sự hòa quyện giữa Ý Đảng - Lòng Dân; giữa mục tiêu cách mạng của Đảng với nguyện vọng của toàn thể Nhân dân, xuất phát từ nguyện vọng của đông đảo các tầng lớp Nhân dân.

Dựa trên quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng và sự đồng thuận của Nhân dân, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã được phát huy mạnh mẽ. Thực tế cho thấy, 48 năm sau ngày miền Nam được giải phóng, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, với một đường lối chính trị đúng đắn, một chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc nhất quán, xuyên suốt theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã quy tụ được mọi người dân Việt Nam yêu nước chân chính, mọi nguồn lực “con Lạc cháu Hồng” dù đang sinh sống ở trong nước hay định cư ở nước ngoài trên cơ sở trân trọng và phát huy những yếu tố tương đồng, thống nhất để giải quyết các yếu tố khác biệt, mâu thuẫn một cách phù hợp; để cùng góp sức thực hiện nhiệm vụ trọng tâm vì “Tổ quốc trên hết” ở mọi nơi và mọi lúc [81, tr.513]. Thực tế cũng cho thấy, một đất nước Việt Nam đã, đang và ngày càng hồi sinh sau những năm dài chiến tranh, từng bước vươn mình trên hành trình đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, khẳng định được vị thế của mình trong khu vực và trên trường quốc tế chính là nhờ đã quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc được tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên có vai trò ngày càng quan trọng với nhiều hoạt động phong phú, thiết thực. Trong thời gian qua, với 5 chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2019 - 2023 (1-Tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp Nhân dân; củng cố, tăng cường, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; 2-Vận động Nhân dân thi đua lao động sáng tạo, thực hiện thắng lợi các mục tiêu

phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của đất nước; 3-Thực hiện dân chủ, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; giám sát và phản biện xã hội, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh; 4-Tăng cường đoàn kết quốc tế, mở rộng hoạt động đối ngoại Nhân dân; 5-Tăng cường củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới), Mặt trận Tổ quốc đã chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, triển khai sâu rộng và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân phát huy tinh thần thi đua sáng tạo và huy động các nguồn lực trong xã hội tham gia thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức trong hệ thống chính trị tuyên truyền, vận động, tập hợp rộng rãi các tầng lớp Nhân dân, tạo sự thống nhất và đồng thuận cao trong xã hội; tích cực tham gia xây dựng pháp luật, góp ý đối với các dự thảo văn kiện, tham gia chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng; kiến nghị với Đảng và Nhà nước nhiều nội dung quan trọng, góp phần hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có nhiều cố gắng, nỗ lực đổi mới và đa dạng hoá các hình thức tập hợp Nhân dân, đẩy mạnh thực hành dân chủ ở cơ sở, thực hiện giám sát và phản biện xã hội, tham gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh. Đặc biệt, khi đại dịch COVID-19 xảy ra, lây lan, bùng phát ở nước ta, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã chủ động, sáng tạo, phát huy vai trò nòng cốt, phối hợp với các cơ quan nhà nước ra lời kêu gọi, tuyên truyền, vận động, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái trong Nhân dân, đóng góp công sức, tiền của cùng chung tay phòng, chống dịch bệnh.

Ở nước ta, đại đoàn kết toàn dân tộc phải được xây dựng trên nền tảng dân chủ, bảo đảm và phát huy tốt quyền làm chủ của Nhân dân đối với mọi hoạt động của đời sống xã hội. Dân chủ là điều kiện, tiền đề của đại đoàn kết. Do đó, để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến vấn đề phát huy dân chủ. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định, trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, để xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc thì cần phải “Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội” [32, tr.38]. Phải thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở; làm tốt, có hiệu quả phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp cần quan tâm chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ có phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân”, muốn vậy phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, tiếp thu, tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc, bức xúc, nguyện vọng chính đáng của người dân. Như vậy, một trong những yêu cầu mấu chốt đặt ra đối với sự nghiệp đổi mới là phải làm như thế nào để có thể “đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”. Yêu cầu này chỉ có thể được đáp ứng khi biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo con đường khai thác nguồn lực của Nhân dân bằng cách phát huy dân chủ.

Mẫu số chung của khối đại đoàn kết dân tộc theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”, là mỗi người dân đều có quyền được sống, bình đẳng và mưu cầu hạnh phúc; là sự chung sức, đồng lòng vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, ngày càng phát triển phồn vinh, hùng cường, Nhân dân được sống trong ấm no, hạnh phúc... Cho nên, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay chính là sự liên kết, gắn bó tất cả các thành viên các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, mọi giới, mọi lứa tuổi, ở mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài

Đảng, người đang công tác, người đã nghỉ hưu... trong đại gia đình dân tộc Việt Nam (dù sống trong nước hay ở nước ngoài) thành một khối vững chắc, ổn định, lâu dài trên tinh thần xóa bỏ thành kiến, thật thà đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ để cùng phụng sự Tổ quốc và Nhân dân. Trong khối đại đoàn kết đó, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt, đông đảo nhất, đồng thời là cơ sở vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thông qua khối liên minh này, Đảng, Nhà nước tập hợp, vận động các tầng lớp Nhân dân lao động khác tham gia quản lý nhà nước, làm chủ xã hội, làm cho lợi ích giai cấp gắn chặt với lợi ích dân tộc để tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Đó chính là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó chính là sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII đã có sự tổng kết, đánh giá khách quan, khoa học về những kết quả, thành tích đã đạt được cùng những hạn chế, khuyết điểm và bài học kinh nghiệm sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12-3-2003, của Hội nghị Trung ương 7 khóa IX, “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, cụ thể: Công tác xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã được Trung ương, Quốc hội, Chính phủ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện thông qua các nghị quyết, chỉ thị, luật định, chiến lược hành động và đạt được nhiều kết quả tích cực; trình độ nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về đại đoàn kết toàn dân tộc được nâng lên; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được phát huy trên mọi lĩnh vực,...

Như vậy, đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, nguồn lực nội sinh, động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc hơn 90

năm qua đã minh chứng sinh động cho việc xây dựng và thực hiện tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hiện nay, trước tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến mới, Đảng cần tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để tạo nên khối đại đoàn kết, thống nhất, đồng thời tạo thành sức mạnh to lớn để xây dựng Tổ quốc ngày càng cường thịnh, Nhân dân ngày càng hạnh phúc; đất nước ngày càng phát triển, phồn vinh.

3.1.2. Nguyên nhân của những thành tựu

Dưới góc nhìn triết học chính trị - xã hội, những thành tựu đạt được trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong gần 40 năm đổi mới là kết quả tổng hòa của cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan, phản ánh sự thống nhất biện chứng giữa điều kiện thực tiễn và vai trò của chủ thể hành động trong lịch sử.

*** Nguyên nhân chủ quan**

Thứ nhất, đường lối lãnh đạo đúng đắn, nhất quán và nhân văn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định vai trò quyết định của nhân tố chủ quan, đặc biệt là con người - chủ thể của lịch sử. Trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn là lực lượng tiên phong, trực tiếp vận dụng và phát triển tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh vào lãnh đạo thực tiễn cách mạng. Từ Cương lĩnh đầu tiên năm 1930 đến các văn kiện Đại hội Đảng qua từng kỳ, Đảng đều nhấn mạnh quan điểm “lấy dân làm gốc”, xác định nhân dân là chủ thể của cách mạng, là nguồn lực chủ yếu cho mọi thắng lợi. Đặc biệt, trong quá trình đổi mới (từ năm 1986 đến nay), Đảng đã cụ thể hóa tư tưởng “thân dân” thành các nguyên tắc, cơ chế thực tiễn như: phát huy dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy sáng kiến và tiềm năng từ quần chúng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 nhấn mạnh: “Sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Chính Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh,

xa rời Nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước” [18, tr.5].

Tổng kết chặng đường đổi mới 10 năm (1986 - 1996), Đảng ta chủ trương “mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc” và khẳng định cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, vì Nhân dân và do Nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của Nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Bước vào thế kỷ XXI cũng là chặng đường 15 năm đổi mới, Đảng vẫn luôn nhất quán quá trình đổi mới phải dựa vào Nhân dân, vì lợi ích của Nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Thực tiễn hơn 35 năm đổi mới (1986 - 2023), Đảng tiếp tục nhất quán đổi mới phải vì lợi ích của Nhân dân, dựa vào Nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. *Cương lĩnh* (Bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: "Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng" [29, tr 9].

Một trong những bài học kinh nghiệm trong suốt tiến trình đổi mới được Đảng ta chỉ rõ: “Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của Nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của Nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc” [30, tr 69]. Cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, vì Nhân dân và do Nhân dân. Đổi mới phải vì lợi ích của Nhân dân. Nếu xa rời, đi ngược lại lợi ích của Nhân dân, đổi mới sẽ thất bại. Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của Nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Nhân dân là người làm nên những thành tựu của đổi mới. Đổi mới phải dựa vào Nhân dân, do lòng dân quyết định. Nguồn lực của Nhân dân có

nhiều, bao gồm tài dân, sức dân, của dân, quyền dân; song nguồn lực lớn nhất, quan trọng nhất, quyết định nhất là lòng dân, có lòng dân thì có sức dân.

Thứ hai, những thành tựu trong vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân cũng xuất phát từ việc phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn phát huy được sự đóng góp trí tuệ của Nhân dân và phù hợp thực tiễn. Vấn đề là phải củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Muốn được lòng dân, có lòng dân thì mọi hoạt động phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng, Nhà nước là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân, được lòng dân. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải được xây dựng theo nguyên tắc thuận lòng dân, xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, nhằm vào mục đích vì lợi ích của Nhân dân. Thực hiện đầy đủ, có chất lượng quyền và nghĩa vụ công dân, đặc biệt không chỉ là tôn trọng mà phải tạo cơ chế để dân phát huy đầy đủ, có hiệu quả quyền làm chủ của mình. Tập trung giải quyết bức xúc, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân liên quan đến lợi ích, đời sống...

Thứ ba, đẩy mạnh thực hành dân chủ và phát huy vai trò chủ thể của người dân. Nhân tố con người được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Vốn, cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng nhưng quan trọng nhất, quyết định nhất vẫn là nhân tố con người, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Mọi việc đều từ con người mà ra, có Nhân dân là có tất cả... Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, hầu hết trong các kỳ đại hội, Đảng ta đều dành một lượng thời gian nhất định bàn về con người, khẳng định con người là trung tâm, chủ thể của mọi hoạt động. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 4 (khóa VII) nhấn mạnh: “Con người là vốn quý nhất, chăm lo hạnh phúc con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của chế độ ta... Chúng ta cần tìm hiểu sâu sắc những giá trị lớn lao và ý nghĩa

quyết định của nhân tố con người, chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn gốc của cải vật chất và văn hóa, mọi nền văn minh của các quốc gia, phải xuất phát từ tinh thần nhân văn sâu sắc nhằm phát triển con người toàn diện, xây dựng một xã hội công bằng, nhân ái, thiết lập quan hệ thật sự tốt đẹp và tiến bộ giữa con người với con người trong sản xuất và trong đời sống” [19, tr.5]. Báo cáo tổng kết *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006)*, Đảng ta khẳng định: “Con người là vốn quý nhất, phát triển con người với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới đất nước... Con người và sự phát triển con người được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội, mở rộng cơ hội, nâng cao điều kiện cho con người phát triển” [24, tr.78-79]. Đại hội lần thứ XII của Đảng khẳng định: “Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” [30, tr.126-127]. Đặc biệt, Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định chủ trương trọng tâm cơ bản, xuyên suốt phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là “Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển” [32, tr.215]. Nhìn lại chặng đường hơn 35 năm đổi mới, với những chiến lược về xây dựng và phát huy nhân tố con người của Đảng ta đã phát huy hiệu quả và đến nay đã đạt được nhiều thành tựu to lớn: Trình độ dân trí ngày càng cao, kinh tế ngày càng khởi sắc và trên đà phát triển ổn định, đời sống của người dân được cải biến rõ nét, con người được tạo điều kiện phát triển toàn diện, Nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Sau hơn 90 năm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng và phát triển đất nước của Đảng, với định hướng xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; phát huy toàn diện cả về phẩm chất và năng lực con người, đồng thời đề cao quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân; bên cạnh đó chỉ ra các động lực lớn nhằm phát huy hiệu quả nhân tố con người tại Đại hội XIII của Đảng đã trở nên toàn diện hơn. Thực hiện thành công quan điểm về xây dựng và phát huy nhân tố con người Việt Nam

theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là bước đi nền tảng vững chắc nhất nhằm phát huy sức mạnh tinh thần của quần chúng nhân dân trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, niềm tin và sự ủng hộ của Nhân dân, sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam tiến bộ hiện đại, phát huy sức mạnh tinh thần của quần chúng nhân dân chắc chắn sẽ đạt được những kết quả tốt đẹp trong thời gian tới. Đây không chỉ là quyết tâm chính trị của toàn Đảng mà đó cũng chính là mong muốn, nguyện vọng của Nhân dân để vươn lên khẳng định vai trò của con người Việt Nam, tầm vóc của dân tộc Việt Nam.

**** Nguyên nhân khách quan***

Thứ nhất, bối cảnh lịch sử - xã hội của công cuộc đổi mới. Từ năm 1986, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu bước chuyển căn bản về đường lối phát triển đất nước. Tư duy đổi mới toàn diện không chỉ thể hiện ở lĩnh vực kinh tế, mà còn trong nhận thức về vai trò của quần chúng nhân dân trong công cuộc phát triển. Việc chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đặt ra yêu cầu tất yếu phải huy động toàn diện các nguồn lực trong nhân dân - không chỉ vật chất, mà còn trí tuệ và tinh thần.

Từ góc độ triết học lịch sử, sự chuyển đổi này là kết quả của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng phát triển và quan hệ sản xuất cũ kỹ, lỗi thời. Trong hoàn cảnh ấy, việc đặt lại vai trò trung tâm của nhân dân là tất yếu khách quan, bởi chỉ có nhân dân - với tư cách là chủ thể sáng tạo của lịch sử - mới có thể tháo gỡ các nút thắt của thực tiễn. Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh được vận dụng hiệu quả trong thực tiễn, giúp định hình lại mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân, giữa chủ thể cầm quyền và đối tượng được phục vụ. Bằng các phong trào thiết thực như xây dựng nông thôn mới, xã hội hóa y tế, giáo dục, phát triển hạ tầng cơ sở bằng nguồn lực cộng đồng, Nhân dân được tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng đất nước. Sự tham gia đó không chỉ làm tăng nguồn lực vật chất cho phát triển, mà còn khơi dậy sức mạnh tinh

thần, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân - điều mà Hồ Chí Minh từng khẳng định là “gốc rễ của mọi thành công”.

Thứ hai, tác động của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Trong tiến trình đổi mới, Việt Nam không phát triển trong sự biệt lập mà hòa vào dòng chảy toàn cầu hóa. Đây là yếu tố khách quan mang tính chất thời đại, đặt ra những thách thức và cơ hội mới. Hội nhập quốc tế sâu rộng đòi hỏi năng lực cạnh tranh quốc gia, nhưng cạnh tranh không chỉ nằm ở thể chế hay công nghệ, mà còn ở chất lượng con người và khả năng phát huy nội lực xã hội. Chính trong bối cảnh đó, tư tưởng “thân dân” trở nên đặc biệt phù hợp. Bởi lẽ, toàn cầu hóa là quá trình thúc đẩy dân chủ hóa, đòi hỏi sự minh bạch, tham gia và đồng thuận xã hội. Những giá trị mà Hồ Chí Minh đề cao như: tôn trọng ý kiến Nhân dân, lắng nghe dân nói, tin dân, dựa vào dân - lại trở nên có sức sống mạnh mẽ trong kỷ nguyên hội nhập.

Từ góc nhìn triết học nhân văn, toàn cầu hóa cũng đặt ra vấn đề về phát triển con người toàn diện - tức là phải bảo đảm quyền tự do, quyền tham gia, quyền sáng tạo của từng cá nhân. Những khía cạnh này chính là nội dung thiết yếu của tư tưởng “thân dân”. Vì vậy, hội nhập quốc tế không làm mai một tư tưởng Hồ Chí Minh, mà ngược lại, làm sâu sắc thêm giá trị của nó trong điều kiện hiện đại, tạo điều kiện để Việt Nam vừa hội nhập thành công, vừa giữ vững bản sắc và nền tảng tư tưởng chính trị đặc sắc của mình.

Thứ ba, sự phát triển của khoa học - công nghệ và truyền thông hiện đại. Trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là từ đầu thế kỷ XXI, một yếu tố khách quan không thể không nhắc đến là sự phát triển vượt bậc của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông. Đây là nhân tố đã làm thay đổi căn bản phương thức tương tác giữa Nhà nước và nhân dân, tạo nên một hình thái mới của “gắn dân” - đó là kết nối thông tin - hành động - phản hồi trong thời gian thực. Khoa học - công nghệ không chỉ là công cụ trung lập, mà là phương tiện định hình quan hệ xã hội mới, trong đó vai trò của người dân được nâng cao. Họ không còn là đối tượng tiếp nhận thụ động, mà trở thành chủ thể giám sát, góp ý và phản biện. Sự hiện diện của các kênh đối thoại trực

tuyến, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử... đã làm tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của bộ máy hành chính công.

Trong điều kiện đó, việc vận dụng tư tưởng “thân dân” không chỉ là yêu cầu đạo đức hay chính trị, mà trở thành một tất yếu khách quan để đáp ứng kỳ vọng xã hội hiện đại. Nhà nước muốn được dân tin, dân theo, thì không thể không cải cách, không thể không tương tác thường xuyên, không thể đứng trên nhân dân. Điều này làm sâu sắc thêm quan niệm “lấy dân làm gốc” của Hồ Chí Minh, nâng nó lên một trình độ phù hợp với điều kiện công nghệ mới và cấu trúc xã hội đang biến đổi mạnh mẽ.

3.2. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.2.1. Hạn chế trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân

3.2.1.1. Hạn chế trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy các nguồn lực vật chất trong dân

Nguồn lực vật chất trong dân được thể hiện tập trung ở các yếu tố: “Của dân”, “sức dân”. Các yếu tố này thời kỳ trước Đại hội VI (12/1986), nhìn chung chưa được khai thác, phát huy thực sự hiệu quả, tương xứng với tiềm năng. Có thể nói rằng chúng ta có tài sản nhưng chưa biết cách sử dụng để tạo nên hiệu quả; chúng ta mong muốn chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân nhưng vì cách làm chưa đúng nên chưa thực sự “đem tài dân sức dân mà làm lợi cho dân”. Do vậy, cách mạng thiếu sức mạnh, đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

Trước trước đổi mới, với lối suy nghĩ chủ quan, phiến diện, chúng ta đã coi nhẹ vấn đề phát huy nguồn lực vật chất vốn có trong Nhân dân, thậm chí còn lo sợ Nhân dân làm giàu trượt theo con đường “tự phát tư bản chủ nghĩa”. Khi nói đến con người, chúng ta chỉ nhấn mạnh về dân số, nguồn lao động, thành phần, giai cấp mà chưa chú ý đến cá nhân, nhân cách, trình độ, năng lực của họ. Với những quan niệm như vậy, trong hoạt động sản xuất chúng ta chỉ

quan tâm đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật của sản xuất, còn nhân tố con người được xem như là yếu tố lao động đương nhiên, có sẵn trong quá trình sản xuất, đòi hỏi phải “khai thác” triệt để và có hiệu quả mà không chú ý đến việc chăm sóc, bồi dưỡng, không chú ý đến nhu cầu vật chất và tinh thần của Nhân dân. Kết quả là công tác hoạch định tác chiến được phát triển kinh tế gặp nhiều gặp pháp sai lầm, thủ tiêu động lực của người lao động, sản xuất không tiến lên được và con người cũng không phát triển được, đời sống Nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Tại Đại hội VI của Đảng, tư tưởng “tài dân”, “sức dân”, “của dân” gắn với nhân tố con người đã được coi là đối tượng, mục tiêu và là động lực của mọi hoạt động kinh tế - xã hội, nhưng nhận thức này chưa phải đã được thâm nhuần và quán triệt ở mọi cấp trong tổ chức Đảng và Chính quyền. Phần lớn Nhân dân chưa ý thức được đầy đủ về sự cần thiết và quan trọng về vấn đề phát huy tiềm năng của chính mình trong phát triển kinh tế - xã hội, vẫn còn tâm lý chủ động ỷ lại, dựa dẫm. Trên thực tế, quan niệm về vấn đề phát huy các nguồn lực vật chất của Nhân dân, nhất là chất lượng nguồn nhân lực con người trong phát triển kinh tế - xã hội chưa rõ ràng và còn quá đơn giản thậm chí nhiều khi chúng ta chỉ coi đó là những chính sách xã hội và nhân đạo đơn thuần.

Việc huy động các nguồn lực vật chất của dân, trong đó có nguồn lực tài chính thiếu bộ đỡ pháp lý, làm giảm sút niềm tin trong đầu tư, phát triển lâu dài, dễ dẫn đến rủi ro. Vì thế, một bộ phận Nhân dân tích trữ của cải dưới dạng vàng, đô la, không đầu tư sản xuất kinh doanh, hạn chế hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội. Tình trạng này, đến nay vẫn đang diễn ra, làm hạn chế nguồn lực vật chất đầu tư cho phát triển kinh tế.

Việc đào tạo, giáo dục và phát triển con người vẫn chưa theo kịp với đòi hỏi của công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội của đất nước. Việt Nam cơ bản vẫn là nước nông nghiệp với điểm xuất phát kinh tế thấp, khoảng cách về trình độ phát triển giữa Việt Nam với nhiều nước trên thế giới còn rất lớn, trong khi cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, đặc biệt trước yêu cầu của công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, phần

đầu đến năm 2030 nước ta trở thành “nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao” thì Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn về chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế. Chất lượng nguồn lao động trong những năm qua được nâng cao, tuy nhiên, theo báo cáo gần đây của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, lao động không chính thức và phổ thông vẫn chiếm chủ yếu. Lực lượng đã qua đào tạo, có chứng chỉ, bằng cấp còn thấp, khoảng 24,5% năm 2020 (so với kế hoạch đặt ra là 40%). Trong khi nhân lực đã qua đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu thực tiễn, chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội. HDI của cả nước tuy có tăng lên nhưng vẫn ở mức thấp. Trong Bảng xếp hạng HDI thế giới, thứ hạng của Việt Nam cải thiện không nhiều và trong khu vực Đông Nam Á vẫn xếp thứ 7/11 quốc gia [141]. Điều này cho thấy, chất lượng giáo dục - đào tạo nói chung, đào tạo nhân lực nói riêng, chưa đóng vai trò chủ đạo trong phát triển nhân tố con người, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Mặc dù năng suất lao động Việt Nam tăng hàng năm nhưng hiện vẫn rất thấp so với các quốc gia khác trong khu vực: Chỉ bằng 8,4% mức năng suất của Singapore, 23,1% của Malaysia, 41,5% của Thái Lan, 55,5% của Indonesia và 62,8% của Philippinse; chỉ cao hơn năng suất lao động của Campuchia (gấp 1,8 lần). Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), năm 2021, lao động Singapore đóng góp vào GDP cả nước 73,7 USD trong 1 giờ lao động, trong khi lao động Việt Nam đóng góp khoảng 7,3 USD/giờ vào GDP [140].

Thách thức lớn nhất hiện nay vẫn là vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động. Qua gần 40 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển khá, song chưa vững chắc; hiệu quả và sự cạnh tranh thấp, chưa thể tạo đủ việc làm cho lao động xã hội, chất lượng việc làm chưa cao, tính bền vững hiệu quả trong việc làm còn thấp, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn cao và tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn vẫn còn nhiều. Tình trạng thất nghiệp của thanh niên, nhất là nhóm tuổi 15-24 đang là thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam. Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên (15-24 tuổi) năm 2020 là 7,21%, năm 2021 là

8,55%, năm 2022 là 7,72%, quý 1/2023 là 7,61. Gần 1/3 số người thất nghiệp trong nhóm tuổi từ 15-24 tuổi [145]. Đây thực sự là thách thức lớn đối với nước ta trong thời gian sắp tới, ảnh hưởng trực tiếp đến phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Hiện nay, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam, theo WB là 2.906 USD, theo IMF là 3.499 USD, tức là vẫn còn trong nhóm 55 quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp. Theo quy ước của WB, từ 1/7/2021, các nền kinh tế có thu nhập bình quân đầu người dưới 4.045 USD là các nền kinh tế thuộc loại có thu nhập trung bình thấp (Lower-middle Income Economies), từ 4.046 USD đến 12.695 USD là thu nhập trung bình cao (Upper-middle-income Economies), từ 12.696 USD trở lên là thu nhập cao (High-income Economies) [148].

Vấn đề phát hiện, thu hút và trọng dụng nhân tài được Đảng ta đặc biệt quan tâm và được Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật ở nhiều cấp độ văn bản khác nhau. Tuy nhiên, thời gian qua, việc tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát hiện, thu hút và trọng dụng nhân tài, vẫn còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc. Tiềm lực, cũng như vị trí, vai trò của nhân tài, các chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài có lúc, có nơi chưa được đánh giá xứng tầm; do đó, chưa có những cơ chế, chính sách thực thi cụ thể và hiệu quả nhằm khuyến khích họ đóng góp cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Cơ chế phát hiện, thu hút nhân tài thời gian qua gặp nhiều khó khăn, còn nhiều bất cập. Chính sách trọng dụng, chế độ đãi ngộ nhân tài hiện nay vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa có phương án giải quyết thực sự đồng bộ, cụ thể. Chính sách đãi ngộ về vật chất đối với nhân tài còn thấp so với mặt bằng xã hội hiện nay. Chế độ tiền lương cho nhân tài vẫn nằm trong hệ thống thang, bảng lương chung, chưa thể hiện được sự “ưu đãi” xứng tầm năng lực, chưa thực sự dựa trên hiệu quả công việc của nhân tài. Sự cách biệt tiền lương giữa các ngạch, bậc chưa phản ánh thỏa đáng mức chênh lệch về trình độ cũng như đòi hỏi của công việc; việc

nâng bậc lương chủ yếu dựa vào yếu tố thời gian (thâm niên), chưa chú trọng đến yếu tố hiệu quả công việc mà nhân tài đang đảm nhận.

Bên cạnh đó, các nhà hoạch định chính sách chưa xây dựng được môi trường làm việc đủ hấp dẫn để thu hút nhân tài. Nhân tài thực thụ thường rất quan tâm đến môi trường làm việc, luôn mong muốn có môi trường tốt để phát huy tối đa năng lực. Thực tế cho thấy, môi trường làm việc thiếu tính năng động, cơ chế quản lý còn hạn chế đã bào mòn bầu nhiệt huyết, thậm chí gây lãng phí tài năng của nhân tài. Ngoài ra, công tác thi đua, khen thưởng cũng chưa thật sự khuyến khích, động viên nhân tài bộc lộ tài năng và phấn đấu không ngừng. Tiêu chí “sáng kiến” để bình xét thi đua, khen thưởng có nơi, có lúc chưa thực chất, minh bạch. Các danh hiệu thi đua, khen thưởng thường dành cho những người lãnh đạo, quản lý, ít khi dành cho người lao động phổ thông, không có chức vụ. Rào cản tâm lý của chính nhân tài cũng là một trong những trở ngại khiến cho việc tiếp cận, thu hút họ trở nên khó khăn. Những ý tưởng đổi mới sáng tạo thường bắt nguồn từ sự giải phóng trong tư tưởng, không bị gò ép bởi các giới hạn, khuôn khổ. Trong khi đó, trong các cơ quan đảng, cơ quan quản lý nhà nước, đôi lúc vẫn có tình trạng tập thể ra quyết định, nhưng bỏ qua ý kiến thuộc về thiểu số, ngay cả khi đó có thể là những ý tưởng tốt, giúp tháo gỡ những vướng mắc, mang đến sự phát triển đột phá. Bên cạnh đó, không ít người có tài có tâm lý “an phận thủ thường”, “bàng quan thế sự”; cũng có không ít nhân tài trải qua quá trình đào tạo, học tập ở nước ngoài, chịu sự ảnh hưởng, chi phối của tư tưởng, văn hóa, lối sống phương Tây, có xu hướng “hướng ngoại”, “sính ngoại” thay vì gắn bó, cống hiến tài năng cho đất nước.

3.2.1.2. Hạn chế trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân

Nhân dân là lực lượng sáng tạo vô tận, là nguồn gốc của những sáng kiến, những đổi mới và sự đột phá trong mọi lĩnh vực. Khi tinh thần yêu nước và “khát vọng phát triển được phát huy mạnh mẽ, sức sáng tạo của Nhân dân sẽ giúp đất nước vượt qua mọi khó khăn, thách thức để vươn tới mục tiêu phồn

vinh, hạnh phúc”. Thực tế, việc phát huy tinh thần này đã được thể hiện qua các phong trào “thi đua yêu nước”, những chiến lược phát triển kinh tế và xã hội, và sự tham gia của tất cả các tầng lớp nhân dân trong quá trình đổi mới đất nước. Mục tiêu mà hiện nay của Đảng đặt ra hiện nay là phát triển đất nước nhanh và bền vững, “thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. “Để hiện thực hóa khát vọng này, không thể thiếu sự đóng góp của Nhân dân trong mọi quyết sách, hành động và nỗ lực của Đảng, Nhà nước”. Sự tham gia mạnh mẽ của Nhân dân, không chỉ qua các hình thức thi đua, phong trào xã hội, mà còn qua “những thay đổi trong nhận thức và hành động cụ thể”. Chỉ khi sức mạnh tinh thần của Nhân dân được phát huy tối đa, đất nước mới có thể hội nhập sâu rộng, phát triển bền vững và thực hiện khát vọng vươn lên trong thế kỷ XXI. Sự gắn kết và đồng lòng của toàn dân chính là chìa khóa để bảo vệ Tổ quốc, xây dựng một đất nước vững mạnh và hạnh phúc.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2014) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đề ra nhiệm vụ: “Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam” [146]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục nhấn mạnh: “Đẩy mạnh giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại” [32, tr.143]. Như vậy trong quá trình đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những đức tính, phẩm chất tốt đẹp, con người Việt Nam cũng bộc lộ những bất cập, hạn chế có tác động xấu đến việc phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân.

Trong một số công trình nghiên cứu về hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm cũng cho rằng bên cạnh những

phẩm chất, đức tính tốt đẹp tạo thành hệ giá trị cốt lõi của văn hóa, con người Việt Nam thì trong quá trình chuyển đổi mô hình xã hội, từ xã hội nông nghiệp truyền thống sang nhịp sống hiện đại, công nghiệp, một số người Việt cũng bộc lộ những thói hư, tật xấu. Trong đó có những tật xấu cần được nhận diện và đẩy lùi như: Bệnh thành tích; thói dựa dẫm; bệnh nói xấu sau lưng; bệnh hình thức, bệnh sĩ diện, háo danh; bệnh bè phái, thiếu hợp tác; tật ham vui; bệnh vô cảm, chật chém; thói tò mò; bệnh đối phó; bệnh háo lợi; bệnh lè mề, chậm chạp; bệnh sùng ngoại; bệnh tự ti; bệnh sống bằng quan hệ; bệnh thiếu ý thức pháp luật; thói tùy tiện, cầu thả; thói kiêu ngạo; thói khôn vặt, láu cá; bệnh giả dối, nói không đi đôi với làm; tật ăn cắp vặt... Những bất cập, hạn chế đó trở thành lực cản cản trở con đường phát triển của dân tộc, đất nước; làm “ô nhiễm” môi trường văn hóa; làm suy giảm quá trình phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân trong phát triển của đất nước.

Cùng với đó, nhân sinh quan truyền thống đã ảnh hưởng đến người Việt, trao truyền cô đọng trong mạch ngầm tư tưởng của chúng ta, thể hiện ra qua nếp sống, qua lối ứng xử, tạo thành cốt cách của người Việt. Nó tồn tại dưới dạng những thói quen, tập quán, những nếp suy nghĩ, những lễ thói làm ăn, những cách đối nhân xử thế,... Trong bối cảnh hiện nay, một số triết lý nhân sinh bộc lộ những hạn chế, tính lỗi thời, lạc hậu, trở thành những lực cản, sức ỳ khá nặng nề cho bước phát triển của xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Vì vậy, cuộc đấu tranh để cải tạo, khắc phục và xóa bỏ những mặt hạn chế trong nhân sinh quan của người Việt là yêu cầu quan trọng và cấp bách của quá trình phát triển đất nước.

Truyền thống hiếu học là một đặc trưng của người Việt, là một đức tính tốt của người Việt vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Tuy nhiên, mặt trái của hiếu học là hiếu danh, trọng danh. Đi liền với tính trọng danh là thói háo danh, mua danh: được thể hiện rõ qua nạn bằng giả, bằng thật học giả trong xã hội ta hiện nay mà các phương tiện thông tin đại chúng đã nêu ra. Trong một xã hội mà sự thăng tiến của mỗi cá nhân gắn liền với độ cao tầng dầm của bằng cấp thì “cuộc đua” để có được bằng nọ, chứng chỉ kia là điều tất yếu. Ngày nay, vào các thư

viện trong các trường đại học hay các thư viện lớn ở Việt Nam, chúng ta có thể thấy số người đến đọc sách, học tập, nghiên cứu không ít, nhưng theo các cuộc điều tra xã hội học đều cho thấy, số người đến thư viện đọc sách, học tập, nghiên cứu vì say mê khoa học không nhiều, mà họ đến đó đọc sách hay học tập để thi, để hoàn thành một chứng chỉ, hay làm xong một việc nhất định nào đó rồi bỏ đấy. Do đó, khi học tập, nghiên cứu, người Việt nặng về giáo điều, sao chép và thuộc lòng các lý thuyết sẵn có. Với lối học “thực dụng” đó đã trói buộc những sáng kiến của con người, kìm hãm lối suy tư phản biện, dẫn đến thiếu tự tin, không dám vượt bỏ quá khứ.

Bên cạnh đó, triết lý sống trọng tình nghĩa, duy tình, duy cảm của người Việt lại dẫn đến lối sống dung hòa, xu thời, cam chịu, du di, xuê xòa, nhút nhát, tùy tiện, thiếu triệt để, ý thức pháp luật chưa cao - đây chính là nhược điểm đáng kể đối với việc xây dựng nhân sinh quan mới và tác phong công nghiệp gắn với tư duy duy lý trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Tư duy nặng về kinh nghiệm (Trăm hay không bằng tay quen) đã tạo nên lối sống gia trưởng, lão quyền (người cao tuổi được coi là người có nhiều kinh nghiệm sống hơn cả), dẫn đến tư tưởng “trọng trưởng khinh ấu” của người Việt. Với cách nghĩ và cách làm theo kinh nghiệm thì hoạt động của con người thường hướng về quá khứ, bảo thủ, trì trệ, ngại đổi mới, thường tìm cách phủ nhận năng lực của người đi sau (mặc dù trong thâm tâm biết rằng họ hơn mình). Và cũng do ảnh hưởng của thứ văn hóa coi trọng tinh thần, khinh chê vật chất (vì cho nó là tầm thường, hạ đẳng) nên một số cũng hình thành thói hư danh, ảo tưởng, sĩ diện. Ý thức cộng đồng, tính gắn kết, cố kết cộng đồng là một trong những đặc điểm truyền thống nổi bật của người Việt Nam. Song, mặt trái của tính cộng đồng dẫn tới tính cục bộ, kéo bè kéo cánh, ê kíp - đây cũng là một trong những hạn chế khiến người Việt rất khó hòa nhập được với nền kinh tế toàn cầu hóa vì nếu tham gia vào quá trình kinh tế toàn cầu với một đầu óc cục bộ, vì lợi ích của cá nhân, đơn vị, địa phương thì chính người Việt lại tự hại mình và hại lẫn nhau.

Cùng với đó, những tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát huy sức mạnh tinh thần

của Nhân dân. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra cho con người chúng ta một thế giới mới - thế giới “ảo” qua Internet, mọi giao lưu giữa người với người được thực hiện trên internet làm cho con người như lạc vào mê cung, không phân biệt rõ giữa đời thực với hư ảo, giữa cái đúng với cái sai, cái tốt với cái xấu. Con người đang thu hẹp thế giới sống chân thực của mình qua lăng kính ảo internet với những mối quan hệ “ảo”. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ tới năng lực thực hiện quyền làm chủ một cách đúng nghĩa và chính đáng của con người. Ví dụ như: tình trạng loạn thông tin trên mạng internet, tính lan truyền mạnh mẽ của những thông tin sai sự thật, sự kích động có tính chia rẽ kỳ thị vùng miền, dân tộc trên mạng xã hội facebook, zalo, viber,... đã làm ảnh hưởng tới khả năng phán đoán và những hành xử không đúng mực của nhiều người. Sự phát triển của công nghệ internet toàn cầu đã tạo điều kiện cho lối sống “tây hóa”, “ngoại lai” phát triển, luôn cho rằng học theo phương Tây là tốt nhất, ưu việt nhất mà quên đi những giá trị truyền thống của dân tộc. Họ đề cao cái gọi là tự do “nhân quyền và dân quyền” của phương Tây, tự cho quyền tự do của mình là tối thượng nên dẫn đến những hành vi vượt khỏi khuôn khổ của pháp luật. Chẳng hạn, nhiều blogger lợi dụng mạng internet hô hào khẩu hiệu “dân chủ”, “xã hội dân sự”, đòi mang lại “tự do, nhân quyền, dân quyền” để xuyên tạc, bóp méo sự thật về dân chủ ở Việt Nam, bôi nhọ danh dự của nhiều cán bộ nhà nước, phủ nhận những thành quả dân chủ mà Đảng và Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực thực hiện. Chính cái được cho là “quyền tự do cá nhân” nên đã dẫn tới hiện tượng xâm phạm quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trên mạng, điều này đã làm cho rất nhiều kẻ xấu lợi dụng, thực hiện những phi vụ lừa đảo gây thiệt hại cả về người và tài sản của Nhân dân.

3.2.1.3. Hạn chế trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong quá trình đổi mới và xây dựng đất nước hiện nay, Việt Nam đối diện với một loạt các thuận lợi và thách thức đan xen. Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống xã hội và mở rộng quan hệ quốc tế, song vẫn không thể phủ nhận rằng

những thách thức lớn vẫn đang tác động mạnh mẽ đến quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt là trong việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh, với cốt lõi là sự quan tâm đến quyền lợi của Nhân dân và việc tăng cường sức mạnh tập thể của các tầng lớp trong xã hội, luôn được coi là nền tảng trong mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, những thay đổi lớn trong nền kinh tế và xã hội đang đặt ra nhiều thách thức cho việc thực hiện tư tưởng này một cách hiệu quả. Sự chuyển dịch này đã tạo ra một động lực to lớn cho phát triển kinh tế, tuy nhiên, cũng đồng thời mang đến không ít vấn đề phức tạp. Nền kinh tế thị trường, với sự tự do cạnh tranh và mở cửa giao thương quốc tế, đã tạo ra sự phát triển nhanh chóng ở nhiều lĩnh vực, nhưng cũng không thiếu những hệ lụy như sự gia tăng chênh lệch giàu nghèo và sự phân hóa giữa các vùng miền, các tầng lớp trong xã hội. Những điều này đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến sự gắn kết trong xã hội, làm cho khối liên kết dân tộc gặp phải những thử thách lớn. Tư tưởng của Hồ Chí Minh luôn coi việc đoàn kết mọi tầng lớp xã hội là một yếu tố quan trọng để xây dựng một quốc gia mạnh mẽ. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thị trường, việc thống nhất các tầng lớp xã hội lại trở nên phức tạp hơn bao giờ hết. Các giai tầng trong xã hội ngày càng có sự phân hóa rõ rệt. Những người giàu có, lớp trung lưu và người nghèo không chỉ khác biệt về vật chất mà còn có sự khác biệt lớn trong nhận thức, mục tiêu và kỳ vọng. Điều này đã tạo ra sự khó khăn trong việc thống nhất quan điểm và xây dựng một lực lượng xã hội thống nhất, đủ mạnh để vượt qua các thách thức. Không chỉ có sự phân hóa về kinh tế, việc tổ chức, tập hợp các lực lượng xã hội để tạo ra sức mạnh tổng hợp cũng gặp phải rất nhiều vấn đề. Các lực lượng xã hội, dù đã có những sự liên kết nhất định, nhưng lại thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong các hoạt động. Trong một xã hội có nhiều sự phân hóa, việc duy trì sự đồng thuận giữa các nhóm lợi ích khác nhau là một bài toán khó. Điều này thể hiện rõ nhất qua sự bất đồng trong việc xây dựng các chính sách công, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Việc các

nhóm lợi ích trong xã hội đụng độ nhau, hoặc mâu thuẫn trong lợi ích và ý tưởng đã khiến cho việc thống nhất ý chí, tạo ra sức mạnh tổng hợp, trở nên khó khăn hơn rất nhiều.

Một yếu tố khác làm cho việc thực hiện tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh trở nên khó khăn chính là sự thay đổi trong môi trường quốc tế. Việt Nam hiện nay đang hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới. Mặc dù đây là một cơ hội lớn để phát triển và tăng trưởng, song cũng đi kèm với những thử thách không nhỏ. Đặc biệt, sự ảnh hưởng của nền kinh tế toàn cầu đã khiến cho nhiều yếu tố bên ngoài tác động mạnh mẽ vào tình hình trong nước. Các yếu tố như biến động giá cả, các cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế hay sự thay đổi trong môi trường chính trị toàn cầu có thể tác động trực tiếp đến việc thực hiện các chiến lược phát triển quốc gia, từ đó làm giảm hiệu quả của các chính sách đoàn kết xã hội. Dù vậy, những khó khăn hiện nay không thể phủ nhận, nhưng cũng là cơ hội để Việt Nam thực hiện tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh theo một cách mới mẻ và sáng tạo hơn. Để giải quyết được những vấn đề trên, cần có những chính sách phù hợp, kịp thời điều chỉnh các bất cập trong quá trình phát triển, đồng thời tạo ra sự kết nối giữa các giai tầng trong xã hội. Đặc biệt, việc cải cách các chính sách an sinh xã hội, tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả các nhóm dân cư tham gia vào quá trình phát triển là điều cần thiết. Việc đẩy mạnh công tác giáo dục và nâng cao nhận thức của nhân dân về quyền lợi, nghĩa vụ của mình cũng là một yếu tố quan trọng để thực hiện thành công tư tưởng “thân dân” trong bối cảnh mới. Khi người dân nhận thức rõ vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, sự đoàn kết các tầng lớp xã hội sẽ được củng cố, từ đó tạo ra một đất nước vững mạnh và phát triển.

Một trong những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến việc thực hiện tư tưởng “thân dân” là công tác tuyên truyền phổ biến, vận động Nhân dân. Mặc dù Đảng và Nhà nước luôn chú trọng đến việc tăng cường sức mạnh của Nhân dân, nhưng công tác tuyên truyền và vận động chưa thực sự được duy trì thường xuyên và đồng bộ ở tất cả các cấp. Việc triển khai các chiến lược, các kế hoạch phát triển xã hội trong một số lĩnh vực chưa được thực hiện một cách

kip thời và hiệu quả. Hơn nữa, công tác tuyên truyền, vận động không phải lúc nào cũng phù hợp với từng đối tượng Nhân dân, dẫn đến việc các tầng lớp xã hội có sự tiếp nhận thông tin không đồng đều, thiếu tính thuyết phục, khó tạo dựng sự đồng thuận trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Một yếu tố quan trọng khác chính là công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân. Mặc dù Đảng và Nhà nước đã rất nỗ lực trong việc giáo dục lý tưởng, tuy nhiên một bộ phận cán bộ và đảng viên vẫn chưa được đào tạo và giáo dục đầy đủ, từ đó dẫn đến thiếu sót trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Điều này khiến cho đôi khi chính quyền các cấp chưa kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc của dân, gây ra sự không hài lòng trong xã hội, làm giảm niềm tin của Nhân dân vào chính quyền. Tình trạng này, nếu không được khắc phục triệt để, sẽ ảnh hưởng đến tính đoàn kết, sự gắn bó giữa người dân với Đảng và Nhà nước. Ngoài ra, một bộ phận Nhân dân vẫn chưa hoàn toàn tin tưởng vào Đảng, Nhà nước và chế độ, đặc biệt là trước những bất công trong xã hội, sự tham nhũng, lãng phí, và sự giàu có bất hợp lý của một số cán bộ, đảng viên. Những vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến lòng tin của Nhân dân mà còn làm suy giảm sức mạnh của khối liên kết toàn dân tộc. Sự thiếu công bằng, sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng gia tăng cũng khiến cho mối quan hệ giữa các tầng lớp xã hội trở nên căng thẳng, khó kết nối, khó thống nhất. Các bất bình, sự bất mãn ngày càng gia tăng có thể dẫn đến sự phân hóa, chia rẽ trong nội bộ xã hội, cản trở sự phát triển của đất nước.

Thực tế, mặc dù Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là một phần quan trọng trong việc phát huy khối đại đoàn kết dân tộc, nhưng một số tổ chức này còn thiếu sự linh hoạt trong việc phản ánh đầy đủ và kịp thời các ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân. Trong một số trường hợp, những phản ánh từ Nhân dân chưa được giải quyết nhanh chóng, thỏa đáng, khiến cho một bộ phận Nhân dân cảm thấy bị bỏ rơi, không được lắng nghe và quan tâm. Để tháo gỡ vấn đề này, cần phải đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên

truyền chính trị tư tưởng cho toàn bộ các tầng lớp Nhân dân, từ đó giúp họ nhận thức rõ ràng hơn về vai trò của mình trong công cuộc xây dựng đất nước. Đồng thời, phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng một hệ thống chính trị thực sự gần gũi và phục vụ Nhân dân. Hơn nữa, cần cải cách, đổi mới các cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để mọi tầng lớp Nhân dân tham gia tích cực vào công cuộc phát triển đất nước, đặc biệt là trong việc phát huy sáng kiến, thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 07- NQ/TW và Nghị quyết số 23-NQ/TW còn một số hạn chế nhất định cần sớm khắc phục. Đó là công tác tuyên truyền phổ biến các mục tiêu, quan điểm, những chủ trương và giải pháp thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ở một số địa phương, nhất là ở cấp huyện và cấp cơ sở có lúc, có nơi còn hạn chế. Ở một số cuộc vận động và phong trào thi đua, hình thức tập hợp, đoàn kết Nhân dân còn mang tính hình thức, phong trào thiếu bền vững và chưa phát huy được tính sáng tạo, tính tự quản của Nhân dân tham gia phong trào. Việc xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch giám sát, phản biện xã hội chưa chủ động, kịp thời, thiếu trọng tâm, trọng điểm, còn hình thức. Một số nơi còn chạy theo thành tích trong việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; công tác vận động nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. “Công tác dân vận có nơi, có lúc còn hạn chế; một số cấp ủy, tổ chức đảng còn xem nhẹ công tác dân vận; việc nắm, đánh giá, dự báo tình hình, nhất là ở những địa bàn phức tạp chưa kịp thời, sâu sát. Công tác vận động, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và trách nhiệm của nhân dân còn một số bất cập. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tập hợp, phát triển đoàn viên, hội viên; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân ở một số nơi chưa thường xuyên, hiệu quả còn thấp, nhất là giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên” [33, tr.205-206].

Giải quyết các mối quan hệ lợi ích có lúc, có nơi chưa thực sự thỏa đáng; lợi ích nhóm tiêu cực còn nhiều biểu hiện phức tạp. Có thể nói, lợi ích là yếu tố trực tiếp kích thích sự lao động, cống hiến và sáng tạo của mỗi cá nhân và cả cộng đồng. Do đó, khi các mối quan hệ lợi ích không được giải quyết một cách hài hòa, thỏa đáng sẽ triệt tiêu động lực của cống hiến và sáng tạo, cản trở việc huy động các nguồn lực và sức sáng tạo của quần chúng. Bên cạnh đó, lợi ích nhóm tiêu cực với nhiều biểu hiện tinh vi, phức tạp là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, khiến cho các nguồn lực dù được huy động cũng sẽ bị lãng phí, sử dụng kém hiệu quả. Lợi ích nhóm tiêu cực còn làm méo mó, biến dạng những chủ trương, chính sách, ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân vào sự nghiệp đổi mới, là lực cản rất lớn đối với việc huy động, phát huy các nguồn lực và sức sáng tạo của Nhân dân.

Nhận thức và thực hành về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân còn hạn chế. Một số người đồng nhất hoàn toàn dân chủ hiện nay với dân chủ xã hội chủ nghĩa theo nghĩa đầy đủ của nó. Một số lại có ảo tưởng muốn đạt ngay một trình độ phát triển cao của dân chủ trong khi nhiều tiền đề khách quan và chủ quan chưa chín muồi. Do không hiểu thực chất dân chủ trong chủ nghĩa tư bản nên một bộ phận Nhân dân ngộ nhận dân chủ đó như là giá trị tuyệt đỉnh mà chủ nghĩa xã hội cũng phải khuôn theo. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, dân chủ và pháp luật còn tồn tại ở không ít người. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và Nhà nước vẫn còn bị hiểu sai lệch, biến thành tập trung quan liêu hoặc dân chủ vô tổ chức. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu đề ra; thủ tục hành chính còn gây phiền hà cho tổ chức và công dân. Tình trạng quan liêu của bộ máy hành chính làm cho yêu cầu quản lý các quá trình kinh tế - xã hội và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân chưa nhanh nhạy và có hiệu quả cao. Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội về cơ bản vẫn chưa thoát khỏi tình trạng quan liêu, chưa sâu sát các tầng lớp Nhân dân và cơ sở; cán bộ của nhiều đoàn thể chính trị - xã hội vẫn trong tình trạng “hành chính hóa”, “viên chức hóa”. Quyền làm chủ của Nhân dân ở một

số nơi, trên một số lĩnh vực còn bị vi phạm. Việc thực hành dân chủ còn mang tính hình thức. Dân chủ quá trớn, dân chủ cực đoan cùng sự độc đoán chuyên quyền vẫn diễn ra ở một số nơi, một số lĩnh vực. Dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp còn nhiều biểu hiện thiếu thực chất, chưa phát huy tốt vai trò của mình; việc thực hiện còn chưa đảm bảo đúng yêu cầu thực tiễn.

Mặt khác, các thế lực thù địch, phản động đang tiến hành chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu chia rẽ Đảng với dân tộc, Đảng với nhân dân, nhằm chống phá cách mạng nước ta, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Các công cụ, phương tiện tiến hành hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam rất đa dạng. Nhiều hội nhóm được lập ra cả ở trong và ngoài nước, như: Việt Tân, Cao trào Nhân bản, BPSOS, Đảng Dân chủ Việt Nam, Hội anh em dân chủ, Hội Cự tù nhân lương tâm, No-U, Hội Nhà báo độc lập Việt Nam, Hội Phụ nữ nhân quyền... Dù tên gọi khác nhau, song vẫn kiểu “bình mới rượu cũ”, quanh quẩn vài ba kẻ xấu giắt dây, điều hành, cùng mục đích chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoạt động chủ yếu được thực hiện qua các diễn đàn trên internet, mạng xã hội, website, blog... để đăng tải các bài viết, hình ảnh, chế phim xuyên tạc với cường độ cao, tính chất “đánh lặn con đen” nhằm gây chia rẽ nội bộ, sự đồng thuận xã hội và tình cảm giữa các dân tộc. Những vấn đề đó làm cho việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Đoàn kết luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta quan tâm và chú trọng thực hiện. Song về mặt phương pháp, cũng có những lúc chúng ta vận dụng chưa tốt, chưa thể hiện đúng đắn và sáng tạo theo chỉ dẫn của Hồ Chí Minh nên dẫn đến một số vấn đề nảy sinh, ảnh hưởng không tốt đến khối đại đoàn kết dân tộc. Tình hình đó, đòi hỏi chúng ta càng phải quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết trong tình hình mới, để tuyên truyền, vận động nhân dân đoàn kết, xây dựng đất nước và làm thất bại âm mưu của kẻ địch. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương pháp đại đoàn kết đã trở thành đường lối chiến lược cách mạng của Đảng ta, soi đường

chỉ lối cho cách mạng nước ta đi đến thắng lợi. Đồng thời nó cũng là phương châm để giải quyết những vấn đề cấp thiết của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới.

Những hạn chế nêu trên khiến chúng ta phải nhìn lại mình, nhất là trong điều kiện hiện nay, nhận thức lại chính mình là một trong những nội dung quan trọng của sự nghiệp đổi mới, nhận thức những hạn chế của mình để tìm cách khắc phục, vượt qua, phá bỏ những rào cản, những trở lực, những sức ỳ khá nặng nề cho bước đi lên của đất nước. Lựa chọn những gì trong nhân sinh quan truyền thống giúp hình thành lối sống, nếp sống mới cho người Việt đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập cần một quá trình và sự sáng suốt không chỉ của một cá nhân, một nhóm xã hội mà của cả cộng đồng. Việc hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực và phát huy những giá trị tích cực của nhân sinh quan truyền thống trong việc hình thành lối sống mới cho người Việt sẽ giúp phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

**** Nguyên nhân khách quan***

Thứ nhất, tác động phức tạp của quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế và đổi mới mô hình phát triển. Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quá trình chuyển đổi này diễn ra trong bối cảnh kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, hệ thống thể chế pháp luật chưa hoàn thiện, cơ chế quản lý còn lúng túng, sự phân hóa giàu - nghèo gia tăng, khiến việc bảo đảm công bằng xã hội và phát huy sức mạnh của quần chúng gặp không ít trở ngại. Trong điều kiện đó, việc vận dụng tư tưởng “thân dân” vào quản lý, điều hành xã hội nhiều lúc bị lỏng ghép với các mục tiêu tăng trưởng kinh tế thuần túy, dẫn đến thiên lệch trong thực hiện chính sách, thiếu chú trọng đến các khía cạnh dân sinh - dân quyền. Nguồn lực trong dân tuy lớn, nhưng nếu không có cơ chế minh bạch, dân chủ và sự phân phối công bằng thì rất khó huy động hiệu quả.

Thứ hai, ảnh hưởng của toàn cầu hóa và các thách thức mới từ môi trường quốc tế. Toàn cầu hóa vừa mang đến cơ hội, vừa đặt ra thách thức đối với việc vận dụng tư tưởng “thân dân”. Một mặt, toàn cầu hóa mở ra điều kiện để người dân được tiếp cận nhiều hơn với tri thức, giá trị phổ quát như dân chủ, nhân quyền, năng lực sáng tạo... Mặt khác, toàn cầu hóa cũng thúc đẩy quá trình cá nhân hóa, làm tăng xu hướng thực dụng, gây ra tâm lý hoài nghi vào các giá trị truyền thống, trong đó có niềm tin vào tổ chức, vào lãnh đạo. Môi trường cạnh tranh quốc tế khốc liệt buộc các cấp chính quyền phải chú trọng vào hiệu quả kinh tế và quản trị kỹ trị, trong khi có thể chưa quan tâm đầy đủ đến các kênh tham vấn ý kiến Nhân dân, chưa thực sự thể hiện đầy đủ tính “thân dân” trong toàn bộ hệ thống hành chính công. Việc thiếu gắn kết thường xuyên giữa Nhân dân với chính quyền là một rào cản khách quan làm hạn chế việc phát huy sức mạnh của quần chúng.

Thứ ba, tiến bộ công nghệ và ảnh hưởng hai chiều của truyền thông - mạng xã hội. Công nghệ số và truyền thông hiện đại đã làm thay đổi cách thức vận động, tiếp nhận và truyền đạt thông tin giữa nhân dân với Nhà nước. Tuy nhiên, trong khi chưa có hệ thống pháp lý và kỹ thuật đầy đủ để điều tiết môi trường số, mạng xã hội trở thành môi trường dễ bị lợi dụng để truyền bá các thông tin sai lệch, gây nhiễu loạn nhận thức xã hội, làm suy giảm niềm tin vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Điều này đặt ra thách thức lớn trong việc duy trì sự thống nhất tư tưởng giữa nhân dân với hệ thống chính trị. Những mâu thuẫn, nghi kỵ, hiểu lầm do thiếu thông tin chính thống hoặc thông tin bị bóp méo dễ làm rạn nứt mối quan hệ giữa lãnh đạo và quần chúng, từ đó cản trở tinh thần “thân dân”, làm suy giảm sức mạnh đoàn kết toàn dân.

Thứ tư, di sản văn hóa - xã hội và những tàn dư tâm lý cũ. Bên cạnh các yếu tố hiện đại, còn tồn tại những tàn dư từ mô hình quản lý xã hội cũ mang tính mệnh lệnh - hành chính nặng nề. Ở một số nơi, tư tưởng “quan trị dân” vẫn tồn tại dưới dạng biểu hiện tinh vi, như sự xa dân, xem nhẹ ý kiến đóng góp từ cơ sở, thiếu cơ chế tiếp thu và xử lý phản hồi của nhân dân một cách nghiêm túc. Hơn nữa, một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý “ủy quyền chính trị”, tức

là giao phó toàn bộ trách nhiệm cho Nhà nước mà chưa chủ động tham gia vào các hoạt động giám sát, xây dựng chính sách. Điều này vừa là hệ quả của cơ chế cũ, vừa là nhân tố khách quan làm hạn chế khả năng phát huy sức mạnh chủ động từ nhân dân.

Thứ năm, sự chống phá từ các thế lực thù địch và chiến lược “diễn biến hòa bình”. Trong thời đại công nghệ thông tin và chiến tranh tâm lý hiện đại, các thế lực thù địch lợi dụng mọi sơ hở, thiếu sót trong công tác dân vận, quản trị xã hội để xuyên tạc, kích động, chia rẽ mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Chúng dùng mạng xã hội, truyền thông xuyên tạc đường lối, chính sách, quy chụp cán bộ, gây hoang mang trong dư luận, làm sụp đổ lòng tin. Chiến lược này gây ra hiệu ứng tiêu cực rõ rệt: ở một số nơi, người dân mất niềm tin vào chính quyền cơ sở, không còn thiết tha tham gia các hoạt động cộng đồng. Khi lòng dân bị xói mòn, thì việc phát huy sức mạnh của quần chúng trở nên khó khăn, và việc vận dụng tư tưởng “thân dân” cũng bị bó hẹp về không gian lẫn thời gian.

*** Nguyên nhân chủ quan**

Thứ nhất, nhận thức về vai trò của Nhân dân có những thời điểm chưa đầy đủ và toàn diện, do đó chưa thực sự khai thác hiệu quả các nguồn lực, phát huy được sức mạnh của toàn xã hội. Điều này dẫn đến tình trạng các nguồn lực trong xã hội chưa được huy động tối đa, chưa khai thác hết tiềm năng của Nhân dân, gây hạn chế trong việc phát triển kinh tế và xã hội. Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thấu hiểu sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về “lấy dân làm gốc”. Một số chủ trương, chính sách được triển khai mà không đủ sự tham khảo ý kiến rộng rãi của Nhân dân, dẫn đến tình trạng các quyết sách này không phản ánh đúng nhu cầu và nguyện vọng của đại bộ phận người dân. Điều này không chỉ gây thất vọng trong nhân dân mà còn làm giảm hiệu quả của các chính sách, đồng thời làm suy giảm niềm tin vào chính quyền.

Thực tế, đã có những lúc, những nơi quyền dân chủ của người dân bị vi phạm. Việc thiếu sự tham gia của Nhân dân vào quá trình hoạch định và thực

thi chính sách khiến cho không ít quyết định chưa mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng. Trong khi đó, quyền tự do kinh doanh, quyền lợi của các tầng lớp dân cư, đặc biệt là những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội, chưa được bảo vệ đầy đủ. Thực tế cho thấy, chính quyền sẽ không phát huy được sự sáng tạo, năng lực và nguồn lực của người dân nếu không thực sự tạo ra một môi trường dân chủ, công bằng và minh bạch.

Hơn nữa, hiệu lực quản lý của Nhà nước trong một số lĩnh vực vẫn còn tồn tại không ít hạn chế. Chính vì “hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao; kỷ luật, kỷ cương không nghiêm; Nhà nước còn can thiệp trực tiếp, quá lớn trong nền kinh tế. Vẫn còn tình trạng bao cấp, xin - cho trong xây dựng và thực hiện một số cơ chế, chính sách” [30, tr.100] đã trở thành một trong những yếu tố dẫn đến việc “chưa tạo được đột phá lớn trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. Quyền tự do kinh doanh chưa được tôn trọng đầy đủ; môi trường đầu tư, kinh doanh không thật sự thông thoáng, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp” [30, tr.99]. Mặc dù trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực cải cách và đổi mới hệ thống quản lý, nhưng vẫn còn tồn tại những vấn đề chưa được giải quyết triệt để. Sự thiếu minh bạch trong một số cơ chế và chính sách khiến cho quá trình thực thi các quyết định của Nhà nước chưa hiệu quả. Các chính sách chưa rõ ràng hoặc có sự thiếu nhất quán trong cách thực hiện sẽ làm cho người dân và các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc áp dụng và tuân thủ các quy định pháp lý. Tình trạng này tạo ra một môi trường thiếu tin cậy, khiến cho các nguồn lực xã hội không được huy động và sử dụng hiệu quả, cản trở sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ hai, sự nhận thức chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc của một bộ phận cán bộ, đảng viên về vị trí và vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thì “một số cán bộ, đảng viên còn có hạn chế về năng lực và trình độ chuyên môn, điều này cũng làm giảm hiệu quả lãnh đạo của Đảng” [145, tr. 34]. Việc thiếu năng lực, kiến thức chuyên môn

khiến cho công tác lãnh đạo và quản lý thiếu tính hiệu quả, thiếu linh hoạt, và có phần bảo thủ. Các quyết sách, dù có mục tiêu tốt đẹp, nhưng không được triển khai kịp thời và phù hợp với thực tế, khiến người dân cảm thấy không được đáp ứng đầy đủ nguyện vọng, dẫn đến sự thiếu tín nhiệm vào các cơ quan lãnh đạo. Điều này còn thể hiện qua phương thức lãnh đạo và sinh hoạt của nhiều tổ chức Đảng, vẫn còn mang nặng tính hình thức, thiếu sự sáng tạo và đổi mới. Thay vì chủ động giải quyết những vấn đề thiết thực của đời sống nhân dân, một số cán bộ lại tập trung vào các công việc mang tính hình thức, không thực sự mang lại giá trị thực tiễn cho cộng đồng.

Ngoài những hạn chế về nhận thức và năng lực, một vấn đề nghiêm trọng hơn là “sự thoái hóa, biến chất về đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên”. Những người này không những thiếu gương mẫu trong việc tu dưỡng đạo đức, mà còn có những hành vi sai trái, tham nhũng, lạm dụng quyền lực. Sự suy thoái về đạo đức, phẩm hạnh của một số cán bộ không chỉ làm suy yếu bộ máy Đảng và Nhà nước mà còn gây ra những hệ lụy nghiêm trọng đối với niềm tin của người dân. Khi những cán bộ này thiếu trách nhiệm và phẩm chất, họ không chỉ gây ra sự bất mãn trong dân mà còn cản trở sự thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng. Đây là một trong những nguyên nhân sâu xa khiến cho các chủ trương của Đảng dù có tính đúng đắn, nhưng khi áp dụng vào thực tiễn lại gặp phải sự cản trở hoặc thực hiện không triệt để.

Thứ ba, cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, song chưa đạt kỳ vọng. Có thể thấy, tham nhũng là một hiện tượng xã hội tiêu cực có tính lịch sử, xuất hiện gắn liền với sự xuất hiện chế độ tư hữu và các thiết chế quyền lực xã hội. Trong các dạng quyền lực xã hội thì quyền lực Nhà nước là một dạng quyền lực dễ bị lợi dụng để tham nhũng. Nói cách khác, tham nhũng, tiêu cực tồn tại ở mọi chế độ xã hội, với những biểu hiện và mức độ khác nhau, tùy thuộc bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia, khu vực. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, tham nhũng, tiêu cực dần trở lên nghiêm trọng tại nước ta. Vì vậy,

Đảng ta khẳng định, tham nhũng là “quốc nạn”, là “giặc nội xâm” và lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt vấn đề phòng, chống tham nhũng, nhất là sau các Nghị quyết Trung ương lần thứ 4 khóa XI và XII.

Để khơi dậy và phát huy tính tích cực của Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, ngoài việc cần phải thực thi luật pháp nghiêm minh, phải kiên quyết trừng trị những hành vi phạm pháp chống lại Nhân dân, ngoài việc bản thân những cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là những cán bộ giữ những trọng trách cao trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước phải là những tấm gương mẫu mực trong đạo đức, lối sống thì việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ văn hóa dân chủ trong Nhân dân phải được coi trọng, được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, nghĩa là “phải làm sao cho Nhân dân biết hưởng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm...” [81, tr.225], như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy chúng ta.

Thứ tư, công tác dân vận của Đảng, mặc dù đã đạt được một số kết quả tích cực trong việc gắn kết Nhân dân với chính quyền và các tổ chức đoàn thể, nhưng vẫn còn không ít hạn chế, làm ảnh hưởng đến hiệu quả trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Một trong những yếu tố cốt lõi tạo nên sự hạn chế này là sự lúng túng trong việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể và tổ chức quần chúng. Các tổ chức này chưa thật sự đáp ứng được kỳ vọng và nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp Nhân dân, khiến cho mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân chưa thực sự gắn bó, đồng thuận. Điều này xuất phát từ một số yếu tố chủ quan. Một mặt, một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự nhận thức rõ về vai trò quan trọng của công tác dân vận. Hơn nữa, không ít nơi còn xảy ra tình trạng vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, khiến cho một bộ phận người dân cảm thấy bị bỏ qua, không được lắng nghe và tham gia vào các quyết định quan trọng liên quan đến đời sống của mình. Sự thiếu hiệu quả trong công tác dân vận cũng thể hiện rõ qua việc nhiều tổ chức quần chúng chưa thật sự đại diện và bảo vệ quyền lợi của các tầng lớp Nhân dân. Các đoàn thể và tổ chức quần chúng ở một số nơi chưa thể

hiện được tính hiệu quả trong việc phản ánh những nguyện vọng và yêu cầu chính đáng của Nhân dân, dẫn đến sự chậm trễ trong giải quyết các vấn đề bức xúc. Việc này càng làm tăng sự bất mãn, thiếu đồng thuận trong xã hội, từ đó ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

Để khắc phục tình trạng trên, công tác dân vận của Đảng cần được đổi mới và nâng cao, đặc biệt là trong việc đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể và tổ chức quần chúng. Các tổ chức này phải thực sự là cầu nối giữa Đảng và Nhân dân, phải lắng nghe và bảo vệ quyền lợi của người dân một cách chân thành, cởi mở, và chủ động trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Đồng thời, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của việc thực thi quyền làm chủ của Nhân dân, để từ đó xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, và văn minh.

Những yếu tố này tạo ra những rào cản, đòi hỏi cần có sự thích ứng, đổi mới tư duy và phương thức tổ chức thực tiễn từ phía Đảng, Nhà nước cũng như toàn hệ thống chính trị. Việc nhận diện đúng nguyên nhân khách quan, chủ quan sẽ giúp đưa ra các giải pháp chính xác hơn để tiếp tục nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân một cách thực chất và hiệu quả trong giai đoạn mới.

Tiểu kết chương 3

Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang mở rộng hội nhập quốc tế và đạt được những bước phát triển mạnh mẽ, tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục giữ nguyên giá trị quan trọng, là nền tảng vững chắc để xây dựng chính quyền và phát huy sức mạnh của Nhân dân.

Chương 3 của luận án đã tiến hành phân tích thực trạng áp dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh qua ba phương diện: (1) Phát huy các nguồn lực vật chất trong dân, (2) Phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân, (3) Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mỗi phương diện này đều có những thành tựu đáng ghi nhận, song cũng không thiếu hạn chế, qua đó chỉ rõ những yếu tố cần cải thiện để nâng cao hiệu quả trong việc vận dụng tư tưởng này vào thực tiễn giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, trong việc phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân, mặc dù đã có sự gia tăng đáng kể trong các phong trào thi đua yêu nước và sự tham gia của Nhân dân vào các công cuộc phát triển đất nước, nhưng không phải lúc nào các chính sách và hoạt động cũng phản ánh đầy đủ nguyện vọng và mong muốn sâu sắc của Nhân dân. Điều này dẫn đến tình trạng một bộ phận Nhân dân cảm thấy chưa được lắng nghe, chưa được quan tâm đúng mức. Tư tưởng “thân dân” vì vậy cần phải được cụ thể hóa và điều chỉnh linh hoạt sao cho phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể. Cách tiếp cận này không chỉ đảm bảo quyền lợi của Nhân dân mà còn khơi dậy và phát huy tối đa các tiềm năng của họ, tạo ra sức mạnh tổng hợp trong công cuộc xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Vì vậy, nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tế không chỉ là một yêu cầu cấp thiết mà còn là nhiệm vụ quan trọng trong việc phát huy sức mạnh của Nhân dân trong thời đại mới.

Chương 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hiện nay, công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước bước vào “kỷ nguyên mới” - “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, đòi hỏi huy động mọi tiềm năng, sức người, sức của, phấn đấu cho mục tiêu “giàu mạnh, dân chủ, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc”. Do đó, hơn lúc nào hết trong thời kỳ này, việc nghiên cứu luận cứ khoa học cho việc tìm ra những giải pháp nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng Nhân dân có ý nghĩa vừa cấp bách, vừa cơ bản. Những giải pháp đó phải đánh giá cho đúng tiềm năng sức mạnh của quần chúng Nhân dân Việt Nam, khơi dậy những tiềm năng trong nhân tố con người và biến nó thành hiện thực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

4.1. TIẾP TỤC PHÁT HUY VAI TRÒ TÍCH CỰC, SÁNG TẠO CỦA CÁC CHỦ THỂ TRONG VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Thứ nhất, phát huy vai trò tích cực, sáng tạo của các chủ thể lãnh đạo, quản lý.

Các chủ thể lãnh đạo, quản lý cần xây dựng một kế hoạch tổng thể, lộ trình chi tiết nhằm vận dụng tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng Nhân dân ở Việt Nam hiện nay; thực hiện tốt mối quan hệ bao trùm: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Cụ thể:

Một là, tôn trọng và phát huy vai trò, quyền làm chủ của Nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng. Đảng và Nhà nước phải làm cho người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh

thần của Nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Hai là, nghị quyết Đảng phải thể hiện được trí tuệ và lòng dân. Một nội dung hết sức quan trọng là Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ trí tuệ và lợi ích của Nhân dân. Đây là việc làm khó nhưng phải làm tốt thì mới tạo được niềm tin của dân. Đảng phải hiểu tâm tư nguyện vọng của Nhân dân và thực sự mang lại lợi ích cho toàn dân, có cơ chế để Nhân dân bày tỏ ý kiến đối với những quyết định lớn, tham gia các công việc của Đảng, khắc phục lỗi làm việc quan liêu, xa dân. Cần nghiên cứu kỹ lưỡng, lắng nghe và tiếp thu những ý kiến xác đáng của Nhân dân khi xây dựng các chủ trương, chính sách, để chính sách sát hợp với lòng dân, tác động tích cực vào sản xuất và bảo đảm đời sống của Nhân dân.

Ba là, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và lợi ích của Nhân dân. Cần chú trọng kết hợp hài hòa sự phát triển kinh tế với bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội trên phạm vi cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, địa phương, mỗi người dân. Trong đó, một yếu tố quan trọng, có tính quyết định là phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nắm bắt, vận động Nhân dân. Sự nghiệp đổi mới là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân cho nên mọi chủ trương, chính sách của Đảng đều phải xuất phát từ dân, dựa vào dân để thực hiện. Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của Nhân dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào Nhân dân, xuất phát từ thực tiễn và thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát hiện nhân tố mới, từng bước tìm ra quy luật phát triển, đó là chìa khóa của thành công.

Bốn là, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nêu cao tính tiên phong, tinh thần gương mẫu, trách nhiệm phục vụ Nhân dân. Đảng ta có vai trò lãnh đạo toàn xã hội và nhà nước. Trong thực tế mấy chục năm qua, Đảng đã được Nhân dân tin yêu, ủng hộ. Tuy nhiên, Đảng sẽ không được Nhân dân tín nhiệm nữa nếu rơi vào yếu kém, không trong sạch, không vững mạnh.

Do đó, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới và tự chỉnh đốn. Đây là yêu cầu của chính sự nghiệp cách mạng trong tất cả các thời kỳ và luôn có tính thời sự. Đây là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh, là sự quan tâm hàng ngày của Người nhằm giáo dục cho toàn Đảng tinh thần luôn luôn rèn luyện, phấn đấu vì tự tin yêu của Nhân dân mà giờ đây, toàn Đảng cũng như từng tổ chức Đảng và từng cán bộ, đảng viên phải ra sức thực hiện, nhất là theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII của Đảng, thực hiện những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *Di chúc* của Người.

Năm là, xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân. Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị, vì thế việc đổi mới hệ thống chính trị là cơ sở để nâng cao trình độ thực hiện dân chủ. Chính quyền đó phải là chính quyền công khai, dân chủ. Do đó, cần phải: i) Tăng cường vai trò của cơ quan dân cử. Các cơ quan dân cử được Nhân dân bầu ra để đại diện cho Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của dân; *ii) Xây dựng quy chế làm việc nghiêm túc của các cơ quan chính quyền các cấp.* Quy định rõ chức năng, quyền hạn của từng tổ chức, cá nhân, quy định mối quan hệ công tác giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể Nhân dân, các tổ chức kinh tế xã hội; *iii) Xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền và Nhân dân,* tạo điều kiện để Nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng chính quyền cơ sở, tham gia trực tiếp vào công tác kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của bộ máy chính quyền; *iv) Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trong các hoạt động của chính quyền cơ sở* với mục tiêu là xây dựng một nền hành chính dân chủ. Đó là một nền hành chính sát dân, sát cơ sở. Cải cách hành chính ở cơ sở cần tập trung xây dựng đội ngũ công chức có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chức danh và chế độ công vụ; tập trung cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm bớt sự phiền hà đối với công dân, xử lý đúng đắn, nhanh gọn những vấn đề có quan hệ đến đời sống, lợi ích của Nhân dân, có như vậy Nhân dân mới tin tưởng chính quyền, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở mới có kết quả.

Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh đòi hỏi phải chú trọng

bảo đảm và phát huy quyền làm chủ thực sự của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, quyền làm chủ của Nhân dân phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp và pháp luật, đưa Hiến pháp và pháp luật vào trong cuộc sống, cần chú ý đến việc bảo đảm cho mọi người được bình đẳng trước pháp luật, xử phạt nghiêm minh mọi hành động vi phạm pháp luật, bất kể sự vi phạm đó do tập thể hoặc cá nhân nào gây ra, như vậy mới có được niềm tin vững chắc từ Nhân dân và bảo đảm được tính chất dân chủ, pháp quyền của Nhà nước ta.

Thứ hai, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đoàn thể.

Đổi mới tổ chức và phát huy vai trò, phương thức hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở nhằm củng cố tăng cường cơ sở chính trị của quyền lực nhà nước; nâng cao chất lượng phối hợp và thống nhất hành động của các tầng lớp dân cư trong thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng các quyết sách chính trị của tổ chức Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Bằng cách đó, Nhân dân thực hiện được quyền giám sát, kiểm tra việc thực hiện dân chủ, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp Nhân dân, bảo vệ Đảng và chính quyền, góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước từ cơ sở. Để thực hiện những mục tiêu đó, trước hết Đảng và cơ quan quyền lực Nhà nước phải cùng bàn bạc, tham khảo ý kiến của các đoàn thể chính trị xã hội về những quyết định và chủ trương lớn.

Đảng lãnh đạo quần chúng bằng vận động, thuyết phục, nêu gương chứ không phải bằng mệnh lệnh bắt buộc. Thông qua Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội khác để cùng bàn bạc dân chủ với dân và các tổ chức đại diện của dân với tư cách là một thành viên. Đảng không thể đứng ngoài Mặt trận, đứng trên Mặt trận để buộc Mặt trận chấp hành ý kiến của mình, đó là một nguyên tắc, chỉ như vậy, quyền lực chính trị mới trở thành của Nhân dân thật sự trong thực tế.

Các tổ chức chính trị - xã hội là những chủ thể của hệ thống chính trị. Hoạt động của các tổ chức ấy được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để các tổ chức đó hoạt động có hiệu quả cần xây dựng, hoàn thiện điều lệ của từng tổ chức. Điều lệ, phương thức tổ chức và hoạt động phải dân chủ và hướng vào thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Mặt trận và các đoàn thể mới có khả năng làm việc theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, cùng hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung. Nhờ đó, những thiếu sót trong hoạt động của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị sẽ được khắc phục. Trên cơ sở đó, hệ thống chính trị mới vận hành thông suốt, có hiệu lực nhằm thực hiện dân chủ rộng rãi đem lại quyền lực thực sự cho Nhân dân lao động.

Thứ ba, phát huy vai trò tích cực, sáng tạo, nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Cán bộ là “cái gốc” của mọi công việc, việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay xấu. Theo đó, đội ngũ cán bộ các cấp đặc biệt là người đứng đầu ở cơ quan, đơn vị, địa phương phải phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của mình là hạt nhân đoàn kết, bám sát mọi hoạt động của quần chúng nhân dân, biết lắng nghe, chia sẻ với khó khăn, vất vả của người dân, tuyệt nhiên không được khinh thường Nhân dân, người lao động chân tay; gắn việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với quá trình công tác của đội ngũ cán bộ các cấp để phát hiện, xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật đối với cán bộ vi phạm nguyên tắc, Điều lệ, Cương lĩnh của Đảng. Trong mọi hoạt động của mình, đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu phải luôn đặt chữ “Tâm”, chữ “Trí” để giải quyết các mối quan hệ, ứng xử, xây dựng tác phong gần gũi, chân thành giữa cán bộ với cán bộ và giữa cán bộ với Nhân dân. Đó không chỉ góp phần đưa nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào thực tiễn cuộc sống, mà còn tạo tình thần, khí thế thi đua sôi nổi trong toàn xã hội.

Vấn đề nêu gương, gương mẫu của cán bộ, đảng viên luôn được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm. Theo Người “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền [80, tr.284]; “Lấy gương người tốt việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới” [94, tr.672]. “Nêu gương” là phương pháp giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hành đạo đức cách mạng, xây dựng nền tảng xã hội mới. Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, “nêu gương” là một trong những phương pháp vận động nhân dân hữu hiệu nhất. Để tập hợp được lực lượng, vận động được quần chúng, được quần chúng tin tưởng, sẵn sàng tham gia và hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, thì người đảng viên, người cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là những cán bộ trực tiếp làm công tác dân vận phải là những tấm gương sống. Trước lúc đi xa, Người căn dặn: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” [94, tr.622].

Cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu phải trở thành tấm gương: “Nói đi đôi với làm”; “Nói ít, làm nhiều”, hướng về dân, gần dân, hiểu dân, trọng dân, tin dân, học dân, dựa vào dân để đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nhiệm vụ, cán bộ và cấp ủy các cấp phải sâu sát với công việc và sâu sát với nhân dân; dựa vào nhân dân để kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải luôn thấu hiểu và quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Hồ Chí Minh, “Đảng cầm quyền, nhưng nhân dân là chủ, quyền là do nhân dân ủy nhiệm, nên phải dốc lòng phục vụ Tổ quốc, phụng sự nhân dân”. Cán bộ dân vận phải luôn ghi nhớ tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Hễ còn một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ. Cho nên Đảng vừa phải lo

tính công việc lớn như đổi mới nền kinh tế và văn hóa lạc hậu của nước ta thành nền văn hóa tiên tiến, đồng thời luôn luôn quan tâm đến những công việc nhỏ như tương, cà mắm, muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân” [89, tr.4]. Từ đó, có ý thức và hành động, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Để phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực hiện tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh, cần làm tốt những nội dung sau:

i). Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc nêu gương trong thực hiện tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ: “Người đảng viên, người cán bộ tốt muốn trở nên người cách mạng chân chính, không có gì là khó cả. Điều đó hoàn toàn do lòng mình mà ra. Lòng mình chỉ biết vì Đảng, vì Tổ quốc, vì đồng bào thì mình sẽ tiến đến chỗ chí công, vô tư. Mình đã chí công, vô tư thì khuyết điểm sẽ càng ít...” [84, tr.251]. Mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, cần nêu cao tinh thần tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của người đảng viên cộng sản, để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Trong điều kiện cách mạng hiện nay, nêu cao nhận thức về tầm quan trọng, tính tiên phong, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, thể hiện ở: Tiên phong, gương mẫu về nhận thức lý luận, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; Tiên phong, gương mẫu về bản lĩnh, phẩm chất chính trị; Tiên phong, gương mẫu về phẩm chất đạo đức cách mạng; Tiên phong, gương mẫu về trình độ, năng lực công tác; Tiên phong, gương mẫu về phong cách công tác, quan hệ mật thiết với nhân dân.

ii). Nâng cao tính chủ động, tích cực, tự giác nêu gương của cán bộ, đảng viên trên các mặt công tác và trong cuộc sống.

Việc nêu gương của cán bộ, đảng viên phải thể hiện toàn diện trên các mặt về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không sa vào chủ nghĩa cá nhân, không quan liêu, tham nhũng,

lãng phí; không bị lợi ích vật chất cám dỗ, không bị chi phối bởi “lợi ích nhóm”, “tư duy nhiệm kỳ”; quan hệ với nhân dân; trách nhiệm trong công tác; ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ... Trong đó, nội dung nêu gương về trách nhiệm trong công tác, cần nêu cao ý thức trách nhiệm, tận tụy với công việc; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; nói đi đôi với làm, đó là yêu cầu bắt buộc, là nguyên tắc cao nhất của phong cách nêu gương, là thước đo, tấm gương phản chiếu tư cách của người cán bộ, đảng viên.

Việc nêu gương không chỉ ở cơ quan đơn vị, mà trong cuộc sống cũng cần. Cụ thể: Trong cuộc sống hàng ngày, trong gia đình thì ông bà, cha mẹ làm gương cho con cháu, anh chị phải làm gương cho em...; là công dân nơi cư trú phải là tấm gương tốt giúp cho nhân dân nhìn vào để làm những điều đúng, điều thiện, chống lại những cái ác, cái sai. Đó chính là học và làm theo phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

iii). Đẩy mạnh bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Người cán bộ cần phải giữ vững lập trường, quan điểm, kiên định về tư tưởng chính trị, rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, có tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, miệt mài tay làm, có năng lực thực tiễn và uy tín với quần chúng. Phải luôn nêu cao tác phong trọng dân, gần dân, học dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin. Luôn tận trung với nước, tận hiếu với dân, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, thường xuyên tự phê bình và phê bình, là hạt nhân của các phong trào quần chúng. Người dân tiếp thu và thực hiện những chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước chủ yếu là qua đội ngũ cán bộ. Vì vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh vững vàng, năng lực tốt, thạo nghiệp vụ, có tác phong làm việc sát dân, tôn trọng dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, biết lắng nghe và tiếp thu ý kiến xác đáng của các tầng lớp Nhân dân, hướng dẫn Nhân dân khi họ có yêu cầu để được giải quyết công việc một cách thuận lợi và làm gương để dân tin là điều hết sức quan trọng đồng thời cũng là

đòi hỏi của Nhân dân đối với những công bộc đầy tớ của mình. Cụ thể hoá các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức vào nội quy, quy chế làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước, giáo dục nâng cao ý thức phục vụ Nhân dân làm cho cán bộ, công chức thực sự là công bộc của dân.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức là những người ăn lương từ nguồn ngân sách của Nhà nước do dân đóng góp. Chính vì vậy, mọi cán bộ công chức không được xa hoa, lãng phí của công, phải sẵn sàng phục vụ nhân dân, luôn luôn nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng, sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân mình cho Tổ quốc, lấy phục vụ cho quyền lợi chính đáng của nhân dân làm mục tiêu cho hoạt động của mình. Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là công bộc của nhân dân. Đặc biệt, phải chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, hách dịch, phải luôn luôn gần dân, hiểu dân, vì dân. Cán bộ, công chức xa dân, quan liêu, hách dịch, cửa quyền... đối với Nhân dân đều dẫn đến nguy cơ làm suy yếu Đảng, Nhà nước, thậm chí làm biến chất chế độ của ta. Đội ngũ cán bộ công chức của Đảng phải là những người toàn tâm, toàn ý phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, phải là những người vừa hồng, vừa chuyên, vừa có đức, có tài. Cán bộ phải là người luôn luôn giác ngộ cách mạng, đi đầu trong mọi công tác, phải bằng hành động thực tế gương mẫu thì dân mới tin, mới yêu, mới kính, mới phục.

Cán bộ, công chức luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và Nhân dân, thật sự tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong mọi công việc, xử lý hài hòa các lợi ích, đặt lợi ích của Tổ quốc, của Nhân dân lên trên hết. Đồng thời, Đảng và Nhà nước phải luôn đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện cán bộ, công chức để mỗi cán bộ, công chức thực sự là tấm gương sáng về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, hết lòng vì nhân dân, vì sự nghiệp cách mạng; tạo điều kiện để cán bộ công tác, lao động có năng suất, chất lượng hiệu quả, bảo đảm đời sống và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Mục tiêu chung là xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức lối sống lành mạnh, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; có tư duy đổi mới, sáng tạo, có

kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; có tinh thần đoàn kết, hợp tác, ý thức tổ chức, kỷ luật cao và phong cách làm việc khoa học, tôn trọng tập thể, gắn bó với nhân dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Việc bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở là một quá trình kiên trì, bền bỉ và lâu dài. Khi mà các tư tưởng tàn dư lạc hậu còn tồn tại trong thời kỳ quá độ thì người cán bộ chủ chốt ở cơ sở chưa thể dễ dàng từ bỏ các tư tưởng lạc hậu đã ăn sâu và trở thành thói quen. Vì vậy, phải tiến hành bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng một cách thường xuyên mới có thể nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Song song với đó, thì bản thân mỗi cán bộ, đảng viên cũng phải nhận thức đầy đủ về vị trí của mình, tự bồi dưỡng, tự rèn luyện đạo đức cách mạng đạt hiệu quả cao. Để làm tốt những vấn đề cơ bản cần thực hiện một số nội dung như: (1) Xây dựng động cơ, trách nhiệm tự bồi dưỡng, tự rèn luyện đúng đắn; (2) Xác định nội dung, phương pháp tự bồi dưỡng, tự rèn luyện phù hợp; (3) Đổi mới chính sách cán bộ nhằm phát huy tính tự giác bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh của đội ngũ cán bộ, đảng viên; (4) Tăng cường sự định hướng, quản lý, kiểm tra, giúp đỡ của cấp ủy đối với hoạt động tự bồi dưỡng, tự rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

iv). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền kết hợp với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, công tác giảng dạy tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các tổ chức đảng và Trung tâm bồi dưỡng chính trị nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, trong nhận thức và hành động của mỗi cá nhân, đơn vị.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện việc thực hiện Chỉ thị 05 gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhằm cảnh tỉnh, cảnh báo, phát hiện từ sớm, kịp thời

ngăn chặn vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm cho việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, thực sự đi vào nền nếp, thực chất, hiệu quả.

Thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi quyền lực của người có chức, có quyền, theo hướng quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó. Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế đối với cán bộ làm việc kém hiệu quả, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp. Xây dựng quy định và thực hiện nghiêm việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của Nhân dân đối với cơ quan, cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết công việc với công dân; có biện pháp kịp thời xử lý những cán bộ, đảng viên có chỉ số hài lòng thấp. Có chế tài đủ mạnh và phải kiên quyết xử lý đối với các hành vi vi phạm kỷ cương, kỷ luật, nhất là đối với các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Bên cạnh đó, cần tập trung phát hiện ra những nhân tố điển hình, nhất là những mô hình, giải pháp triển khai thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên đem lại hiệu quả thiết thực, có sức ảnh hưởng tích cực đến cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và Nhân dân đối với cán bộ, đảng viên trong thực hiện quy định nêu gương. Xử lý kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm. Khen thưởng, biểu dương, động viên kịp thời những mô hình hay, các điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu.

Tư tưởng và phong cách nêu gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là “kim chỉ nam”, là những chỉ dẫn rất cần thiết và quý báu cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Vì vậy, việc phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên hiện nay theo tư tưởng, phong cách Hồ Chí Minh cần được thực hiện nghiêm túc, thực chất, hiệu quả, nhằm không ngừng tu dưỡng, rèn luyện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống để xứng đáng là “người đầy tớ trung thành của nhân dân” đúng như lời căn dặn của Bác, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đảng đã đề ra.

Thứ tư, phát huy vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân mỗi người dân.

Công cuộc đổi mới ở Việt Nam nhằm tới sự phát triển của đất nước, của Nhân dân ta. Để đi đúng định hướng đó, điều kiện tiên quyết ở chỗ xác định rõ ràng và dứt khoát chủ thể của cách mạng là Nhân dân. Điều đó được Hồ Chí Minh khẳng định, xem là tiêu chí mang tính nguyên tắc, vừa là mục tiêu tiên quyết cần đạt tới vừa là ngọn nguồn tạo nên sức mạnh có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng không chỉ là công việc quan trọng, sống còn của Đảng, mà còn là công việc, trách nhiệm của Nhân dân, bởi Đảng ta không có mục tiêu nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Nhân dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng, là nguồn gốc mọi sức mạnh của Đảng; phục vụ Nhân dân là mục tiêu duy nhất, mục tiêu tối thượng, là bản chất của Đảng. Phát huy vai trò của Nhân dân và dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng là một nguyên tắc xây dựng Đảng theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân nhằm xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mỗi cá nhân phải có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của mỗi cá nhân phải có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của cá nhân và cộng đồng, sự cần thiết phải phát huy tiềm năng vốn có, tin tưởng vào thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã lựa chọn.

Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phụ thuộc vào ý thức, trách nhiệm và quyết tâm của mỗi cá nhân, tổ chức cũng như toàn dân tộc. Tuy nhiên, để tồn tại và phát huy vai trò của mình trong cơ chế thị trường, đòi hỏi mỗi cá nhân phải chuẩn bị cho mình những hành trang cần thiết, tự trang bị cho mình những phẩm chất năng lực phù hợp để cạnh tranh, để vươn lên và để khẳng định mình.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nói về trách nhiệm công dân, mỗi người cần chuẩn bị một số phẩm chất làm nền móng, bao gồm: Năng lực giáo dục: Được coi là nền tảng cơ bản, mỗi công dân cần làm tất cả những gì để có thể nâng cao năng lực học hành, nâng cao kỹ năng để đạt

mức sống cao hơn; Năng lực về sự linh hoạt: Nền kinh tế hiện đại liên tục thay đổi và tái cơ cấu, do đó, mỗi người phải nắm bắt và thích ứng linh hoạt với sự thay đổi đó; Năng lực về sự tự chủ: Mỗi cá nhân tự chịu trách nhiệm cá nhân, không trông chờ, dựa dẫm người khác chịu trách nhiệm cho mình. Ba yếu tố này sẽ giúp mỗi cá nhân cạnh tranh tốt hơn để phát huy sức mạnh của bản thân trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

4.2. ĐA DẠNG HÓA CÁC PHƯƠNG THỨC VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH GẮN VỚI TỪNG ĐIỀU KIỆN THỰC TIỄN CỤ THỂ

4.2.1. Vận dụng tư tưởng “thân dân” trong phát huy sức mạnh của quần chúng Nhân dân ở Việt Nam trên cơ sở kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn với thực tiễn đất nước trong từng điều kiện cụ thể

Tư tưởng “thân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với quan điểm “lấy dân làm gốc”, coi Nhân dân là chủ thể của mọi sự nghiệp cách mạng, là nền tảng vững chắc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh đất nước hiện nay, tư tưởng “thân dân” không chỉ vẫn còn nguyên giá trị mà còn là kim chỉ nam quan trọng để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong mọi lĩnh vực phát triển kinh tế, chính trị và xã hội. Tuy nhiên, việc vận dụng tư tưởng này trong thực tiễn đòi hỏi chúng ta phải kiên định những nguyên tắc, mục tiêu cốt lõi và linh hoạt, sáng tạo trong phương thức, cách thức tổ chức và triển khai cho phù hợp với từng điều kiện cụ thể của từng giai đoạn lịch sử. Cụ thể:

Kiên định với tư tưởng “thân dân” không có nghĩa là áp dụng máy móc, mà là kiên trì với những nguyên lý cốt lõi mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân”; “Lấy dân làm gốc”; “Dân là chủ, dân làm chủ”. Đây là những nguyên tắc không thể thay đổi, không thể lãng quên trong công tác lãnh đạo, quản lý và phát triển đất nước. Kiên định với tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân hiện nay bao gồm các nội dung:

Một là, lấy dân làm gốc, đặt quyền lợi của Nhân dân lên trên hết.

Nguyên tắc đầu tiên khi vận dụng tư tưởng “thân dân” chính là phải luôn lấy dân làm gốc, coi Nhân dân là trung tâm của mọi quyết sách. Điều này có nghĩa là mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ nhu cầu và lợi ích thiết thực của Nhân dân, không thể chỉ dừng lại ở lý thuyết hay quyết định từ trên xuống. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang đối mặt với nhiều thử thách mới như hội nhập quốc tế, biến đổi khí hậu, các vấn đề xã hội phức tạp, đòi hỏi chúng ta phải kiên định với việc xây dựng chính sách vì lợi ích lâu dài của Nhân dân, chứ không chỉ đơn thuần là giải quyết các vấn đề tức thời. Việc kiên định với nguyên tắc này sẽ giúp củng cố lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, qua đó phát huy tối đa sức mạnh của Nhân dân trong mọi lĩnh vực.

Hai là, bảo đảm dân là chủ, dân làm chủ.

Nguyên tắc thứ hai khi vận dụng tư tưởng “thân dân” là phải đảm bảo cho Nhân dân quyền làm chủ thực sự. Đây là sự khẳng định về dân chủ trong xã hội, là việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân trong mọi chính sách và quyết định của Nhà nước. Để thực sự phát huy sức mạnh của Nhân dân, cần tạo ra một môi trường chính trị thông thoáng, minh bạch, nơi mà mỗi công dân đều có thể tham gia vào các quá trình ra quyết định quan trọng liên quan đến cuộc sống của họ. Quyền làm chủ của Nhân dân không chỉ thể hiện trong quyền bầu cử, quyền tham gia vào các hội đồng nhân dân mà còn phải mở rộng trong việc tham gia giám sát các chính sách công, phát huy vai trò của quần chúng trong việc bảo vệ quyền lợi chung của cộng đồng. Chỉ khi nào người dân thực sự cảm thấy họ là những người quyết định và là những người hưởng lợi từ sự phát triển, họ mới có thể cống hiến hết mình cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

Ba là, chú trọng xây dựng mối quan hệ gần gũi giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Tư tưởng “thân dân” không chỉ là một yêu cầu về chính sách mà còn là một quan điểm về cách thức tổ chức và vận hành bộ máy nhà nước. Đó là sự

gắn kết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Để phát huy sức mạnh của Nhân dân, không thể có sự phân biệt, xa cách giữa các cơ quan nhà nước với người dân. Việc tổ chức các cuộc đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo các cấp với Nhân dân, những hội nghị tiếp xúc cử tri, hay các hình thức tham vấn cộng đồng là một trong những biện pháp hữu hiệu để tăng cường mối quan hệ này. Mọi chính sách, dù mang tính vĩ mô hay vi mô, đều cần được sự đồng thuận và ủng hộ từ quần chúng. Điều này không chỉ giúp tăng cường sự ổn định xã hội mà còn tạo ra nguồn động lực mạnh mẽ để triển khai các chính sách thành công.

4.2.2. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng trong việc vận động và tổ chức Nhân dân

Các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, Công đoàn, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... là hiện thân của sự kết nối giữa Nhà nước và Nhân dân. Những tổ chức này không đơn thuần là cánh tay nối dài của Đảng mà còn là không gian để Nhân dân thực hành quyền làm chủ, là nơi phát huy trí tuệ và nguyện vọng của cộng đồng.

Để phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng trong việc vận động và tổ chức Nhân dân một cách hiệu quả, cần triển khai một hệ thống phương thức toàn diện, bao gồm:

Thứ nhất, dân chủ hóa từ cơ sở - nền tảng của sự tham gia. Phương thức đầu tiên và quan trọng nhất là thiết lập và củng cố các thiết chế dân chủ từ cơ sở. Dân chủ không chỉ là hình thức bỏ phiếu, mà là quá trình thường xuyên tham gia, đối thoại và phản biện của người dân đối với các vấn đề liên quan đến cuộc sống của họ. Các tổ chức chính trị - xã hội cần khơi dậy sức mạnh cộng đồng thông qua các mô hình “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đây chính là phương thức đưa tư tưởng “dân là chủ” vào thực tiễn quản trị cộng đồng, góp phần xây dựng một nền dân chủ thực chất.

Thứ hai, phát triển không gian đối thoại xã hội. Một trong những biểu hiện cao nhất của tư tưởng thân dân là việc tạo ra các kênh đối thoại thực chất

giữa chính quyền và Nhân dân. Các tổ chức chính trị - xã hội cần chủ động tổ chức các diễn đàn nhân dân, hội nghị công dân, các cuộc tiếp xúc cử tri mở rộng để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Đối thoại không chỉ là phương thức giao tiếp, mà còn là một hình thức triết học của sự công nhận lẫn nhau (theo Habermas), nơi mỗi tiếng nói đều được lắng nghe, mỗi quan điểm đều được tôn trọng. Chính qua đối thoại, Nhà nước và Nhân dân cùng nhau xây dựng niềm tin - yếu tố cốt lõi của một cộng đồng chính trị vững mạnh.

Thứ ba, đổi mới công tác dân vận theo hướng chuyên nghiệp và linh hoạt. Công tác dân vận cần vượt qua mô hình hành chính - mệnh lệnh, để trở thành một hoạt động mang tính khoa học, triết học và nhân văn. Cần đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận có kỹ năng giao tiếp xã hội, hiểu biết văn hóa cộng đồng và có khả năng truyền cảm hứng. Các tổ chức chính trị - xã hội cần đổi mới nội dung, hình thức vận động quần chúng, sử dụng hiệu quả mạng xã hội, truyền thông số để kết nối, tương tác và nâng cao nhận thức cộng đồng. Khi người dân được cung cấp đầy đủ thông tin, họ sẽ chủ động tham gia và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước.

Thứ tư, phát triển các mô hình cộng đồng tự quản, tự phát triển. Thực hành tư tưởng thân dân cũng đồng nghĩa với việc trao quyền cho người dân quản lý và tổ chức đời sống của mình. Các tổ chức cần hỗ trợ xây dựng các mô hình cộng đồng tự quản như tổ liên gia, nhóm hộ gia đình, hội đồng cộng đồng tại các khu dân cư. Chính trong những mô hình ấy, người dân không chỉ là người “được tổ chức” mà là người “tự tổ chức” - điều phản ánh đúng tinh thần của triết lý Hồ Chí Minh: dân không chỉ là người thực hiện mà còn là người chủ thể hoạch định.

Vận dụng tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh trong thực tiễn không chỉ là học tập về lời nói và hành động của Người, mà là một quá trình tiếp cận triết học - nơi lý tưởng về con người, về cộng đồng và về sự công bằng được thể hiện qua hệ thống các phương thức tổ chức, vận động, lắng nghe và hành động. Các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng, trong vai trò là các lực lượng trung gian, cần không ngừng đổi mới phương thức hoạt động để trở thành nơi lan tỏa

triết lý Hồ Chí Minh về “thân dân”, từ đó khơi dậy và phát huy tối đa sức mạnh của quần chúng - nguồn lực quý giá nhất để kiến tạo một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

4.2.3. Cải cách hành chính và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

Trong bối cảnh đất nước đang bước vào một giai đoạn bứt phá mới - “kỷ nguyên vươn mình” với những chuyển động sâu rộng về kinh tế, xã hội và công nghệ, khơi dậy và phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân trở thành nhiệm vụ trung tâm của quá trình đổi mới quốc gia. Muốn làm được điều đó, cần bắt đầu từ việc cải cách hành chính một cách thực chất, đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ - những người trực tiếp hiện thực hóa tư tưởng “thân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của Nhân dân như một nhân tố trung tâm, là “cội nguồn sức mạnh” của dân tộc. Người khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [89, tr. 453]. Nhưng tinh thần ấy chỉ có thể trở thành động lực hiện thực nếu được tổ chức và dẫn dắt bằng một hệ thống nhà nước minh bạch, hiệu quả và nhất là, gắn bó mật thiết với đời sống của người dân thông qua đội ngũ cán bộ tận tụy, đạo đức và có năng lực.

Cải cách hành chính - nền tảng thể chế cho tư tưởng “thân dân”. Cải cách hành chính trong thời kỳ hiện đại không đơn thuần là tinh giản thủ tục hay số hóa quy trình. Đó là một cuộc chuyển hóa căn bản từ “quản lý” sang “phục vụ”, đặt người dân vào vị trí trung tâm của hệ thống chính quyền. Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận thể chế mới, nơi mà nguyên lý vận hành không phải là quyền lực từ trên xuống, mà là sự tương tác hai chiều, minh bạch và dân chủ. Các phương thức cụ thể có thể kể đến bao gồm: *Thiết lập hệ thống hành chính điện tử và chính quyền số*: Tăng cường ứng dụng công nghệ nhằm giảm thiểu rào cản hành chính, tăng tính công khai, minh bạch, từ đó tạo điều kiện cho người dân tham gia giám sát và phản hồi chính sách; *Chuẩn hóa quy trình phục vụ công dân*: Xây dựng quy chuẩn dịch vụ hành chính công dựa trên mức độ hài lòng của người dân, thay vì chỉ theo các tiêu chí nội bộ; *Thực hiện cơ chế*

“một cửa, liên thông” đồng bộ từ Trung ương đến địa phương: Giúp giảm phiền hà, tránh chồng chéo, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình của từng cán bộ, cơ quan.

Nâng cao chất lượng cán bộ - then chốt trong hiện thực hóa tư tưởng “vì dân, gần dân”. Dù cải cách hành chính có tiên tiến đến đâu, nếu thiếu một đội ngũ cán bộ tận tâm và có năng lực thì mọi nỗ lực sẽ trở thành hình thức. Cán bộ không chỉ là người thực thi chính sách mà còn là hiện thân của quyền lực nhà nước - là “bộ mặt” của chính quyền trong mắt nhân dân. Do đó, việc xây dựng đội ngũ cán bộ không chỉ dừng lại ở tiêu chuẩn chuyên môn, mà phải toàn diện trên các phương diện: *Đổi mới công tác đào tạo và tuyển dụng cán bộ*: Chuyển từ mô hình “cứng nhắc, đóng khung” sang “mở, linh hoạt và phù hợp với thực tiễn địa phương”. Đặc biệt, cần khuyến khích sự tham gia của những người trẻ, có tầm nhìn đổi mới và phẩm chất đạo đức; *Tái thiết lập hệ thống đánh giá và sử dụng cán bộ theo hiệu quả thực tế*: Lấy ý kiến người dân làm một tiêu chí phản ánh năng lực và mức độ tín nhiệm của cán bộ, tạo ra cơ chế sàng lọc tự nhiên và khách quan; *Bồi dưỡng đạo đức công vụ như một trụ cột không thể thiếu*: Tinh thần phụng sự phải được thấm nhuần trong từng hành động, từ việc tiếp dân đến xử lý công việc. Ở đây, tư tưởng “thân dân” không chỉ là định hướng đạo đức mà còn là kim chỉ nam hành động.

Thế kỷ 21 với đặc trưng là số hóa và toàn cầu hóa đã mở ra những cơ hội to lớn để thể chế hóa tư tưởng Hồ Chí Minh bằng công nghệ. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng công nghệ chỉ là công cụ; con người vẫn là yếu tố trung tâm. Không ít cán bộ hiện nay có xu hướng sử dụng hệ thống tự động hóa như một tấm “khiên chắn” để né tránh tiếp xúc, lẩn tránh trách nhiệm hoặc làm việc hình thức. Điều này trái ngược hoàn toàn với yêu cầu về tinh thần “thân dân” - vốn đòi hỏi sự gần gũi, minh bạch và chia sẻ. Vì vậy, công nghệ cần được vận dụng như một công cụ mở rộng tiếp cận của người dân, nâng cao sự tương tác và phản hồi chứ không phải rào chắn vô hình. Một chính quyền hiện đại phải biết vận dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn (big data), nền tảng số để thiết kế các dịch vụ công “cá nhân hóa”, linh hoạt và dễ tiếp cận - qua đó không chỉ phục

vụ dân mà còn “đồng hành” với dân trong mọi mặt đời sống. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước “của dân, do dân và vì dân” đòi hỏi chúng ta phải kiến tạo một mô hình nhà nước mà ở đó người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng, mà còn là chủ thể sáng tạo và kiểm soát quyền lực. Cải cách hành chính và phát triển đội ngũ cán bộ chính là hai trụ cột song hành để hiện thực hóa điều đó. Chỉ khi nào người dân có thể dễ dàng tiếp cận thông tin, chủ động tham gia giám sát, góp ý và phản biện chính sách; khi nào cán bộ sẵn sàng lắng nghe, chịu trách nhiệm và sửa sai một cách công khai - thì lúc đó tư tưởng “thân dân” mới thật sự thấm nhuần và trở thành nền tảng đạo đức - chính trị trong bộ máy nhà nước.

Trong hành trình bước vào kỷ nguyên mới - nơi mà khát vọng phát triển của dân tộc ngày càng lớn mạnh - việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “thân dân” không thể dừng ở lời nói hay khẩu hiệu. Nó cần được thể hiện bằng thể chế hành chính hiện đại, bằng đội ngũ cán bộ có năng lực và đạo đức, và bằng sự đồng hành thiết thực cùng nhân dân trong mọi chuyển động của đời sống. Đó không chỉ là con đường cải cách, mà còn là con đường phát triển bền vững và mang tính khai phóng cho cả dân tộc.

4.2.4. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh

Để nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng "thân dân" của Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay, cần triển khai đồng bộ các giải pháp cụ thể nhằm phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ nhất, việc nâng cao nhận thức về tư tưởng “thân dân” trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và trong quần chúng nhân dân là nhiệm vụ quan trọng. Cần tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục lý luận để cán bộ, đảng viên và người dân hiểu rõ tầm quan trọng của nguyên lý “lấy dân làm gốc”, từ đó củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Đặc biệt, trong thời đại công nghệ số, cần phát huy vai trò của các nền tảng trực tuyến, các phương tiện truyền thông đại chúng để truyền tải tư tưởng Hồ Chí Minh

một cách sinh động và dễ tiếp cận. Các cuộc hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trực tuyến là những hình thức hiệu quả để tăng cường việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng này đến mọi tầng lớp Nhân dân, từ đó nâng cao nhận thức chung về vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Thứ hai, việc triển khai, quán triệt thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nội dung Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW là cần thiết. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh, căn cứ vào tình hình cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, để chủ động lựa chọn những khâu đột phá, những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, những vấn đề nổi cộm, bức xúc mà đông đảo quần chúng Nhân dân quan tâm, dựa vào Nhân dân, lấy dân làm gốc để có những giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phù hợp, đạt kết quả, nhằm đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người đi vào chiều sâu, thực sự thiết thực.

Thứ ba, tạo cơ chế để người dân tham gia vào quá trình hoạch định và giám sát chính sách. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng, cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, do đó việc để người dân tham gia vào quá trình xây dựng chính sách là yêu cầu tất yếu. Các hình thức như hội nghị tiếp xúc cử tri, đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo các cấp với Nhân dân, các cuộc khảo sát xã hội, các cuộc thi, hội thảo chính sách cần được mở rộng và nâng cao chất lượng. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cũng cần phát huy vai trò trong việc kết nối và phản ánh nguyện vọng của Nhân dân đối với các cơ quan nhà nước. Đặc biệt, việc giám sát chính quyền thông qua các tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng là một hình thức quan trọng để đảm bảo quyền lợi của Nhân dân, đồng thời ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng.

Thứ tư, cần quan tâm đến công tác giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, xây dựng được nhiều tấm gương người tốt, việc tốt. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cần đẩy mạnh phong trào thi đua trong

học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách “thân dân” của Người. Chú trọng phát hiện và đẩy mạnh việc nhân rộng các điển hình tiên tiến, các tấm gương người tốt, việc tốt, những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong học tập và thực tiễn. Tôn vinh các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước để tạo sự cảm hóa mạnh mẽ, là tấm gương, là bài học sống động góp phần vào việc bồi dưỡng nhận thức, tư tưởng, tình cảm, khơi dậy và nhân lên mặt tích cực trong mỗi người, trong mỗi đơn vị và trong cộng đồng xã hội, hướng tới xây dựng hình ảnh tốt đẹp về đất nước trong lòng bạn bè trong nước và quốc tế.

Thứ năm, cần có cơ chế khuyến khích và phát huy sức sáng tạo của Nhân dân. Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh không chỉ đơn thuần nhấn mạnh quyền lợi của Nhân dân mà còn đánh giá cao vai trò sáng tạo và chủ động của quần chúng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Để phát huy sức mạnh của Nhân dân, cần tạo ra một môi trường thuận lợi để Nhân dân có thể phát huy sáng kiến, sáng tạo, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội. Chính phủ cần xây dựng các cơ chế hỗ trợ và khuyến khích các sáng kiến đổi mới, sáng tạo, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường. Chính sách khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, các chương trình đào tạo kỹ năng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là những biện pháp cần thiết để tạo ra một hệ sinh thái sáng tạo. Từ đó, tạo ra một xã hội năng động, sáng tạo, nơi mà mọi công dân đều có thể đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Việc nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là một yêu cầu hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội trong công cuộc xây dựng và phát triển. Tư tưởng này không chỉ cung cấp cho chúng ta những nguyên lý lý luận sâu sắc mà còn là kim chỉ nam cho mọi hành động thực tiễn. Để phát huy sức mạnh của Nhân dân, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo ra cơ chế thuận lợi để Nhân dân tham gia

vào quá trình xây dựng chính sách, cải cách hành chính và phát huy sức sáng tạo trong mọi lĩnh vực.

4.2.5. Phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số nhanh chóng và sự gia tăng của các chiến lược truyền thông chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, việc phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông trong tuyên truyền, phổ biến tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ngày càng trở nên cấp thiết. Đây không chỉ là nhiệm vụ chính trị quan trọng mà còn là phương thức hiệu quả để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong công cuộc phát triển đất nước.

Trước hết, cần xác định rõ vai trò then chốt của báo chí và truyền thông trong việc chuyển tải những nội dung cốt lõi và giá trị sâu sắc của tư tưởng “thân dân” đến đông đảo các tầng lớp nhân dân. Các cơ quan báo chí cần tổ chức sản xuất nội dung tuyên truyền một cách hệ thống, bài bản và hấp dẫn, đặc biệt chú trọng tới việc phản ánh sinh động những tấm gương cán bộ gần dân, sát dân, lắng nghe và giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Qua đó, không chỉ làm sâu sắc thêm nhận thức của xã hội về tư tưởng “thân dân” mà còn góp phần hình thành chuẩn mực đạo đức công vụ mới, lấy phục vụ nhân dân làm trung tâm.

Báo chí cách mạng cần nâng cao hiệu quả đấu tranh tư tưởng thông qua việc phản bác các luận điệu xuyên tạc, sai trái, nhất là các nội dung nhằm chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Để làm được điều này, cần xây dựng đội ngũ nhà báo, biên tập viên, chuyên gia truyền thông có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy phản biện sắc bén và khả năng sử dụng công nghệ truyền thông hiện đại. Việc đầu tư đào tạo chuyên sâu về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời bồi dưỡng kỹ năng truyền thông số, truyền

thông định hướng dư luận sẽ là nền tảng giúp báo chí trở thành lực lượng tiên phong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Một giải pháp quan trọng khác là phát huy mạnh mẽ vai trò giáo dục, dẫn dắt nhận thức của báo chí đối với giới trẻ - lực lượng dễ bị tác động bởi thông tin lệch lạc trên không gian mạng. Cần phát triển các chuyên mục, chiến dịch truyền thông sáng tạo, thân thiện với giới trẻ trên các nền tảng số như mạng xã hội, podcast, video ngắn, trò chơi hóa nội dung (gamification)... để lan tỏa những giá trị tích cực của tư tưởng “thân dân”, khơi gợi tinh thần yêu nước, ý thức công dân và khát vọng cống hiến vì cộng đồng.

Song song đó, cần tăng cường kết nối, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan báo chí, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tổ chức các chương trình truyền thông tập trung, quy mô lớn, đồng thời duy trì các chuyên mục tuyên truyền định kỳ về tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là nội dung “lấy dân làm gốc”, “dân là chủ, dân làm chủ”. Các cơ quan báo chí cần chủ động tham gia vào việc phát hiện, biểu dương các mô hình dân vận khéo, các điển hình tập thể, cá nhân trong thực hiện chính sách gần dân, phục vụ nhân dân để từ đó hình thành động lực lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội.

Trong thời đại số, không thể thiếu việc tăng cường quản lý và định hướng thông tin trên mạng xã hội. Cần hoàn thiện hành lang pháp lý, đồng thời xây dựng hệ thống kỹ thuật giám sát, cảnh báo và phản hồi thông tin nhanh chóng, kịp thời. Các cơ quan truyền thông, đặc biệt là báo chí điện tử, cần thiết lập các bộ phận chuyên trách nhằm giám sát, phản ứng và xử lý hiệu quả những thông tin sai lệch, những nội dung mang tính kích động, gây chia rẽ giữa nhân dân với Đảng và chính quyền.

Ngoài ra, để phát huy được vai trò dẫn dắt tư tưởng của truyền thông, Nhà nước cần chú trọng đầu tư hạ tầng công nghệ truyền thông hiện đại, hỗ trợ sáng tạo nội dung chất lượng cao, đồng thời bảo đảm quyền tiếp cận thông tin chính xác, minh bạch cho người dân. Việc xây dựng các nền tảng thông tin đa phương tiện - kết hợp giữa văn bản, hình ảnh, âm thanh và tương tác trực tiếp -

sẽ giúp tăng tính hấp dẫn, dễ tiếp nhận và lan tỏa mạnh mẽ thông điệp chính trị tích cực.

Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh không chỉ là nền tảng lý luận vững chắc mà còn là kim chỉ nam cho hành động thực tiễn của báo chí cách mạng Việt Nam. Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, báo chí cần trở thành lực lượng nòng cốt trong việc gìn giữ, phát triển và hiện thực hóa tư tưởng ấy vào từng chính sách, từng hành động cụ thể, để mỗi người dân thấy rõ vai trò, vị trí, quyền lợi và trách nhiệm của mình trong tiến trình phát triển chung. Khi tư tưởng “thân dân” được lan tỏa sâu rộng, thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc sẽ ngày càng bền vững, tạo nên nguồn nội lực mạnh mẽ đưa đất nước tiến lên giàu mạnh, văn minh và hiện đại.

4.3. TĂNG CƯỜNG THỰC HÀNH DÂN CHỦ, BẢO ĐẢM QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN TRÊN CÁC LĨNH VỰC NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG “THÂN DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH ĐỂ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của Nhân dân đưa cách mạng tiến lên” cho nên trong thời gian tới, chúng ta phải không ngừng phát huy dân chủ, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức [25, tr.25].

Phát huy dân chủ phải được coi là động lực và mục tiêu của công cuộc đổi mới, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Dân chủ phải được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

4.3.1. Hoàn thiện thể chế dân chủ - nền tảng pháp lý cho quyền làm chủ của Nhân dân

Thể chế dân chủ chính là hệ thống quy phạm pháp luật và thiết chế chính trị - xã hội nhằm cụ thể hóa quyền làm chủ của nhân dân. Trong một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ không thể chỉ dừng lại ở khẩu hiệu hay

tuyên ngôn, mà phải được thể chế hóa thành hệ thống luật pháp và cơ chế thực thi, qua đó tạo điều kiện thực chất để nhân dân tham gia vào quá trình quản lý xã hội trên mọi lĩnh vực.

Trước hết, cần hoàn thiện cả hai hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Trong đó, việc bảo đảm quyền bầu cử, ứng cử và tham gia xây dựng chính sách thông qua trưng cầu ý dân, các hội nghị công dân, hay các tổ chức chính trị - xã hội, là biểu hiện sinh động của việc nhân dân trực tiếp làm chủ. Đồng thời, các cơ quan dân cử như Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp cần được đổi mới và nâng cao chất lượng, thực sự là cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

Việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và các chủ thể xã hội phải được vận hành trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Chỉ có pháp luật công bằng, minh bạch, nhất quán mới bảo đảm quyền và nghĩa vụ của công dân được thực hiện một cách bình đẳng, có hiệu quả. Đặc biệt, cần triển khai thực chất nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong đời sống chính trị - hành chính ở cơ sở. Đây không chỉ là một yêu cầu đạo lý theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn là một cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả từ gốc - nơi phát sinh quyền lực nhà nước.

Hoàn thiện thể chế dân chủ là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Đây là quá trình biện chứng giữa lý luận và thực tiễn, giữa quyền lực nhà nước và quyền lực nhân dân, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho việc vận dụng tư tưởng “thân dân” nhằm phát huy tối đa sức mạnh quần chúng trong công cuộc phát triển đất nước.

4.3.2. Dân chủ trên lĩnh vực kinh tế - hiện thực hóa quyền làm chủ của Nhân dân qua sở hữu và phân phối

Quyền làm chủ trên lĩnh vực kinh tế được Hồ Chí Minh xác định: Từ làm chủ tư liệu sản xuất, họ (giai cấp công nhân) phải được làm chủ việc quản lý kinh tế, làm chủ việc phân phối sản phẩm lao động. Quyền gắn liền với trách nhiệm đóng góp xây dựng đất nước về kinh tế theo qui định của pháp luật:

“Các tầng lớp nhân dân ta - công nhân, nông dân, lao động trí óc, các nhà công thương, đồng bào thiểu số - ai nấy hãy làm tròn nghĩa vụ của người công dân, người chủ nước nhà” [35, tr.248]. Đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội nhằm giải phóng sức sản xuất, tạo điều kiện để đẩy mạnh cải tạo quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới cũng chính là quá trình mở rộng dân chủ trên lĩnh vực kinh tế. Theo đó những giá trị dân chủ trên lĩnh vực chính trị sẽ được tiếp nhận như những lợi ích thiết thân của mỗi cá nhân và cộng đồng.

Để thực hiện dân chủ trên lĩnh vực kinh tế, phải tôn trọng và đảm bảo các lợi ích chính đáng của người lao động thông qua các chính sách kinh tế và chính sách xã hội đối với các thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trên tinh thần bình đẳng, công khai, phải tạo lập các điều kiện kinh tế - xã hội cho người lao động có cơ hội như nhau trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ kinh tế; phải thể chế hóa về mặt pháp lý những quyền công dân cơ bản trên lĩnh vực kinh tế.

Mở rộng dân chủ trên lĩnh vực kinh tế tạo cơ sở để phát huy dân chủ trên lĩnh vực chính trị. Có những vấn đề quan trọng và bức thiết trong tình hình hiện nay cần phải giải quyết như: Tiếp tục khẳng định quyền tự chủ của kinh tế hộ, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế hợp tác để giải phóng mọi năng lực sản xuất của các tầng lớp dân cư đặc biệt ở nông thôn. Cần tiếp tục giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân; những quyền tự do dân chủ rộng rãi cần được hoàn chỉnh thêm trong các quy phạm về quyền sử dụng ruộng đất. Nhà nước cũng cần phải xây dựng đồng bộ một hệ thống chính sách, quy chế tạo điều kiện, tạo môi trường dân chủ để kinh tế hộ và các hình thức kinh tế hợp tác hoạt động thực sự có hiệu quả.

Mở rộng dân chủ trên lĩnh vực kinh tế thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa để nâng cao trình độ thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực khác. Từ một nước có nền kinh tế lạc hậu muốn phát triển nhanh lực lượng sản xuất, đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng, giải quyết lao động, việc làm và những vấn đề xã hội, chính trị, văn hóa có hiệu quả tiến tới giải phóng xã hội, giải phóng con

người thì không có cách nào khác là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong đó, coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu. Tạo điều kiện mở rộng giao lưu văn hóa, kinh tế giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng với nhau. Đây là những yếu tố cơ bản nhất để phát triển sản xuất, đảm bảo an toàn lương thực quốc gia, từng bước thúc đẩy quá trình hình thành thị trường hàng hóa ở nông thôn, tích lũy vốn cho sản xuất công nghiệp. Dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa việc tận dụng lao động dư thừa, tận dụng thời gian nhàn rỗi, kích thích và giải phóng năng lực lao động sáng tạo đang tiềm tàng trong mỗi cá nhân và cộng đồng trong thực hiện lợi ích kinh tế sẽ ngày càng có hiệu quả.

Mở rộng dân chủ trên lĩnh vực kinh tế thông qua việc thực hiện dân chủ trong quản lý kinh tế - xã hội ở cơ sở. Thực hiện công bằng, bình đẳng trong thu các loại thuế, các khoản thu khác theo pháp luật. Huy động sự đóng góp của dân phải trên nguyên tắc tự nguyện, việc quản lý khoản đóng góp của dân phải công khai, có kiểm tra, kiểm soát. Khi Nhân dân có khiếu kiện phải giải quyết kịp thời, đúng đắn, công khai, dân chủ.

Thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội những năm qua đã chứng minh rằng việc thực hiện dân chủ trên lĩnh vực kinh tế là giải pháp hữu hiệu giữ vững ổn định chính trị, giải quyết được những bức xúc trong Nhân dân, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trên cơ sở đó trình độ dân chủ của Nhân dân cũng được nâng lên.

4.3.3. Dân chủ trên lĩnh vực chính trị

Bản chất của nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, điều đó đã được khẳng định như một thành quả của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, chống ách thống trị hàng ngàn năm của bọn phong kiến và hàng trăm năm của bọn thực dân đế quốc. Ở mọi giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam, nhất là trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng ta luôn nhấn mạnh: “Chỉ có thể dựa vào sức mạnh của nhân dân mới xây dựng được chính quyền trong sạch, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, an ninh, quốc phòng, tạo động lực to lớn phát triển kinh tế - xã hội” [82, tr.47].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Dân chủ, sáng kiến, hăng hái, ba điều đó rất có quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến” [90, tr.284]. Tôn trọng và bảo đảm trên thực tế quyền dân chủ và làm chủ của nhân dân là vấn đề có ý nghĩa sống còn, không chỉ đối với nhà nước mà chúng ta đang xây dựng để trở thành nhà nước pháp quyền, đối với việc tăng cường uy tín và mở rộng ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam mà còn là nhân tố quyết định thành công sự nghiệp đổi mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mặt khác, chỉ có phát huy sức mạnh làm chủ của Nhân dân mới có thể chống tiêu cực, chống tham nhũng có hiệu quả, nhằm củng cố Đảng, làm trong sạch bộ máy nhà nước, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ ta, là thước đo tiêu chí đánh giá tính chất của dân, do dân, vì dân trong tổ chức hoạt động của nhà nước ta trên thực tế.

Trong mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, Đảng, và Nhà nước ta xác định vấn đề quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng chế độ dân chủ đại diện, mở rộng và có cơ chế từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp một cách thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả. Quyền làm chủ của Nhân dân cần được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ chức Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Như vậy, bên cạnh việc tiếp tục kiện toàn tổ chức và hoạt động của các cơ quan đại diện để luôn xứng đáng với lòng tin và sự tín nhiệm của dân, thì phải từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp, với những quy định cụ thể đảm bảo cho Nhân dân trực tiếp thực hiện quyền làm chủ của mình, “tổ chức để nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, quyết sách quan trọng của Đảng, Nhà nước” [82, tr.282]. Đồng thời cần nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách, để các cơ quan này thực sự là cơ quan đại diện giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.

Phát huy dân chủ, đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân phải đi đôi với

giữ vững kỷ luật, kỷ cương; tăng cường pháp chế, quyền lợi đi đôi với nghĩa vụ, không thể có dân chủ mà lại thiếu pháp luật, kỷ cương. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải xác định rõ khuôn khổ, phạm vi của dân chủ và tự giác hành động trong khuôn khổ, khuôn khổ đó là pháp luật. Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, kỷ luật, trật tự, kỷ cương phải được thiết lập nghiêm ngặt trong toàn xã hội, đảm bảo cho quyền và lợi ích chính đáng của người dân không bị vi phạm.

Phát huy dân chủ là vấn đề thiết thực, quan trọng trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa để đảm bảo cho Nhân dân được thực hiện các quyền dân chủ và làm chủ của mình. Nhà nước tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện có nền nếp yêu cầu dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với xã hội, một mặt, pháp luật ghi nhận và thể chế hóa quyền con người, quyền công dân và bảo đảm về mặt pháp lý cho các quyền đó được thực hiện; mặt khác, pháp luật trở thành phương tiện để các thành viên của xã hội có điều kiện bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình. Việc thực hiện dân chủ điều quan trọng là phải hoàn thiện các chế định dân chủ để buộc các chủ thể cầm quyền dù muốn hay không cũng phải tuân theo. Nếu không có thể chế để qua đó Nhân dân kiểm soát được quyền lực thì tất yếu sẽ dẫn đến xu hướng lạm quyền. Phải xây dựng các thể chế để bảo đảm cho Nhân dân có quyền và khả năng thực tế kiểm tra, giám sát các cán bộ và cơ quan Nhà nước, nhằm ngăn ngừa và đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, vô trách nhiệm. Về chính trị, bảo đảm cho Nhân dân có quyền và nghĩa vụ tham gia vào các hoạt động quản lý điều hành của Nhà nước và tổ chức chính trị, xã hội một cách trực tiếp và thông qua các đại diện ưu tú do mình lựa chọn. Bảo đảm quyền dân chủ trong ứng cử, bầu cử, thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các dự án luật; trong sinh hoạt dân chủ ở các cơ quan dân cử, các đoàn thể xã hội. Về văn hóa, tinh thần, phải tạo cho các tầng lớp Nhân dân có quyền tự do hưởng thụ thành tựu văn hóa tiên bộ và tự do tư tưởng.

4.3.4. Dân chủ trên lĩnh vực văn hóa, xã hội - nâng cao năng lực chủ thể của người dân

Trong truyền thống triết học duy vật biện chứng, con người được nhìn nhận không chỉ như sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử - xã hội, mà còn là chủ thể của quá trình cải biến hiện thực. Theo đó, dân chủ - với tư cách là một phương thức tổ chức và vận hành đời sống xã hội - chỉ thực sự có ý nghĩa khi cá nhân được tạo điều kiện để phát triển đầy đủ tư cách chủ thể xã hội của mình. Một xã hội dân chủ thể hiện không chỉ thể chế chính trị phù hợp mà còn cần không gian văn hóa - xã hội nơi mọi cá nhân được bảo đảm quyền tự do tư tưởng, tự do sáng tạo và tự do tham gia vào đời sống cộng đồng. Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, dân chủ không đơn thuần là quyền hưởng thụ thụ động các giá trị, mà còn bao gồm quyền tham gia vào quá trình sáng tạo, biểu đạt và kiểm nghiệm những giá trị đó. Do đó, để phát triển xã hội dân chủ một cách thực chất, cần triển khai những giải pháp nhằm nâng cao năng lực chủ thể của người dân - tức năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, phản biện và hành động có trách nhiệm.

Thứ nhất, tạo môi trường tự do tư tưởng, học thuật và ngôn luận trong khuôn khổ pháp luật. Theo tư tưởng triết học pháp quyền, tự do không chỉ là sự không bị cản trở mà còn là điều kiện cho sự phát triển toàn diện năng lực nội tại của con người. Việc xây dựng một môi trường cho phép tự do tư tưởng và ngôn luận - trong giới hạn pháp luật - là điều kiện tiên quyết để mỗi cá nhân được hình thành và phát triển năng lực phản biện, sáng tạo và đối thoại. Dân chủ văn hóa vì vậy đòi hỏi phải bảo đảm quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, quyền phản biện chính sách và cả quyền phê bình văn hóa, nghệ thuật. Không có môi trường học thuật tự do và tư tưởng cởi mở, sẽ không thể hình thành được những chủ thể văn hóa có năng lực đổi mới tư duy và góp phần vào sự tiến bộ của xã hội. Sự tự do đó không mâu thuẫn với tính định hướng, mà chính là tiền đề để các định hướng văn hóa - xã hội trở nên thuyết phục, có sức sống trong cộng đồng.

Thứ hai, phổ cập và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Giáo dục không chỉ là con đường nâng cao trình độ dân trí, mà còn là quá trình khai

phóng con người về mặt tinh thần, đạo đức và năng lực thực hành xã hội. Việc nâng cao năng lực chủ thể của người dân bắt đầu từ hệ thống giáo dục, đặc biệt là giáo dục công dân, giáo dục pháp luật và đạo đức công vụ. Giáo dục công dân định hướng cho người học hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong một xã hội dân chủ. Giáo dục pháp luật cung cấp nền tảng cho ý thức pháp quyền - điều kiện cần để cá nhân sử dụng đúng và có trách nhiệm các quyền tự do của mình. Còn giáo dục đạo đức công vụ là để hình thành một thể hệ công chức phục vụ dân, thấm nhuần tư tưởng “thân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó, năng lực chủ thể được xây dựng từ hai chiều: cả ở người dân và trong bộ máy nhà nước.

Thứ ba, tăng cường tiếp cận thông tin, công nghệ và tri thức toàn cầu. Trong điều kiện cách mạng công nghiệp 4.0, khả năng tiếp cận tri thức và công nghệ toàn cầu là điều kiện quan trọng để thu hẹp khoảng cách dân trí giữa các vùng miền, các tầng lớp xã hội. Một xã hội dân chủ không thể chỉ giới hạn trong khuôn khổ hình thức, mà cần bảo đảm rằng mọi công dân đều có cơ hội tiếp cận thông tin như nhau, được trang bị công cụ để hiểu, phân tích và phản hồi lại các vấn đề xã hội. Việc thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển hạ tầng thông tin, xây dựng xã hội học tập, tạo ra các nền tảng học tập mở là những hướng đi thiết thực giúp nâng cao tri thức phổ thông và tri thức chuyên sâu cho mọi công dân. Điều này giúp mỗi người dân không chỉ tiếp nhận mà còn tham gia vào việc kiến tạo các giá trị xã hội theo cách chủ động và có trách nhiệm.

Thứ tư, phát triển không gian văn hóa công cộng và khuyến khích sự tham gia của Nhân dân. Một trong những tiêu chí của xã hội dân chủ là sự hiện diện của không gian công cộng - nơi các cá nhân có thể thảo luận, phản biện và biểu đạt các quan điểm xã hội. Triết học gọi đây là không gian của lý tính giao tiếp, nơi mỗi người vừa là người tiếp nhận, vừa là người kiến tạo các giá trị chung. Việc phát triển các thiết chế văn hóa - như nhà văn hóa cộng đồng, thư viện công, câu lạc bộ sinh hoạt tư tưởng - là một giải pháp quan trọng. Những không gian này giúp người dân rèn luyện kỹ năng thảo luận, đối thoại, làm việc

nhóm và đồng thời thể hiện ý chí cá nhân trong môi trường tập thể. Dân chủ không tự hình thành nếu không có cơ chế để biểu đạt - và các không gian công cộng là nơi hiện thực hóa cơ chế đó.

Thứ năm, hoàn thiện thể chế pháp lý để bảo vệ quyền dân chủ trong văn hóa - xã hội. Một mặt, dân chủ văn hóa - xã hội cần được ghi nhận như một quyền hiến định của công dân; mặt khác, nó cần được thể chế hóa qua các đạo luật bảo đảm tự do học thuật, tự do sáng tạo, quyền phản biện và quyền tiếp cận thông tin. Đồng thời, Nhà nước phải xây dựng các chế tài rõ ràng chống lại sự vi phạm quyền văn hóa của cá nhân - như kiểm duyệt tùy tiện, bôi nhọ, xâm phạm bản quyền, ngăn cản biểu đạt hợp pháp. Tính pháp lý của dân chủ không chỉ bảo vệ cá nhân trước nguy cơ bị lạm quyền, mà còn tạo ra khuôn khổ để dân chủ vận hành hiệu quả, có kỷ cương. Điều này làm rõ luận điểm triết học: tự do chỉ có thể được đảm bảo thông qua luật pháp, và chủ thể chỉ có thể hiện diện trong một trật tự xã hội được pháp quyền hóa.

Dân chủ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội là một mặt trận quan trọng để nâng cao năng lực chủ thể của người dân. Triết học khẳng định rằng: con người là sản phẩm của lịch sử, nhưng đồng thời là chủ thể kiến tạo lịch sử. Vì vậy, mọi thiết chế, chính sách phải hướng đến việc giải phóng tiềm năng sáng tạo, tư duy và trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân. Chỉ khi đó, dân chủ mới trở thành động lực nội sinh của phát triển, còn con người mới thực sự là trung tâm và là mục tiêu của tiến trình lịch sử.

Tiểu kết chương 4

Dựa trên cơ sở lý luận và thực trạng đã được làm rõ trong Chương 2 và Chương 3 của luận án, Chương 4 tập trung vào việc đề xuất các giải pháp thiết thực để vận dụng hiệu quả tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam. Luận án đã phân tích và đề xuất một số giải pháp chủ yếu, bao gồm: (1) Tiếp tục phát huy vai trò tích cực và sáng tạo của các chủ thể trong vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng Nhân dân ở Việt Nam hiện nay; (2) Đa dạng hóa các phương thức vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh sao cho phù hợp với từng điều kiện thực tiễn cụ thể. Việc áp dụng linh hoạt và sáng tạo tư tưởng này sẽ giúp giải quyết những vấn đề đặc thù của từng vùng miền, cũng như đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân trong từng giai đoạn phát triển khác nhau của đất nước; (3) Tăng cường thực hành dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Tất cả những giải pháp này có mối quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp sẽ giúp vận dụng hiệu quả tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh, phát huy sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đồng thời, việc làm rõ những giải pháp này cũng góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án. Từ đó, không chỉ nâng cao hiệu quả công tác vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh vào thực tiễn mà còn góp phần định hướng cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay, với sự tham gia tích cực của toàn thể quần chúng nhân dân.

KẾT LUẬN

Suốt chặng đường gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, những thành quả và thực tiễn phát triển của đất nước khẳng định tính đúng đắn của đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Một điều quan trọng đối với Đảng và dân tộc ta là luôn song hành với cuộc hành trình đổi mới này có di sản quý báu là tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh. Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay là một vấn đề có ý nghĩa thiết thực, bởi đó là nền tảng tư tưởng, soi đường, chỉ lối cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong công tác vận động, tập hợp, phát huy sức mạnh vật chất, tinh thần và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là kết quả của sự nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc tư tưởng “tin dân”, “trọng dân”, “dựa vào dân” của truyền thống dân tộc, giá trị nhân văn nhân loại, đặc biệt là lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân, từ đó vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam. Dưới góc độ tiếp cận của luận án, vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay được thể hiện ở ba nội dung cơ bản: Thứ nhất, vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy các nguồn lực vật chất trong dân; Thứ hai, vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân; Thứ ba, vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trước những tác động mạnh mẽ của công cuộc đổi mới, phát triển đất nước cùng với sự biến đổi phức tạp của bối cảnh thời đại, tính tích cực chủ động và phương thức vận dụng của các chủ thể đã và đang là những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

Thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay được thể hiện thông qua ba khía cạnh cơ bản: Thứ nhất, thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy các nguồn lực vật chất trong dân; Thứ hai, thực trạng vận dụng tư tưởng phát huy sức mạnh tinh thần của Nhân dân; Thứ ba, thực trạng vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trải qua gần 40 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và rất quan trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn có những hạn chế nhất định.

Trước yêu cầu mới của đất nước, vận dụng hiệu quả tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam hiện nay đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu: Tiếp tục phát huy vai trò tích cực và sáng tạo của các chủ thể trong vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng Nhân dân ở Việt Nam hiện nay; Đa dạng hóa các phương thức vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh sao cho phù hợp với từng điều kiện thực tiễn cụ thể của mỗi địa phương, mỗi lĩnh vực; Tăng cường thực hành dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân trên các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh để phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Trong giai đoạn hiện nay, sự nghiệp đổi mới không có mục đích nào khác là vì hạnh phúc của Nhân dân. Hơn lúc nào hết, tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh cần phải được tiếp tục nghiên cứu và vận dụng sáng tạo nhằm phát huy tối đa sức mạnh của quần chúng nhân dân để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Cao Thành Tuân (2024), *Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm phát huy sức mạnh của nhân dân trong xây dựng và phát triển đất nước*, Tạp chí Cộng sản điện tử, <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/trang-thong-tin-dia-phuong/-/2018/933202/van-dung-tu-tuong-“than-dan”-cua-chu-tich-ho-chi-minh-nham-phat-huy-suc-manh-cua-nhan-dan-trong-xay-dung-va-phat-trien-dat-nuoc.aspx>
2. Cao Thành Tuân (2024), *Citizen-centered ideology in Vietnam political culture*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Văn hóa, giáo dục và du lịch với phát triển kinh tế”, Nxb Thông tin và Truyền thông, Đà Lạt, ISBN 978-604-80-5756-5.
3. Cao Thành Tuân - đồng chủ biên (2021), Sách chuyên khảo: *Thực hành dân chủ trong các trường đại học Việt Nam hiện nay theo Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, ISBN 9786043422801.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Phương An (2017), *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về nhân dân và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
2. Phạm Đức Anh (2016), “Tư tưởng thân dân trong đường lối trị quốc của các nhà nước quân chủ Việt Nam thời Lý - Trần và Lê Sơ (thế kỷ XI-XV)”, Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 2, Số 3, tr.255-266.
3. Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2012), *Phát huy các nguồn lực của dân làm lợi cho dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ahn Kyong Hwan (2010), *Chủ tịch Hồ Chí Minh qua cảm nghĩ của một người Hàn Quốc*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
5. A.X. Varônhin (2010), *Chính sách xã hội và tinh thần thời đại của Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
6. Ban Tuyên giáo Trung ương (2015), *Hồ Chí Minh về suốt đời phấn đấu cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân, đời tư trong sáng, cuộc sống riêng giản dị*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Ban Tuyên giáo Trung ương (2019), *Xây dựng ý thức tôn trọng Nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống Nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* (Tài liệu sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị năm 2019), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Phạm Văn Bính (chủ biên) (2008), *Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9. Phạm Văn Bính (2013), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề dân quyền”, *Đặc san Hồ Chí Minh học*, (1).
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế.
12. Phạm Hồng Chương (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
13. Phạm Hồng Chương - Doãn Thị Chín (2016), *Tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Thu Cúc (2021), Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong xây dựng chính quyền, Tạp chí Tuyên giáo, <https://tuyengiao.vn/>.
15. Bùi Mạnh Cường, Nguyễn Thị Tố Uyên (2013), Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
16. Nguyễn Văn Dương (2020), “Chăm lo đời sống nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Văn kiện Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII)*, Nxb Chính trị quốc gia.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần 3 Ban Chấp hành khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Chỉ thị số 30 CT/TW “Về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (ĐH VI, VII, VIII, IX, X)*, phần 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (ĐH VI, VII, VIII, IX, X)*, phần 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban chỉ đạo tổng kết (2016), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
34. Phạm Văn Đồng (1993), *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

35. Phạm Văn Đồng (2014), *Học Chủ tịch Hồ Chí Minh - Chúng ta học gì*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Geetesh Sharman (2010), “Đảng cứu tinh của hòa bình, độc lập và hạnh phúc”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
37. Bùi Trường Giang (2020), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và yêu cầu củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân trong giai đoạn hiện nay”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>.
38. Nguyễn Tất Giáp (2014), “Trọng dân, thân dân - Tư tưởng nổi bật trong Di chúc của Chủ tịch. Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, (9).
39. Võ Nguyên Giáp (1995), “Thực chất công tác dân vận là xây dựng mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và Dân”, trong sách *Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Võ Nguyên Giáp (chủ biên) (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Nguyễn Ngọc Hà (2022), “Vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước và quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>
42. Igonaxiô Gônxalet Hanxen (2010), *Tinh thần Hồ Chí Minh ở Mỹ Latinh*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
43. Lê Thị Hằng (2023), “Phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng và phát triển đất nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/>.
44. Nguyễn Đình Hòa (2011), “Độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Triết học*, (5).

45. Phạm Duy Hoàng (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận và ý nghĩa đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Phạm Thị Thuý Hồng (2023), “Vai trò của truyền thông trong việc tăng cường quyền lực chính trị của nhân dân ở Việt Nam hiện nay”, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Chính trị học, Trường Đại học Vinh, Nghệ An.
47. Nguyễn Văn Hùng (2005), *Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác dân vận trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Hội đồng biên soạn giáo trình quốc gia (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Trung Kiên (2017), “Hội nghị Diên Hồng - Sức mạnh của sự đồng thuận”, Tạp chí Dân vận số 4/2017.
50. Đặng Xuân Kỳ (1995), *Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Đặng Xuân Kỳ (1993), *Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Đặng Xuân Kỳ (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đặng Xuân Kỳ (2004), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
54. Tô Lâm (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giữ gìn trật tự, an ninh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
55. Nguyễn Đức Lân (1998) (biên dịch và chú giải), *Tứ thư tập chú*, Nxb. Văn hóa Thông tin Hà Nội, Hà Nội.
56. Nguyễn Đình Lộc (1998), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Phan Huy Lê (2016), *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

58. Nguyễn Hồng Lĩnh (2021), “Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>.
59. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
60. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
61. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 25, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
62. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 33, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
63. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 35, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
64. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
65. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 37, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
66. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 39, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
67. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 41, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
68. V. I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 45, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
69. Lịch sử Báo chí cách mạng Việt Nam (1925-2010), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
70. Nguyễn Bá Linh (2005), “Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận” trong cuốn *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác dân vận trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Ngô Sỹ Liên (1972), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
72. Ngô Sỹ Liên (1972), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
73. Trần Thị Mai (2022), “Vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “Dân là chủ và dân làm chủ” trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân”, Tạp chí *Mặt trận*, <http://tapchimattran.vn/>
74. C. Mác (1977), *Phê phán triết học pháp quyền của Hêgghen*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

75. C. Mác - Ph. Ăngghen (1983), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
76. C. Mác - Ph. Ăngghen (1983), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
77. C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 17, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Hồ Chí Minh (2016), *Biên niên tiểu sử*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Hồ Chí Minh (1985), *Nhà nước và pháp luật*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
80. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
92. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
94. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Đỗ Mười (1995), “Xây dựng một chính quyền không có đặc quyền đặc lợi”, Tạp chí *Dân vận*, (1), tr.8 - 14.
96. Bùi Văn Nam (2018), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh nhân dân trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
97. Lê Đình Năm (2021), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và ý nghĩa đối với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn

- Đảng hiện nay”, Tạp chí *Lý luận chính trị và Truyền thông*, số tháng 09, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/>.
98. Nguyễn Quang Ngọc (2006), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
 99. Lê Hữu Nghĩa (2016), “Thực hành và phát huy dân chủ qua 30 năm đổi mới”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>.
 100. Nguyễn Văn Nguyên (2018), *Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 101. Trần Nhâm (2011), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng thiên tài*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 102. Nguyễn Khắc Nho (2013), *Hồ Chí Minh về văn hóa làm người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 103. Thái Ninh, Hoàng Chí Bảo (1997), *Dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
 104. Nguyễn Hiền Oanh (2005), *Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ở nước ta hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 105. Bùi Đình Phong và Phạm Ngọc Anh (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 106. Bùi Đình Phong (2015), *Hồ Chí Minh lấy dân làm gốc*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
 107. Bùi Đình Phong (2005), *Trí tuệ và bản lĩnh Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 108. Đặng Đình Phú (1999), “Bác Hồ nói về dân chủ tập trung”, *Tạp chí Cộng sản*, (8), tr.10.
 109. Nguyễn Thế Phúc (2014), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy quyền dân chủ để nhân dân tích cực tham gia quản lý nước nhà”, *Tạp chí Mặt trận*, (7).

110. Nguyễn Thế Phúc (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa dân chủ trong hoạt động chính trị và sự vận dụng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
111. Nguyễn Bá Quang (2020), *Học tập và làm theo phong cách “Dân vận khéo” Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
112. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
113. Lê Doãn Sơn (2023), “Tư tưởng “lấy dân làm gốc” đến quan điểm “nhân dân là trung tâm” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/>.
114. Lưu Duy Toàn (2016), “Sự vận dụng của Đảng ta về dân chủ xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Tổ chức nhà nước*, <https://tcnn.vn/>.
115. Tổng cục thống kê, *Dân số và lao động*, <https://gso.gov.vn>.
116. Mạch Quang Thắng (1999), *Đảm bảo và phát huy dân chủ trong chế độ một Đảng cầm quyền ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb, Lý luận chính trị, Hà Nội.
118. Song Thành (2006), *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
119. Đàm Văn Thọ (1996), *Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Triết học, Viện Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.
120. Đàm Văn Thọ, Vũ Hùng (1997), *Mối quan hệ giữa Đảng và dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
121. Nguyễn Viết Thông (2022), “Phát huy vai trò của nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/>
122. Đỗ Thị Hồng Thu (2008), *Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đến tư tưởng lấy dân làm gốc của Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

123. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
124. Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử Triết học Phương Đông*, Tập II, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
125. Nguyễn Phú Trọng (2022), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
126. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
127. Nguyễn Thế Trung (2017), “Phát huy nguồn lực trong Nhân dân cho phát triển đất nước ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Dân vận*, số 11.
128. Phan Mạnh Toàn (2017), “Vấn đề phát huy nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 8.
129. Phan Mạnh Toàn (2019), “Từ “Dân bản” của Nho giáo đến “Dân chủ” trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 12.
130. Lâm Quốc Tuấn (2016), “Tinh thần thân dân trong văn hóa chính trị phương Đông và Việt Nam truyền thống”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, số 2.
131. Lâm Quốc Tuấn (2022), “Phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/>.
132. Nguyễn Thanh Tuyên (2005), “Phương pháp dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua bài báo “Dân vận”- ý nghĩa thực tiễn”, Tạp chí *Dân vận*, (10).
133. Mạnh Tử (1992), *Quốc Văn giải thích*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
134. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2008), *Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

135. Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2001), *Giáo trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
136. Viện Sử học (1976), *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
137. Lã Trấn Vũ (2010), *Lịch sử tư tưởng chính trị Trung Quốc*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
138. Phạm Thị Vui (2019), “Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về tăng cường gắn bó mật thiết giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân trong giai đoạn hiện nay”, <http://dukcqtw.dcs.vn/van-dung-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-tang-cuong-gan-bo-mat-thiet-giua-can-bo-dang-vien-voi-nhan-dan-trong-giai-doan-hien-nay-duk4489.aspx>
139. Vũ Thị Kim Yến (2009), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về “thân dân” và “dân chủ”, tại trang <http://ditichhochiminhphuchutich.gov.vn>, [truy cập ngày 28/7/2023].
140. Hồng Ánh (2022), “Việt Nam gia nhập nhóm các quốc gia có HDI đạt mức cao trong năm 2019 và 2020”, Tạp chí *Kinh tế và Dự báo*, <https://tapchitaichinh.vn>, [truy cập ngày 28/7/2023].
141. <https://kinhtevadubao.vn/viet-nam-gia-nhap-nhom-cac-quoc-gia-co-hdi-dat-muc-cao-trong-nam-2019-va-2020-20898.html>
142. <https://vneconomy.vn/huy-dong-duoc-gan-22-nghin-ty-dong-tu-trong-dan-de-xay-dung-nong-thon-moi.htm>.
143. https://pbgdpl.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/ctFINBWOJ3XS/content/phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-duoi-anh-sang-tu-tuong-ho-chi-minh-2-virus-tha-hoa-bieu-hien-tinh-vi-ke-thu-tham-nhung-ngay-cang-xao-quyet
144. <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/khang-dinh-vai-tro-dan-dat-dinh-huong-tao-dong-thuan-xa-hoi-cua-bao-chi-600540.html>.
145. <https://congthuong.vn/tao-viec-lam-cho-thanh-nien-van-con-nhieu-kho-khan-thach-thuc-253432.html>

146. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-hoi-nghi-lan-thu-chin-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-ve-xay-dung-va-phat-trien-van-hoa-con-nguoi-2500>.
147. <https://vov.vn/chinh-tri/bao-chi-the-gioi-viet-ve-bac-ho>.
148. WB Country classifications by income level: 2021-2022. <https://blogs.worldbank.org/opendata/new-world-bank-country-classifications-income-level-2021-2022> // IMF.
149. <https://www.imf.org/en/Countries/VNM> // WB.
150. <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG?locations=VN>.

Tài liệu Tiếng Anh

151. Bernard (1967), *Ho Chi Minh on Revolution*, Frederick A. Praeger.
152. David Halberstam (1971), *HO*, Random House, New York.
153. Paul Mus (1971), *Ho Chi Minh, Le Vietnam, L'Asie*, Paris, Seuil.
154. Jean Lacouture (1968), *Ho Chi Minh, A Political Biography*, Random House, New York.
155. Jean Sainteny (1970), *Face à Ho Chi Minh*, Édition Seghers, Paris.
156. William J. Duiker (2000), *Ho Chi Minh, A Life*, Hyperion Books, New York.